

HỢP TUYỂN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THÂN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 29 & 30

Năm XI (2001)

CHỦ ĐỀ:

KITÔ HỌC [III]

- Kitô học: Hành trình trắc trở**
Canxêdon - Cônxtantinôp
- Đức Giêsu chịu chết**
Biến cố lịch sử - Ý nghĩa
- Công trình Đức Giêsu**
Cứu độ học - Vai trò Đức Kitô
- Đấng Cứu Độ duy nhất**
Vấn đề - Quan điểm
- Emmanuel**
Thế cách hiện diện



HỢP TUYỂN THẦN HỌC

Tập phổ biến Thần học, phát hành không định kỳ

Chủ biên: M. Nguyễn Thế Minh, S.J.

Phụ biên: F. Gómez Ngô Minh, S.J.

Nhóm hợp tác: Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn Hoài (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyền (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyến (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lãng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn Tân, OFM (Hoa Kỳ); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thụy, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thụy (Vatican); Bùi Hữu Thư (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); Vũ Đình Tường, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Minh Ước, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vượng (Phi Luật Tân).

Tòa soạn: 42 rue de Grenelle – 75343 Paris Cedex 07 – France

☎: (01) 44 39 46 57 – fax: (01) 44 39 46 93

e-mail: mimisj@compuserve.com

Ấn hành: 3925 Tambor Road – San Diego, CA 92124 – USA

☎: (858) 571 7839

Tổng quản: *Vietnamese Theological Association*

1609 Lozano Drive – Vienna, VA 22182 – USA

☎: (703) 281 7929



Số 29&30 Năm XI (2001)

CHƯƠNG IX

CÔNG TRÌNH CỦA ĐỨC KITÔ

Qua Kinh Tin kính, Giáo hội tuyên xưng như sau về Đức Kitô: “vì loài người chúng tôi và để cứu độ chúng tôi, Ngài đã từ trời xuống thế...” đã sống, đã chết và sống lại. Thực vậy, “ngoài Ngài ra, không ai đem lại ơn cứu độ; vì dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ” (Cv 4:12). Toàn bộ Tân Ước nhắm vào duy chỉ một điều là cất nghĩa “mục đích” ấy. Tin mừng là không gì khác ngoài “lời cứu độ ấy: *lógos sôtêrias taútês*” (Cv 13:26), hằng tác dụng trong chúng ta qua phép Thánh tẩy (x. Rm 1:16). Được gọi là Cứu độ học, khoa thần học nghiên cứu về ơn cứu độ ấy.¹

CỨU ĐỘ HỌC

Thuật ngữ “Cứu độ học” là từ dịch của danh từ *Soteriologia* trong tiếng Latinh. Từ Hylạp (Tân Ước) *Sôtêria* có nghĩa là việc cứu rỗi, và *lógos* là lời, ý, hoặc trí, v.v. Vì vậy, từ ghép *soteriologia* có nghĩa là ‘lời’ bàn về, học hỏi về công cuộc cứu độ. Theo nghĩa hẹp, Kitô học tìm hiểu về Đức Kitô để biết Ngài là ai, còn

¹ Mertens, H.-E., *Not the Cross but the Crucified: An Essay in Soteriology*, Louvain: Peeters 1992; Werbrick, J., *Soteriologia*, Brescia: Queriniana 1993.

Cứu độ học thì nghiên cứu về Đức Kitô để biết Ngài đã làm gì. Đức Giêsu Kitô là Emmanuen, “Thiên Chúa-ở-với-chúng-ta,” mà cũng vừa là *Jehoshua*, “Giavê cứu độ,” là “Thiên Chúa-cho-chúng-ta.”

Trong thần học hệ thống, có khi Cứu độ học được để tách ra khỏi Kitô học, làm thành một thiên chuyên khảo; còn khuynh hướng ngày nay thì tổng hợp làm một cả hai khía cạnh của mẫu nhiệm về “Đấng Cứu tinh tuyệt đối” là Đức Giêsu Kitô.² Những công việc Đức Giêsu đã làm mạc khải cho biết Ngài là ai (x. Ga 5:36; 10:25); vì thế, nghiên cứu về sự nghiệp Đức Kitô là thực ra, chỉ để biết Ngài rõ hơn.

Mục đích của Cứu độ học là phân tích và đào sâu ơn cứu độ theo những cách nhìn khác nhau gặp thấy trong Tân Ước. Kinh Thánh cũng như các Giáo phụ và các thần học gia sau này đã mở ra nhiều viễn cảnh nhận thức về ơn ấy. Lý do là vì việc cứu độ là một công trình rất ư phức tạp: vừa là việc do Đức Kitô (và cả Ba Ngôi) thực hiện, vừa là ơn con người mở lòng ra để nhận lấy. Đó là lãnh vực của nhiệm mầu. Vì thế, Kinh Thánh đã phải dùng nhiều đến phép ẩn dụ, đến lối diễn đạt bằng biểu tượng, khái niệm, phạm trù, v.v. rất khác nhau, mượn từ các lãnh vực thương mại, luật pháp, chính trị, xã hội, y học, phụng tự, thiên nhiên vũ trụ, v.v., để chúng bổ túc lẫn nhau nhằm giúp cho hiểu đầy đủ hơn về công trình của Đức Kitô.³ Tóm lại, Tân Ước dùng đến ba mô thức để giải thích hoạt động cứu độ của Đức Kitô: 1) Đức Giêsu lịch sử là đường cứu độ; mô thức này dùng những

² Karl Rahner gọi Đức Kitô như thế: xin xem “Salvation” trong *Sacramentum Mundi*, London: Burns & Oates 1968-70, IV, C, 2.

³ Caird, G. B., *The Language and Imagery of the Bible*, Grand Rapids: Eerdmans 1997².

hình ảnh như: Thầy dạy, mục tử, y sĩ... gặp thấy trong Phúc âm Nhất lãm. 2) Thập giá và phục sinh, với những hình ảnh: Đấng hòa giải và Thượng tế, gặp thấy trong các thư của Phaolô và thư Do thái. 3) Sự việc Nhập thể với hình ảnh của Đấng mạc khải, gặp thấy đặc biệt là trong văn bộ Gioan. Vì thế, thần học không thể chỉ đơn thuần dựa vào một ý niệm hoặc một phạm trù không thôi để dựa theo đó mà xây dựng Cứu độ học. Trong Tân Ước, giáo lý về công cuộc cứu độ xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau: có thể là qua một công thức tuyên tín hay một lời nhắn nhủ, hoặc một bài tường thuật, v.v. Mỗi xác quyết về Đức Kitô (Đấng Cứu độ) là một khẳng định về chức năng của Ngài, hoặc là về các sự việc Ngài đã làm cho chúng ta.

Giữa các lời khẳng định như thế, nên phân biệt những công thức có Thiên Chúa làm chủ thể tác động với những công thức trong đó con người làm chủ thể thụ động và đi liền với những gì con người đã thực hiện được để dâng lên Thiên Chúa. Nơi Đức Kitô, Thiên Chúa và con người đã nên một; do thế, hoạt động của Ngài mang tính chất “thần nhân”: ở trong Ngài, hai hướng “đi lên” và “đi xuống” bất gặp nhau. Dù thế thì cũng còn phải lưu ý là tất cả những cách nói ấy đều là những cách diễn đạt theo ẩn dụ, là những cách nói với ý nghĩa “phàm trần”; thế nên, cần phải được ý nghĩa siêu nhiên của đức tin bổ túc thêm cho.⁴

Lịch sử giáo lý này (Cứu độ học) khác với lịch sử Kitô học: trong khi giáo lý về Đức Kitô chỉ được hình thành và xác định một cách cam go qua nhiều lần họp công đồng chung và vô số những cuộc tranh luận sôi nổi, thì, dù có nhiều quan điểm và ý kiến thần học khác nhau, giáo lý về công cuộc cứu độ của Ngài

⁴ Xin xem Manaranche, A., *Pour nous les hommes la rédemption*, Paris: Fayard 1984.

bao giờ cũng gặp được lập trường đồng nhất về đức tin. Vì thế, tài liệu phía huấn quyền để lại cũng rất ít. Tài liệu đầu tiên và quan trọng nhất là tín quy của công đồng Nixê-Conxtantinốp: "...vì loài người chúng tôi..." (DS 150). Ở Tây phương, dù không phủ nhận việc cứu chuộc, thì trường phái Pêlagiô (thế kỷ 5-6) cũng đã hiểu quá sai lạc về sự nghiệp của Đức Kitô; vì thế, công đồng Orange đã phải minh định rằng việc công chính hóa và cứu độ loài người là kết quả công trình Đức Kitô chịu chết trên thập giá (n. 530; x. DS 391). Hai công đồng Conxtantinốp II (n. 553) và III (n. 681) đã xác định rõ hơn về tầm mức cứu độ nêu lên ở trong tín điều vừa nói.⁵ Phải đợi cho đến công đồng Trentô thì mới có được một học thuyết dồi dào về ơn cứu độ. Trong khóa 6, bàn về sự công chính hóa (n. 1547), và khóa 22 (n. 1562), bàn về hy tế Thánh thể, dựa vào những phạm trù "đền tội," "công đức" và "lễ tế" (x. DS 1520tt; 1738tt), công đồng đã minh trình về học thuyết đó. Khoản 21, bàn về việc công chính hóa, đã định tín như sau: "Nếu ai chủ trương rằng Thiên Chúa đã ban Đức Kitô cho loài người, chỉ như là Đấng Cứu độ cần phải tin tưởng, chứ chẳng phải cả như là Đấng lập luật cần phải vâng theo, thì sẽ bị tuyệt thông" (DS 1571). Nhiều tác giả coi khoản định tín này như là lối nói theo kiểu "*a fortiori*" (càng có lý mạnh hơn). Thế nên – và cũng nhân cuộc bùng lên của đợt khủng hoảng Giansêniô (n. 1653) – huấn quyền đã phải can thiệp để khẳng định rõ Đức Kitô đã chết cho tất cả mọi người (x. DS 2005). Công đồng Vaticanô I đã phác thảo cả một tài liệu về "Đức tin Công giáo" với một chương mang tựa đề: "Ân sủng của Đấng Cứu độ," nhưng vì bị gián đoạn (n. 1870), nên không có giờ bàn

⁵ Xin xem Sesboué, B., *Jésus Christ dans la tradition de l'église*, Paris: Desclée 1982, tt. 155-180.

luận sâu rộng về chủ đề. Vì vậy, chưa bao giờ Giáo hội định tín về giáo lý căn bản này.

Dù truyền thống Kitô giáo không bao giờ đặt vấn đề về công cuộc cứu chuộc, thì cách gián tiếp, nhiều giả thuyết và lạc giáo Kitô học đã hiểu sai và giảm nhẹ tầm trọng yếu của sự nghiệp Đức Kitô.⁶

Thần học thường giống theo khuynh hướng văn hóa thời đại mà giải thích mẫu nhiệm cứu độ. Trong thiên niên kỷ thứ nhất, các Giáo phụ thường nhấn mạnh đến quan điểm hữu thể và thần nghiệm (*ontological, mystical*), với xu hướng “hạ giá,” nghĩa là Đức Kitô (Thiên Chúa) nhập thể và sống lại, hiện đang cứu rỗi và thần hóa loài người. Trong thiên niên kỷ thứ hai, thần học thường nhấn mạnh đến khía cạnh pháp lý, với xu hướng “thượng thăng,” và dùng những phạm trù thực tội, đền bù thay, v.v. Tất cả đều đồng ý là Cứu độ học đã đi qua một khúc quanh quan trọng kể từ khi thánh Anxenmô Canterbury († 1109) đề xướng học thuyết về Đền tội, làm nên dạng thần học kinh viện chung của cả hai phía công giáo và tin lành.⁷ Thật ra, bao giờ thần học cũng lưu ý đến cả hai xu hướng trên đây. Thần học ngày nay thường nhấn mạnh đến khía cạnh tu đức học trong công cuộc cứu độ của Đức Giêsu, như thấy được qua các dạng thần học chính trị và giải phóng.⁸ Ba mẫu quan niệm trên đây tương ứng với ba hình ảnh về Đức Kitô: Đức Kitô chiến thắng, Đức Kitô tế phẩm

⁶ Xin xem McIntyre, J., *The Shape of Soteriology: Studies on the Doctrine of the Death of Christ*, Edinburgh: T&T Clark 1995².

⁷ Eckardt, B. F., *Anselm and Luther on the Atonement: Was It "Necessary"?*, Edwin Mellen Pr. 1992.

⁸ Xin xem González de Cardedal, O., “Cristo redentor. Esbozo de una soteriología crítica,” trong *Cristo, redentor del hombre*, Salamanca 1986, 85-166.

và Đức Kitô điển hình. Nhưng cả ba đều cần phải được bổ túc và phải bổ túc cho nhau, để giữ cân bằng hợp lý giữa hai yếu tố trong hoạt động cứu độ, tức là: ơn của Thiên Chúa và tự do của con người.

Cứu độ học không được quên đi rằng rốt cuộc, “ơn cứu độ” là chính Thiên Chúa tự trao hiến mình cho con người trong Đức Kitô, và vì thế, cần phải luôn luôn đi sát với Kitô học; bởi, nếu không thì “ơn” chủ yếu ấy sẽ có thể bị lý trí phân tán để biến thành những “mối lợi” riêng biệt như: ơn thánh hóa, hiện sủng, các ân huệ của Thánh Thần, sự cư ngụ của Ba Ngôi, v.v. làm như thể là cần phải phân chia hoạt động cứu độ duy nhất của Đức Kitô ra nhiều “mẫu nhiệm” chồng chất lên nhau, như: việc nhập thể, cuộc rao giảng về vương quốc, các phép lạ, cuộc tử nạn, biến cố sống lại, v.v. Nếu tiến hành theo phương pháp phân tích thì khó có thể tránh được tình trạng ấy; vì vậy, phải làm sao để quy hướng tất cả về với tâm điểm tổng hợp duy nhất là bản thân Đức Giêsu Kitô, Đấng Cứu độ loài người. Đồng thời, cả việc đào sâu mạc khải lẫn truyền thống thần học phải biết dành ưu tiên hàng đầu cho mẫu nhiệm phục sinh, là hành động cứu độ độc đáo và tiêu biểu nhất; chính do vậy mà có lúc Cứu độ học đã được quan niệm như là nỗ lực nghiên cứu về “giá trị” của cuộc tử nạn thập giá... Thiên khảo luận sẽ ra sức phối hòa các yếu tố này.

ĐỨC GIÊSU, DẰNG ĐÃ ĐƯỢC SAI ĐẾN

Khởi điểm của mọi hành động cứu độ là sứ mệnh của Đấng Cứu thế (x. HDTG 2) – và cụ thể mà nói – là chính tình yêu của Chúa Cha. Nếu Đức Kitô đã “xuống thế vì loài người chúng ta,” thì chính là vì “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con

Một...” (Ga 3:16).⁹ Nguồn suối tuyệt đối của ơn cứu độ là Thiên Chúa Ba Ngôi và ý định cứu độ phổ quát của Người (x. 1Tm 2:4). “Sứ mệnh” khởi sự từ trong Thiên Chúa, rồi xuất hiện ra giữa lịch sử loài người, lịch sử cứu độ: vì trong cuộc hiện hữu vĩnh hằng, Cha “sinh ra” Con hằng hữu, nên cũng chính Người đã “sai” Con mình đi vào trong thời gian. Dĩ nhiên là phải hiểu các khái niệm này theo cách loại suy. Bởi được sinh ra, nên Con “thuộc về” Cha; thì cũng vậy, bởi được sai đi, nên Đức Giêsu “vâng lời” Cha. Tựa như đặc tính của Con là “được sinh ra” do Cha, thì cũng vậy, đặc tính của sứ mệnh hoặc của công trình Đức Giêsu là “vâng phục.” Chính vì thế Đức Giêsu đã có thể nói: “Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy...” (Ga 4:34; x. 8:28-9). Tổng kết sứ mệnh của mình, Đức Giêsu nói: “Thầy từ Chúa Cha mà đến thế gian. Thầy lại bỏ thế gian mà về cùng Chúa Cha” (Ga 16:28). Tóm lại, Chúa Cha là nguồn gốc và là cùng đích của công cuộc cứu độ. Đó là lý do tại sao Kinh Thánh gọi Thiên Chúa là Đấng Cứu tinh (x. Is 43:11; Hs 13:4; 1Tm 4: 10, v.v.).

“Ơn cứu độ” đã nhập thể nơi Đức Giêsu (x. Tt 2:11). Khi nhìn lại chính mình, Đức Giêsu nhận ra “căn tính” của mình là “Đấng được sai đi.”¹⁰ Phúc âm Gioan lưu ý nhiều lần về điểm này (x. Ga 3:17.34; 5:37; 6:40.44, v.v.); các thánh sử khác cũng nêu bật giáo lý này (x. Mt 15:24; Mc 9:36tt; Lc 20:13); thánh Phaolô coi điểm này như là chân lý nền tảng của Tin mừng (x. Rm 8:3; Gl 4:4, v.v.). Tóm lược giáo lý chung này, thư Do thái gọi Đức Kitô là “tông đồ” hoặc Sứ giả của Thiên Chúa (x. Dt 3:1). Thêm vào

⁹ Ford, J. M., *Redeemer: Friend and Mother*, Minneapolis: Fortress 1997.

¹⁰ Xin xem De Jonge, Marinus, *God's Final Envoy. Early Christology and Jesus's Own View of His Mission*, Grand Rapids: Eerdmans 1998.

đó, “được sai” còn có nghĩa là “được ban cho” như Gioan viết: “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một...” (Ga 3:16). Điều “được ban” là một ơn, một ân huệ, và trong trường hợp này là ơn cứu độ. Vì vậy, khi ẩm bồng Hài Nhi Giêsu, ông già Simê-on đã kêu lên: “Chính mắt tôi đã thấy ơn cứu độ” (Lc 2:30), mà theo ý Thiên Chúa, mọi người cũng sẽ được thấy (x. Lc 3:6).

Mục đích của sứ mệnh ấy là “để cứu rỗi chúng ta...” hoặc, như Gioan viết, “để cho thế gian nhờ Ngài mà được cứu độ” (Ga 3:17). Tuy nhiên, lý do cuối cùng vẫn là tình yêu của Chúa Cha; bởi tình yêu đích thực cốt tại hành động tự trao ban chính mình cho người yêu. Khi Chúa Cha tự trao ban mình là trao ban Con Một mình, vì Con là “bản thân khác” của Người, là hình ảnh trác tuyệt và độc đáo của Người. Thế nên, nếu trong nội vi thần tính, Thiên Chúa là tình yêu (x. 1Ga 4:18), thì trong cuộc nhập thể để tự trao hiến cho chúng ta, Thiên Chúa là Emmanuel, “Thiên Chúa-ở-cùng-chúng-ta” (Mt 1:23); nói cách khác, Đức Giêsu là “Thiên Chúa-tự-trao hiến-cho-chúng-ta.” Thư gửi Titô gọi Đức Giêsu là “cuộc hiển linh của lòng từ hậu và nhân ái (*philanthropia*) Thiên Chúa, Đấng Cứu độ chúng ta” (Tt 3:4). Đó là nội dung tin mừng đầu tiên sứ thần loan báo cho các mục tử ở Bêlem: “Hôm nay, một Đấng Cứu độ đã sinh ra cho anh em” (Lc 2:11).

Đấng được sai đến để cứu độ trần gian, đã mặc lấy thân phận tội tử vâng phục ở giữa một xã hội tội lỗi, một xã hội phản loạn, không chịu vâng phục (x. Rm 5:19; Dt 2:2). Vâng phục là tự phó mình trong tay Chúa Cha để cho thế gian được cứu rỗi; thế thì, không có gì là lạ nếu Tân Ước quan niệm công cuộc cứu chuộc như là hành vi vâng phục: theo Gioan, thái độ vâng phục là cội gốc của hành động cứu rỗi (x. Ga 4:34; 5:30; 6:38; 14:31). Phaolô

đổi chiều hành động bất phục tùng của Adam (tội lỗi) với thái độ vâng phục của Đức Kitô (Đấng công chính hóa: x. Rm 5:19; Pl 2:8-9). Thư Do thái cũng giải thích hết như thế: Thiên Chúa không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng hài lòng với thái độ của Đấng vâng lời thực thi ý Người (x. Dt 10:5-9). Phúc âm Nhất lãm đã gợi lại thái độ vâng lời rướm máu ấy qua trình thuật về biển cố vườn Ghết-sêmani (x. Mt 26:42tt). Sứ mệnh cứu độ của Giáo hội (và của mỗi thành viên) cũng phải rập khuôn theo mẫu gương ấy, bằng không thì dù có hoạt động thế nào đi nữa – lớn lao bao nhiêu, tiếng tăm đến mấy đi nữa – cũng chỉ là “thanh la phèng phèng, chũm chọe xoang xoảng” (1Cr 13:1).

THẾ GIỚI BỊ HƯ MẤT

Nói đến cứu độ tức phải hiểu là có một tình trạng lâm nguy hoặc tử vong đang cần được giải thoát hay cấp cứu. Tân Ước dùng một số ẩn dụ để trình tả tình trạng thế gian sống xa cách Thiên Chúa. Loài người đang “ngồi nơi tăm tối và trong bóng tử thần” như được gọi lên qua thánh thi “Chúc tụng Đức Chúa” (*Benedictus*: x. Lc 1:79; Mt 4:16), nhưng vẫn khư khư từ chối không chịu đón nhận ánh sáng (x. Ga 1:5). Được cứu độ là được đưa từ tình trạng tăm tối ấy vào trong ánh sáng rạng ngời (x. Ep 5:8; 1Ga 2:8; Rm 13: 12; Cl 1:13; 1Pr 2:9, v.v.). Đó là kết quả của hành vi tự do đón nhận, bởi ngược lại, cũng có thể là “người ta đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng” (Ga 3:19): tội là thế.¹¹

¹¹ Về tội lỗi, xin xem “Péché” trong *Dict. de Spirit.* LXXVII-LXXIX, Paris: Beauchesne 1984; trong Kinh Thánh, Stanislas Lyonnet, tt. 790-815; theo Thần học, Pierre Gervais, tt. 815-853; May, W.E., “Sin” trong Komonchak, J., *The New Dict. of Theol.*, Wilmington: M. Glazier 1987, 954-967; xem thêm Ri-

Tình trạng kia còn tệ hơn cả thảm trạng ban đầu được gọi là nguyên tội; Gioan gọi đó là “tội trần gian” mà Đức Kitô phải tẩy xóa (x. Ga 1:29). Phaolô đã nói đến tình cảnh nan giải của lương dân (x. Rm 1:18tt); nhưng tiếp đó, ngài quả quyết là cả đến Do thái nữa cũng “bị tội lỗi thống trị” (Ga 3:9).¹² Theo các tông đồ, ai phạm tội thì người ấy trở thành nô lệ, nô lệ của tội lỗi (x. Ga 8:34; Rm 6:17-19; 2Pr 2:19), nô lệ của lề Luật (x. Rm 8:2; Gl 4:5), nô lệ của những “yếu tố vũ trụ” (x. Gl 4:3), nghĩa là con người chịu đi thờ lạy “những vật tự bản chất không phải là thần” (x. Gl 4:8), và vì thế Gioan nhận định: “tất cả thế gian đều nằm dưới ách thống trị của Ác thần” (1Ga 5:19), đang đóng vai “Thủ lãnh” để xứng hùng xứng bá trong nhân loại (x. Ga 12: 31; 14:30; 16:11; 1Cr 4:4; Ep 2:2). Cõi tội ác ấy là một thực tại khó hiểu, huyền bí, là, theo Phaolô, “mẫu nhiệm của sự gian ác” (2Tx 2:7). Ngôn ngữ thần thoại này biểu hiện một thực tại khốc hại hằng từng giây từng phút đe dọa loài người.

Cứu độ học cần phải biết đẩy tội lỗi lui vào hậu cảnh, và tập trung trọn chú tâm vào đối tượng của mình là ơn cứu độ; bởi có thể thì mới tránh cho tận tuyệt được cơ nguy trở thành một thứ “tội học” (*hamartology*). Kế hoạch của Thiên Chúa là kế hoạch cứu độ nhờ Đức Kitô. Dù cho nguyên tội đã không xảy ra, thì mọi ơn sủng cũng đều, cũng vẫn là ơn của Đức Kitô. Khi dùng cách nói: Thiên Chúa “cứ để” hoặc “chịu cảnh” loài người phạm tội, thần học ngầm hiểu là sự “cho phép” này cũng đã được

coeur, P. “Evil” trong Eliade, M. (ed), *Encycl. of Religion*, V, London: Collier Macmillan 1987, 199-208; xem thêm Pohier, J., *Dieu: fractures*, Paris 1985.

¹² Xem Schoonenberg, P., *L'homme et le péché*, Paris: Mame 1976; “L'homme dans le péché” trong *Mysterium salutis. Dogmatique de l'histoire du salut*, v. 8, Paris: Cerf 1970, ch. X, tt. 9-134.

lồng vào trong kế hoạch cứu độ; tội lỗi không làm cho Thiên Chúa ngạc nhiên hay bỡ ngỡ; Người không cần phải thay đổi hoặc hiệu chỉnh kế hoạch!

Tâm lý mà nói, có cảm thấy cần được cứu rỗi, thì mới mong đánh giá đúng ơn Chúa. Trở ngại lớn nhất trong việc đón nhận ơn giải hòa của Thiên Chúa là con người không cảm thấy mình tội lỗi.¹³ Xã hội ngày nay không còn áy náy về tội, không thấy tội lỗi, làm như đã mất đi cảm thức về tội lỗi, và còn hơn nữa, cứ tưởng mình vô tội, mình công chính. Ngày xưa Đức Giêsu đã nói với Biệt phái: “Nếu các ông đui mù, thì các ông đã chẳng có tội; nhưng giờ đây các ông nói rằng: ‘chúng tôi thấy,’ nên tội các ông vẫn còn” (Ga 9:41). Quả là đúng như thế đối với xã hội ngày nay.

Mâu thuẫn của tình trạng nói trên là ở chỗ này: một đằng thì tội lỗi tràn ngập, hiển nhiên trơ trẽn; nhưng đằng khác, không một ai chịu nhận trách nhiệm, chỉ biết đổ tội cho những nguyên do gì khác, cho là vì cơ cấu xã hội (chế độ chính trị, hệ thống kinh tế, v.v.), vì những yếu tố tự nhiên nằm ngoài tầm tay (như điều kiện di truyền, chẳng hạn), vì nền giáo dục (cấm kỵ cổ hủ, nền luân lý thủ cựu, lỗi thời, tẩy não) v.v. Có khi nhiều thần học gia và giáo lý viên cũng rập theo vũ điệu ấy: cứ một mực chụp mũ cho rằng: ý thức tội lỗi còn non nớt, không lành mạnh, tiền công đồng... Sở dĩ cảm thức về tội lỗi bị phai mờ đến như thế, có thể là vì nhiều lý do: có khi chỉ vì cứ cố ý “giam hãm chân lý” bởi sợ sự thật sẽ tố cáo (x. Rm 1:18); có thể là vì còn nhiều người trong thế hệ này vẫn đang ở trong mức độ luân lý sơ đẳng, chưa trưởng thành về mặt lương tâm; cũng có lẽ là vì phản ứng

¹³ Bouchard, Ch. E., *Whatever happened to Sin?*, Liguori Publications 1995.

chống lại một quan niệm quá tiêu cực, bi đát về thân phận con người; hoặc là vì quá ỷ lại vào ơn Chúa. Dù sao, muốn có được ý thức về tội lỗi, thì thường phải cần đến một “yếu tố xúc tác,” chẳng hạn như một kinh nghiệm đặc thù, một vị linh hướng, v.v. Quả thật tội lỗi chỉ hiện rõ trong ánh sáng đức tin. Các thánh thường có cảm thức rất nhạy bén về tội lỗi.

Thế giới ngày nay đang ngụp lặn trong tội ác, đang nhiễm nặng bất công.¹⁴ Khổ đau không giảm bớt, khổ đau của vô số quần chúng, nhất là của những kẻ vô tội, bất lực: đếm sao cho hết những người di cư tị nạn phải lánh xa quê hương để thoát cho khỏi bàn tay áp bức của những chế độ độc tài bất công, những trại tạm trú đầy nghẹt nạn nhân của những chiến dịch diệt chủng; hàng triệu triệu công nhân đang bị bóc lột; bần cùng, bệnh tật, tham ô, áp bức... hiện ra nhan nhản trước mắt; biết bao nhiêu người phải thiệt mạng oan uổng vì rối loạn, chiến tranh, cách mạng... Ích kỷ là thường tình, sức mạnh là luật, công bằng bị bán đứng. Tiền của, khoái lạc, quyền bính là những loại ngẫu tượng tối cao, được tôn thờ ngày càng kỹ lưỡng, cẩn trọng hơn: chúng ngang nhiên phô bày thói vô luân của chúng trên mọi thứ phương tiện truyền thông đại chúng. Lương tâm ngay chính cảm thấy bất lực: gắng sức làm cho tốt, thế mà kết quả lại ra xấu. Con người cảm thấy như có một “kẻ nội thù” nằm vùng ở trong tâm lòng mình, bởi những khuynh hướng xấu có vẻ mạnh hơn ý định tốt; thánh Phaolô đã chia sẻ kinh nghiệm ấy: “Sự thiện tôi muốn thì tôi không làm, nhưng sự ác tôi không muốn, tôi lại cứ làm (Rm 7: 19; x. Rm 7:15-25). Dùng ngôn ngữ thời nay, thì có thể nói đó là trạng thái tha hóa. Tại sao? Tình trạng này không

¹⁴ Xin xem chẳng hạn, thông điệp *Redemptor hominis*, AAS 71 (1979) 257-324, miêu tả về tình trạng thế giới, số 39-67

chỉ là hậu quả do bẩm tính hữu hạn bất toàn của thọ tạo, nhưng còn là âm mưu của một ý muốn tự do bất lương, thậm chí có kẻ còn nghĩ là có một bàn tay chủ mưu nào đó đang ngấm ngấm lập chương trình lèo lái bộ máy xã hội loài người đến chỗ “hoạt động” như vậy.

Ai là người chịu trách nhiệm? – Vì nhân loại sống mật thiết liên đới với nhau, cho nên tất cả những ai phạm tội thì đều liên can vào việc dấy lên “lực lượng tội ác.” Chịu trách nhiệm với ai? – Với Thiên Chúa. Thiên Chúa đã tạo dựng con người vô tội, đã nâng con người lên bình diện siêu nhiên để chia sẻ cho hạnh phúc của Người, cũng như đã trao phó cho loài người trái đất làm “lạc viên” mà khai thác hầu chung sống với nhau và với Người trong tinh thần gia đình... và trong tự do. Dùng cách biểu đạt bằng dụ ngôn, Sách Sáng thế (x. St 1–10) trình thuật về phương án của Thiên Chúa và hậu quả của sự việc con người lạm dụng tự do; thần học gọi đó là tình trạng nhân loại sa ngã. Và như thế là tội lỗi đã và còn tiếp tục gây hại cho phận mệnh cánh chung của con người. Thiên Chúa đã dành cho con người một phận mệnh đời đời là sống với Người, nhưng nếu con người tự do không muốn, thì sẽ tách ra khỏi Người: đó là hành động tội lỗi, đó là con đường dẫn tới hỏa ngục. Đức tin kitô không thể giữ thái độ mập mờ làm như thể tình trạng đó không nghiêm trọng; mạc khải của Tân Ước đã minh nhiên nói về mối nguy ấy (x. Mt 25:41; Lc 13:27; 2Tx 1:9, v.v.).

Lịch sử cho thấy là loài người không thể tự giải phóng mình khỏi ách tội ác được; thần học cho biết là con người không có khả năng tự nâng mình lên trên bình diện siêu nhiên, tức không thể tự mình tạo cho mình có được sự sống của Thiên Chúa. Từ đầu, Thiên Chúa đã gieo vào lòng con người mầm cây trồng ở

một Đấng sẽ đến trong tương lai (x. St 3:15); Tân Ước cho thấy rõ Đức Kitô là Đấng Cứu độ. Vấn đề là nhân loại có ý thức như thế không? Có đặt niềm hy vọng vào một điều gì, vào một ai không?

Ý NIỆM KITÔ GIÁO VỀ ƠN CỨU ĐỘ

Mỗi tôn giáo quan niệm theo một cách về sự cứu độ.¹⁵ Kitô giáo hiểu ơn cứu độ như một thực tại phức tạp, phong phú, có tác dụng trên mọi chiều kích của hữu thể thọ tạo. Không chỉ là cái đối nghịch với “mất mát” với “hư hỏng” v.v. (như chẳng hạn “chữa lành” đối nghịch với “ngã bệnh,” “trả lại” với “cướp mất,” “đền bù” với “gây hại,” “làm hòa” với “gây hấn,” v.v.), mà còn HƠN nhiều nữa. Cách chung, các kitô hữu quan niệm về ơn cứu độ một cách rất mơ hồ và thiếu sót. Ơn cứu độ là tình trạng tối hậu trong đó, tất cả những nhu cầu và khát vọng chính đáng của con người đều được thỏa mãn, và vì thế, trong đó, các cá nhân cũng như cộng đoàn nhân loại đều hưởng được hạnh phúc sung mãn.¹⁶

Nguồn liệu chủ yếu của việc tìm hiểu về ơn cứu độ là Kinh Thánh và kinh nghiệm liên tục của truyền thống Giáo hội. Dù tìm hiểu về cùng một thực tại, thì những thời đại khác nhau cũng nhấn mạnh đến những khía cạnh khác nhau. Hiện giờ, do ảnh hưởng của công đồng Vaticanô II và công cuộc phục hưng trong

¹⁵ Heim, S. M., *Salvation. Truth and Difference in Religion*, N.Y.: Orbis Books 1995.

¹⁶ Xin xem Rahner, K., *et alii*, “Salvation” trong *Sacramentum mundi*, London: Burns & Oates 1968, 405-438; Nest, P. (ed), *Salvezza cristiana e culture idiome*, (2cuốn), Torino 1985; Ford, D.F., *Self and Salvation: Being Transformed*, Cambridge U.P. 1998.

Giáo hội tại Châu Mỹ Latinh, đặc biệt là với việc thần học giải phóng xuất hiện và các văn kiện của Medellín và Puebla, thần học có xu hướng nêu bật những chiều kích trần thế của ơn cứu độ và mối quan hệ với nỗ lực giải phóng về mặt chính trị cũng như xã hội. Nỗ lực dẫn thân được coi như là một nguyên tắc chú giải và tìm hiểu, vì ơn cứu độ là một thực tại sống động; bởi thế, theo quan điểm của một số tác giả, muốn hiểu về ơn cứu độ, thì phải trực tiếp can dự vào thế sự hoặc là một cách thần nghiệm hoặc là một cách năng động.

Không thể định nghĩa ơn cứu độ một cách trừu tượng hay tiên thiên; nhưng muốn hiểu thì cần phải nhờ vào phương thức miêu tả. Vấn đề mà nói, ơn cứu độ là khả năng được tham dự vào đời sống của Thiên Chúa, trong Thần Khí và qua trung gian Đức Kitô. 2Pr 1:4 nêu lên hai yếu tố: tích cực là “được thông phần bản tính Thiên Chúa,” còn tiêu cực là “được thoát khỏi cảnh hư đốn do dục vọng gây ra trong trần gian.” Nhấn mạnh nhiều hơn đến yếu tố tích cực, Truyền thống Đông phương gọi đó là ơn “thần hóa”; còn thần học Tây phương thì vì chú ý nhiều hơn đến khía cạnh tiêu cực, nên gọi là việc chuộc tội; nhưng hai phía đều lưu ý đến cả hai khía cạnh. Ngoài ra, ơn cứu độ còn là một tiến trình, và đồng thời cũng là một trạng thái, được Kinh Thánh mạc khải qua nhiều hình bóng và ẩn dụ khác nhau.

Theo Kinh Thánh,¹⁷ ơn cứu độ là kết quả của việc Thiên Chúa can thiệp cứu giúp con người, từng cá nhân cũng toàn bộ xã hội loài người. Trước hết, đó không phải một điều gì Thiên Chúa ban hoặc làm ở nơi ta, song là mối quan hệ đối với Người, mối

¹⁷ Xin xem “Salut” trong X. Léon-Dufour, *Dict. de théol. Biblique*; “Redemption” trong Colin-Brown, *New Dict. of New Test. Theol.*; Timmer, J., *Le salut, de la Genèse à l'Apocalypse*, Aix-en-Provence 1993.

quan hệ xác định tư thế của mỗi cá nhân đối với Người. Kinh Thánh dùng nhiều từ ngữ để diễn tả những khía cạnh hoặc giai đoạn của tiến trình ấy. Nói cho đúng, việc cứu rỗi quy hướng về với sự tuyệt đối, tình trạng chung cục, và bao hàm tất cả những ơn Thiên Chúa ban ở đời này và trong đời sau.

Trong Cựu Ước, ơn cứu độ được miêu tả rất cụ thể: có thể là việc cứu một cá nhân khỏi cảnh nguy hiểm, nhất là khỏi chết; việc chữa lành một bệnh nhân, chuộc lại một nô lệ hoặc tài sản của gia đình, hoặc là giúp đáp ứng những nhu cầu bách thiết, v.v.; đối với dân tộc là chiến thắng, là an ninh trong quê hương bờ cõi, v.v. (x. Tv 7:11; 18:28; 22:22; 34:19tt; 55:17; 69:2, v.v.). Ôn cứu độ là kinh nghiệm lịch sử của toàn dân, đặc biệt là kinh nghiệm về cuộc Xuất hành (x. Xh 15:2). Chúa Giavê giải phóng dân Người khỏi cảnh nô lệ và dẫn họ “vào một miền đất tốt tươi, rộng lớn, miền đất tràn trề sữa và mật...” miền đất lý tưởng (x. Xh 3:8.17; 13:5; 33:3, v.v.). Vì ưu ái dân Người, Thiên Chúa đã dùng những trung gian, thường là những lãnh tụ hoặc tiên tri, mà đem ơn cứu độ đến cho dân (x. Tl 2:16.18; 9:15.31; 13:5; Is 7:8; 9:6; 11:9, v.v.). Dù sao thì cũng cần phải ý thức rõ là chính Giavê giải cứu, chứ không phải ai khác (x. Tl 7; Is 63:8tt; Hs 13:4; 14:2tt, v.v.). Thiên Chúa “mua lại,” “chuộc lại” dân Người (x. Mc 6:4; Đnl 7:8; 13:6); ngay cả khi chỉ về cuộc giải thoát toàn dân từ nơi lưu đày đưa về quê hương, Kinh Thánh cũng đã dùng từ “chuộc lại” (x. Gr 31:11; Dcr 10:8; Is 50:2). Ý nghĩa muốn nói lên là Thiên Chúa dẫn đưa dân Người trở về với Người (x. Xh 19:4), và qua ý nghĩa này, dân Ítraen đã bắt đầu quan niệm việc cứu độ theo chiều kích siêu nghiệm: được cứu rỗi là nghỉ ngơi bên Chúa, cho dù vẫn chưa có được ý niệm rõ ràng và phổ quát (x. Tv 16:10-11; Kn 3:1tt; 2Mcb 7:14, v.v.).

Tân Ước dùng một số từ Hylạp khi đề cập đến chủ đề này, chủ yếu là danh từ *sôtêria* (sự cứu độ, chừng 45 lần), cũng như các động từ *sôzô* (cứu rỗi, 106 lần) và *diasôzô* (cứu rỗi, 8 lần); ngoài ra còn có danh từ *sôtêr* (vị cứu tinh, 16 lần). Còn có những từ khác mang ý nghĩa tương tự, như là từ *lýtron* (giá chuộc) và một số từ ghép; cộng thêm vào đó là các từ *ryomai* (giải thoát), *apolýô* (giải phóng), và những từ ngữ luật pháp, phụng vụ liên quan đến việc “công chính hóa,” “chuộc tội,” “tế lễ,” v.v.

Công cuộc cứu độ là nội dung của “Tin mừng,” là nguồn hạnh phúc được loan báo từ khi Đấng Cứu tinh mới chào đời (x. Lc 1-2). Hoạt động của Đức Giêsu mang lại ơn cứu độ cho dân Ngài: sức khỏe, bánh ăn, ơn tha thứ, được trừ khỏi quỷ, được hồi sinh... Như thế, việc cứu độ cũng mang một ý nghĩa trần thế. Ý nghĩa ấy còn được thấy rõ qua các vụ được thoát nạn: Phaolô trong dịp đắm tàu vì bão (x. Cv 27:20.31.34), hoặc các môn đồ trong trường hợp tương tự giữa biển hồ Galilê (x. Mc 8:25; 14:30); hoặc là qua hành động chữa lành bệnh nhân (x. Mc 5: 23. 28). Tuy nhiên, mang ý nghĩa chủ yếu tôn giáo, “cứu độ” là dấu chỉ vương quốc Thiên Chúa đã đến, dấu chỉ lộ hiện qua việc trừ quỷ (x. Lc 11:20tt), hoặc tha tội hay chữa lành bệnh nhân (x. Mc 2:1-12tt), qua việc tha tội và khôi phục địa vị trong xã hội (x. Lc 7:50). Đặc biệt, “cứu độ” có nghĩa là Đức Giêsu bước vào cuộc đời của một người, chẳng hạn như Dakêu (x. Lc 19:9). Cuối cùng, “cứu độ” là nội dung tổng quát hoặc là hoa quả của Tin mừng; chính vì thế mà Tin mừng được gọi là “lời cứu độ” (Cv 13:26), “con đường cứu độ” (Cv 16:17), hoặc là “sức mạnh cứu độ của Thiên Chúa” (Rm 1:16). Ôn cứu độ được chuyển ban qua phép Rửa tội (x. Mc 16:16).

Mục đích của Phép Rửa tội là “thanh tẩy cho sạch tội lỗi” (Cv 22:16); vậy, ơn cứu độ có tác dụng 1) xóa bỏ tội ác, 2) công chính hóa tội nhân, và 3) dẫn đưa vào một tình trạng hữu thể mới.

Tội lỗi là một thực tại bí nhiệm; vì thế, không thể có được ý niệm trực tiếp về nó, và chỉ có thể hiểu được phần nào nhờ ẩn dụ. Kinh Thánh dùng một số tỷ dụ: so sánh tội với vết nhơ, và vì thế, cứu rỗi được quan niệm như là xóa sạch (x. Kh 1:5; Tt 3:5; Ep 5:26); hoặc so sánh tội lỗi với cái chết, thế nên, ơn cứu độ là sự sống mới (Mt 7:14; Rm 6:4; Ep 5:26; 2Tm 1:10; 1Ga 3:14; Kh 2:7; 7:17, v.v.); hoặc coi tội lỗi như là món nợ đối với Thiên Chúa, vì vậy, cứu rỗi là xóa bỏ, là tha nợ (x. Mt 6:12 [Kinh ‘Lạy Cha’]; Mt 18:23tt; 26:28; Cv 13:43; Rm 3:25; Ep 1:7; Cl 1:14, v.v.); rồi, coi phạm tội như là [theo kiểu nói loài người] làm méch lòng Chúa, là trở thành kẻ thù, do vậy, cứu độ là giải hòa (x. 2Cr 8:18tt; Rm 5:10; Cl 1:20tt); và so sánh tội nhân với nô lệ, thế nên, cứu rỗi là giải thoát, làm cho được sống tự do (x. Gl 5:1; Rm 6:18tt; Ga 8:34tt, v.v.). Khai triển các ẩn dụ Kinh Thánh dùng khi luận giải về ơn cứu độ, là tác vụ của thần học.

Cứu rỗi là hành động Thiên Chúa mang lại ơn “công chính hóa” (thuật ngữ Phaolô dùng nhiều nhất); nói cách khác Thiên Chúa tuyên báo tội nhân đã trở nên “công chính” (x. Rm 3:24tt; 4:25; 8:30, v.v.). Dùng lối biểu đạt tượng hình, Phaolô làm như Thiên Chúa lấy “tính công chính” của mình mà mặc cho hoặc bao trùm lấy tội nhân, khiến tội nhân được thực sự trở nên công chính, tức được thông phần chính sự sống của Người. Đó là lý do tại sao ơn cứu độ được gọi là “sự sống mới,” “hữu thể mới,” “con người mới,” “tạo vật mới,” v.v. (x. Rm 6:4; 7:6; Cl 3:10; 2Cr 5:17; Kh 21:5), là một cuộc biến đổi đến tận gốc rễ, có tác

dụng trên cá nhân, xã hội và toàn bộ vũ trụ. Nếu “con người cũ” sống trong “thế tục,” thì “con người mới” sống “trong Đức Kitô.” Đức Kitô hoạt động như “sinh quyển” mới cho những ai đã được đổi mới (x. Rm 6:11; 1Cr 1:2.30; 5:17; Ep 2:5tt, v.v.). Hoặc có thể biểu đạt theo một hình ảnh khác: Thần Khí cư ngụ trong người được cứu độ như là trong một Đền thờ (x. 1Cr 3:16tt; Rm 8:23; Dt 6:4; Ep 2:18; 5:18, v.v.). Để diễn tả thực tại mới này, thư 2Pr đã dùng đến một công thức có thể nói là táo bạo nhất, đó là: “được thông phần bản tính Thiên Chúa” (2Pr 1:4; x. Dt 6:4).

Ơn cứu độ ấy quả đang hiện diện ở nơi các kitô hữu, vì các ơn kể trên đây là kết quả của lòng tin vào Đức Giêsu Kitô (x. Rm 1:16),¹⁸ và của Phép Thánh Tẩy (x. Rm 6:3-4).¹⁹ Tuy nhiên, cũng vẫn chưa thành hiện thực trọn vẹn, vì dù “chúng ta đã được cứu độ, nhưng vẫn còn phải trông mong” (Rm 8:24), nghĩa là quá trình cứu độ (thánh hóa) chỉ hoàn tất trong tương lai. Hoặc nói như Gioan, dù “hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa,” nhưng vẫn còn phải chờ đến ngày Đức Kitô xuất hiện (quang lâm) thì mới thấy được là thân phận chúng ta giống thân phận Ngài (x. 1Ga 3:2; x. Rm 8:19tt; 2Pr 3:13; Tt 2:13; Dt 9:28, v.v.). Sách Công vụ Tông đồ gọi các tín hữu là: “những ai đang được cứu độ” (Cv 2:47). Tóm lại, ơn cứu độ có một chiều kích trần thế trong hiện tại, và một chiều kích tương lai trong đời sau: là sự việc xảy ra trong thời gian và hoàn tất trong vĩnh cửu, mang một khía cạnh tạm thời và một khía cạnh chung quyết.

Dù được Thiên Chúa ban cho từng cá nhân, vì tình yêu thì cụ thể (x. Mt 10:30; 1Cr 3:13; Gl 6:7-8, v.v.), ơn cứu độ cũng mang tính chất xã hội, bởi đó là hoa quả phát sinh từ mối kết liên với

¹⁸ Xin xem *Bible de Jérusalem*, Rm 1:16, chú cước J.

¹⁹ *Ibid.* chú cước b.

Đức Giêsu và liên đới với nhau. Công đồng Vaticanô II nhận định rằng: “Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Người muốn quy tụ họ thành một dân tộc, để họ nhận biết chính Người trong chân lý và phụng sự Người trong thánh thiện” (ASMD 9a). Sở dĩ ơn cứu độ mang tính xã hội như thế, thì chủ yếu là vì Đấng Cứu độ là “con người phổ quát”; quả thế, “khi nhận lấy bản tính nhân loại, chính Ngài đã nối kết toàn thể loài người lại với Ngài vào trong một gia đình, bằng một tình liên đới siêu nhiên” (TĐGD 8b). Nghĩa là chẳng ai được cứu độ cách riêng lẻ mà không cần đến tình liên đới với người khác. Đức Giêsu dạy: “Nếu anh em không tha thứ cho người ta, thì Cha anh em cũng sẽ không tha lỗi anh em” (x. Mt 6:14-15); nói cách khác: “Anh em đừng bằng đầu nào, thì Thiên Chúa sẽ đừng lại cho anh em bằng đầu ấy” (Lc 6:36-38). Như thế là vì đường đến với Đấng Trung gian cứu độ đi qua lối ngã của tình liên đới với người khác (x. Mt 25:31tt). Để minh họa về mối liên kết và tình liên đới ấy, Đức Giêsu đã dùng đến ẩn dụ: muốn được cứu độ, con người phải được tháp ghép vào Ngài, như nhánh dính liền với thân cây để chia sẻ nhựa sống của thân (x. Ga 15:1tt), hoặc như chi thể dính liền với thân mình (x. 1Cr 10:17; 12:27v.v.).

Xã hội tính của ơn cứu độ xuất hiện rõ ở trong Giáo hội. Là Thân thể của Đấng Cứu độ ở giữa lòng lịch sử (x. Cl 1:18; Ep 1:22-23, v.v.), Giáo hội mang trong mình và biểu hiện (như là bí tích, x. ASMD 1) ơn cứu độ một cách hữu hình, bởi lẽ các thành viên của cộng đồng Giáo hội được Thần Khí hướng dẫn (x. Rm 8:14) và (phải) sống nhờ các hoa quả của Thần Khí ấy (x. Gl 5:22-4). Khi còn sống xa cách Đức Kitô, chúng ta sống không có hy vọng, không có Thiên Chúa; còn bây giờ, nhờ máu Đức Kitô, chúng ta đã xích gần lại với Thiên Chúa trong Đức Kitô là

“bình an” (*Shalom*), tức là tổng hợp của mọi ân huệ Thiên Chúa đã hứa ban trong thời đại cứu độ (x. Ep 2:1tt). Trong xã hội được cứu độ này (x. Ep 2:5), không còn chia rẽ, không còn kỳ thị (x. Gl 3:28), nhưng mọi người sống như đã thành một trong nhà của Thiên Chúa (x. Ep 2:18; 1Tm 3:15; Dt 3:6). Theo ý Chúa, Giáo hội phải là như vậy, phải cho thấy thực sự là như vậy. Nếu Giáo hội đã không được nhận ra như là cộng đồng chứa chan tràn đầy ơn cứu độ, thì chắc hẳn là vì những thiếu sót của nhiều thành viên.

Như thế, ơn cứu độ kitô giáo mang những chiều kích vừa thiêng liêng mà cũng vừa xác thể; xác thể cả ở đời này lẫn ở đời sau. Ở đời này, người kitô có bốn phận phải sống theo một cung cách mới (x. Rm 6:4; 7:6; 12:2,v.v.) hầu xây dựng một xã hội mới theo nguyên tắc hiệp thông (x. Cv 4:32-35). Ở đời sau, thì thể xác còn phải được cứu độ qua sự sống lại (x. Pl 3:21; 1Cr 15). Trong Kitô giáo, nếu chỉ nói “cứu rỗi linh hồn” thì chưa đủ; bởi việc cứu độ chỉ hoàn tất khi hồn xác kết hợp, sống chung lại trong ngày của Chúa (x. Pl 3:20-1; Rm 29; 1Cr 5:5,v.v.). “Trước” ngày ấy – nếu được phép nói theo cách phàm tục – lẽ tất ơn cứu độ đã thực sự bắt đầu (x. Pl 1:23; 2Cr 5:8), nhưng vẫn còn bất toàn.

Cuối cùng, Tân Ước mạc khải một điểm căn bản liên quan đến việc cứu độ: con người không thể tự cứu rỗi chính mình (x. ASMD 8a). Không một tôn giáo nào có được khả năng cứu độ các tín đồ của mình, cả đến Lễ Luật của Cựu Ước cũng không (x. Gl 2: 15-16). Ơn cứu độ là ơn nhưng không của Thiên Chúa, tuyệt đối nhưng không (x. Rm 3:7.24, v.v.). Nguồn cội duy nhất là tình thương của Chúa Cha trong Đức Kitô (x. Ga 3:16); Người đã yêu thương ta ngay cả khi ta còn là người tội lỗi (x. Rm 5:8).

Vì là tình yêu (x. 1Ga 4:8.16), nên bao giờ Thiên Chúa cũng hành động vì yêu mến. Tự bản chất, tình yêu có những khía cạnh có vẻ nghịch lý; vì thế, công cuộc cứu độ cũng cho thấy nhiều khía cạnh xem ra không mấy ‘hợp lý’: tình yêu có những sáng kiến trí khôn không hiểu nổi!²⁰

Người kitô tin vững là trong lãnh vực cứu độ, tự mình con người chẳng có thể làm được gì (x. Ga 15:4-5). Tuy nhiên, Tân Ước không ngừng kêu gọi các tín hữu hãy cộng tác với ơn Chúa trong việc cứu độ chính mình. Tiến trình cứu độ bắt đầu bằng việc “trở lại,” từ bỏ đường lối trần tục mà bước vào đường lối của Phúc âm. Đức Giêsu đã khuyến khích đồng bào mình làm như thế (x. Mc 1:15), đúng với nhiệm vụ của sứ mệnh Ngài (x. Lc 5:32); rồi Ngài sai các tông đồ đi rao giảng cho muôn dân, kêu gọi họ thống hối để được cứu độ (x. Lc 24:47). Vì tội ác hằng không ngừng đe dọa mọi người, nên cần phải thường xuyên hối cải để có thể đón nhận ơn cứu độ, và đón nhận ngày càng dồi dào hơn. Nói một cách tích cực, muốn hợp tác với ơn Chúa, thì cần phải sống tốt lành như thánh Phêrô khuyên nhủ (x. 1Pr 4:7tt), và như thánh Phaolô mạnh mẽ thôi thúc: “Anh em hãy biết run sợ mà gắng sức lo sao cho mình được cứu độ” (Pl 2:12), tức hãy cần trọng thực hiện việc cứu độ qua phần hợp tác của mình. Thiên Chúa muốn cứu rỗi mọi người (x. 1Tm 2:4), nhưng Người không cưỡng bức ai vào thiên đàng trái với ý của người ấy. Mỗi người phải tự do đáp trả sáng kiến Thiên Chúa đề xuất và thi hành công tác cứu độ (x. Gc 1:22; Rm 2:13; Gl 6:7-10; 1Ga 3:7, v.v.). Về phương diện chủ quan, tiến trình bắt đầu với việc đón nhận lời cứu độ, rồi lời ấy sẽ trở thành tiêu chuẩn để đoán xét (x. Ga 12:48): ai tuân theo sẽ được cứu độ, ai từ chối sẽ bị kết

²⁰ Xin xem thông điệp *Dives in misericordia* (30-XI-1980).

án (x. Mc 1:16; x. 1Cr 1:18; 2Cr 2:15). Như vậy, Thiên Chúa ban cho con người cơ hội góp phần vào việc cứu độ chính mình, và đặt phận mệnh của mỗi người vào chính trong tay của người ấy.

THẦN HỌC NGÀY NAY

Suy tư thần học khởi sự từ những tình huống đang thấy trước mắt: thực trạng thế giới ngày làm cho nhiều người có cảm tưởng công cuộc cứu độ của Đức Kitô đã thất bại. Đã hai mươi thế kỷ qua kể từ khi “Đấng Cứu thế” hoàn tất sứ mệnh cứu độ, thế mà vẫn chưa thấy thế giới “được cứu độ” là bao nhiêu. Hơn nữa, xã hội vẫn thờ ơ không lưu ý đến sứ điệp của Ngài, hoặc cứ cố tình khước từ nó. Nếu nhìn lại những dân tộc “đã được Rửa tội” (các nước Tây phương nói chung), thì chưa thấy họ sống lương thiện gì hơn các dân tộc không kitô khác: họ đã gây ra hai thế chiến, chế tạo vô số vũ khí nhất, đứng hàng đầu trong chính sách bóc lột các dân tộc, trắng trợn phơi bày những lối sống đồi phong bại tục tệ hại nhất, v. v.

Mặt khác, ngôn ngữ Kitô giáo dùng để trình bày về ơn cứu độ lại rất nước đôi, làm như bóp méo hẳn đi chân dung chính thật của Thiên Chúa đến một độ khó có thể chấp nhận được. Thí dụ, khi nói về vấn đề “đền tội” thì có vẻ coi Thiên Chúa như là một “thương gia”: coi tội như là món nợ vô giá, cần Đức Kitô phải trả cân xứng, tức là thí mạng mình để bù lại. Còn Chúa Cha thì được giới thiệu qua một dạng dung mạo có vẻ tàn bạo: giết Con mình một cách ác độc. Đối với tội ác, Thiên Chúa làm như bất lực, không đủ sức để sửa chữa ‘thiệt hại’ do Adam gây ra. Tệ hơn nữa, Thiên Chúa được trình họa như là Đấng Tạo hóa khôn khéo, biết cách cầm giữ loài người để bao giờ cũng phải ngoan ngoãn phụ thuộc vào ơn Trên, chẳng khác chi một bộ máy loại

xoàng, luôn luôn phải cần đến đồ phụ tùng; hoặc như là “ông ba bị” đem hỏa ngục ra mà dọa cho các tín đồ khiếp sợ không dám sai lệnh, phạm tội. Từ đó, Hình ảnh về con người cũng bị bóp méo theo luôn: nhấn mạnh đến bốn phạm “cứu rỗi linh hồn” nhiều đến độ làm như quên mất giá trị của thân thể, của thế giới và lịch sử. Có những tín hữu lại quá ích kỷ chỉ biết lo “cứu linh hồn” của mình, không cần thiết tha gì đến số phận của người khác, của xã hội, v.v. hoặc chỉ coi như là chuyện thứ yếu. Rồi quan niệm cũng sai đối với lịch sử: được coi như là sân khấu trên đó, mỗi cá nhân chăm chăm chú chú lo đóng cho ngon vai “cứu lấy mình.” Cho việc “trốn trần tục” hoặc “bỏ thế gian” là lý tưởng phải nhắm tới, vì lẽ gian là kẻ thù của linh hồn... Quan niệm ơn cứu độ như thế là tự tách mình ra khỏi thế giới mình đang sống, là quên đi rằng loài người và muôn vật hằng liên đới chặt chẽ với nhau (x. Rm 8:19-23),²¹ là không biết quan tâm đến giá trị của lịch sử. Cuối cùng, thiên đàng và hỏa ngục được trình ta với những hình bóng thần thoại, làm như là chỉ để nói chuyện với trẻ con, chẳng có được một chút sức năng thu hút nào để đối thoại với tư duy của thời đại này.

Vậy, giữa tình huống khó khăn ấy, tín hữu kitô cần phải biết kiên vững nêu cao niềm hy vọng của mình (x. 1Pr 3:15-16).

1.- Như người mọi thời, con người thời nay cũng cần được cứu độ. Hẳn là ngày nay, có nhiều người không cảm thấy cần được cứu độ, không cần ai khác cứu độ cho. Say đắm với tự do, họ không còn phân biệt được giữa mục đích của tự do và tự do.

²¹ Về điểm này, xin xem Benoît, P., “Nous gémissons, attendant la délivrance de notre corps,” trong *Exegèse et théologie*, Paris, Cerf 1961, II, 41-52 ; Fox, M., *The Coming of the Cosmic Christ: The Healing of Mother Earth and the Birth of a Global Renaissance*, Melbourne: Collins-Dove 1989.

Họ cũng chẳng cần hy vọng gì ở “bên kia” cuộc đời, chẳng cần phải nhờ đến Thượng đế ở trên trời mây. Vô thần thực tiễn đang thời cực thịnh. Tuy nhiên, hiện nay, kẻ thù số một của việc cứu độ kitô không phải là chủ nghĩa vô thần, mà là những “lối cứu độ cạnh tranh” đang được trưng bày trên “thị trường tôn giáo.” Một thị trường tấp nập: các tôn giáo cổ truyền đang trên đà phục hưng, nhất là Hồi giáo; ngoài ra còn có những giáo phái mới lạ (ở Châu Phi, Châu Mỹ Latinh), hoặc là những phong trào nguy trang dưới bộ mặt tôn giáo.

Vì nơi trần thế này, tâm hồn con người không bao giờ được hoàn toàn thỏa mãn, không ngừng hướng tới một viễn cảnh cao xa hơn, một cái gì khác... Khắp nơi đều có những người đi tìm những cảm nghiệm tôn giáo hay thiêng liêng. Ngay trong Giáo hội, cũng thấy xuất hiện nhiều phong trào cầu nguyện, chiêm niệm, chia sẻ Lời Chúa, dẫn thân vào các việc tông đồ hoặc từ thiện. Trong thế giới ngày nay, hiện có hàng triệu triệu người trẻ không ưa lối sống duy vật, đang đi tìm một “lẽ sống” trong các tôn giáo hay trong các tổ chức nhân đạo, thiện nguyện. Họ đã thấy ra lối giải phóng giả của các chủ nghĩa, và đang hăm hở đi tìm hạnh phúc nơi một xã hội thật sự tự do trong một thế giới mới...

2.- Cần phải làm sao để ngôn ngữ tôn giáo trở thành trong sáng, dễ hiểu. Thần học đang cố thay thế ngôn ngữ cổ truyền dùng để trình bày về công cuộc cứu độ bằng một thứ ngôn ngữ mới. Quả thế, trong làng thần học đã có một vài dạng ngôn ngữ cấu lập theo chiều hướng đó: có dạng thì nhấn mạnh đến những khía cạnh thiêng liêng – được gọi là “cánh chung” – của ơn cứu độ; có dạng khác lại nêu bật những khía cạnh trần thế, như: kinh

tế, xã hội, hoặc lịch sử, chính trị, hay là cả hai.²² Nhưng thế nào rồi tất cả cũng đều phải ý thức rằng tất yếu, ngôn ngữ thần học là ngôn ngữ mang ẩn dụ tính, và, vì vậy, không làm sao ứng đáp cho hoàn toàn thỏa đáng được nhu cầu hiểu biết về những thực tại siêu việt; hoặc nói cách khác: cần phải biết khiêm nhường nhìn nhận mẫu nhiệm là mẫu nhiệm; vì có nhiều điều thần học cũng không thể biết.

Thần học kinh viện, đặc biệt là thánh Tôma Aquinô, đã chọn bốn khía cạnh trong thực tại của ơn cứu độ duy nhất: công trạng, đền tội, hy tế, giá chuộc. Cả bốn thành ngữ đều mang đậm tính chất văn hóa của thời ấy: sống trong một xã hội có chế độ nô lệ tất sẽ hiểu ra dễ dàng giá chuộc là gì;²³ thấy có những tôn giáo giết sinh vật làm lễ tế thì sẽ nhận ra ngay ý nghĩa của “tế vật,” “máu,” “lễ toàn thiêu,” v.v. Ý niệm “công trạng” (*merit*) phát nguyên từ những nền văn hóa nặng về pháp lý hoặc từ những xã hội cạnh tranh, thi đua; còn ý niệm “đền bù thỏa đáng” (*satisfaction*) thì bắt nguồn từ những nền văn hóa coi trọng danh dự. Các thuật ngữ này đều được cấu trúc theo phép “nhân hóa”: nhân hóa Thiên Chúa, tức là quan niệm Thiên Chúa xử thế như con người.

Thần học hiện đang chọn những từ người thời nay dùng vào việc biểu đạt niềm hy vọng hoặc lý tưởng cao đẹp nhất mà họ ước mơ, để đưa vào trong ngôn ngữ trình tả về ơn cứu độ. Điển

²² Các dạng thần học gọi là thần học của các thực tại trần thế: thần học chính trị, thần học lịch sử, thần học giải phóng, v.v. đều thuộc cứu độ học cả.

²³ Martin, D. B., *Slavery and Salvation. The Metaphor of Slavery in Pauline Christianity*, Yale Univ. Press 1990.

hình là từ “giải phóng,” được dùng làm tên gọi của ơn cứu độ,²⁴ đặc biệt là ở Châu Mỹ Latinh. Quả vậy, ý niệm “giải phóng” có sức nêu bật những giá trị như tự do, tự quyết, phẩm giá, cá biệt tính, chủ quyền... trái với tình trạng tha hóa, lệ thuộc, bị bóc lột, bị áp bức, v.v., và như thế trên cả hai bình diện, cá nhân và xã hội. Thời đại này cũng rất chuộng từ “huynh đệ,” dùng để diễn tả tình tương thân, mối quan hệ ngang hàng, tinh thần cộng đoàn, v.v., ngược với lối sống cô độc, ích kỷ, đố kỵ, v.v. Để nêu lên chiều kích phổ quát, có người dùng từ ngữ “trật tự mới” trong các nhóm, trong các xã hội, các quốc gia và cả quốc tế nữa, nhờ ảnh hưởng của ơn cứu độ. Những từ ngữ này đều muốn nói lên một thái trạng lý tưởng, ngập tràn hạnh phúc cho mỗi cá nhân cũng như cho toàn bộ xã hội loài người. Đối với chiều kích cánh chung của ơn cứu độ, là chiều kích vượt quá khả năng của ngôn ngữ loài người, thần học đành phải sử dụng những cách nói của Kinh Thánh về “Đất mới,” “vương quốc Thiên Chúa,” “lãnh vực công chính,” “hoà bình,”... và cuối cùng là “sống trong Chúa.”

3. Ơn cứu độ đổi mới và nâng cao tất cả những gì là tốt đẹp trong nhân loại để làm cho trở thành tốt hơn. Truyền thống kitô giáo có câu: *gratia perficit naturam*, “ân sủng hoàn chỉnh bản chất tự nhiên.” Thiên Chúa đâu có thích hạ nhục con người; con người mà được hạnh phúc thì danh Thiên Chúa càng được cả sáng. Chính Đấng Tạo hóa đã gieo vào lòng con người một niềm khát vọng vô biên, khát vọng hạnh phúc, để được sung mãn ứng đáp qua ơn cứu độ. Con người là một tạo vật “đang trên đường

²⁴ Xin xem Dupertuis, A. R., *Liberation Theology: A Study of its Soteriology*, Andrew U., 1987; Brennan, H., *Jesus the Christ, Mystic*: 23-Publ. 1991, “The Liberator” tt. 252-274; Jon Sobrino, *Jesus the Liberator*, N.Y.: Orbis Books 1993.

phát triển,” hướng tới mức trọn vẹn thành tựu. Con người hoàn chỉnh là con người được cứu độ: đó là ân huệ Thiên Chúa ban, nhưng đồng thời cũng là kết quả của nỗ lực hợp tác từ phía con người. Và dù có được cứu độ, con người vẫn là con người, chứ không hóa thành thần linh; thế nên, vẫn phải chấp nhận giới hạn của tự do và khát vọng thọ tạo. Ôn cứu độ cứu chữa con người trong giới hạn của con người: hết mọi khả năng của con người sẽ được hoàn chỉnh, nhưng con người vẫn phải đi qua sự chết. Quả thế, Đức Kitô đã chẳng cứu con người cho khỏi phải chết, Ngài cứu con người qua chính sự chết. Cứu rỗi đi đôi với tạo dựng, vì chỉ có một Thiên Chúa, một kế hoạch, một thế giới tạo vật, một nguyên thủy và một cánh chung. Ngôi Lời tạo hóa cũng là Đấng Cứu thế nhập thể. Ý định của Thiên Chúa đã có từ đời đời, nhưng hiện đang diễn ra, đang tiến hành ở trong lịch sử, và sẽ thành tựu trong ngày quang lâm. Như men trong bột, ơn cứu độ đang âm thầm mà hữu hiệu, biến đổi chúng ta trong Đức Kitô, và từng bước, dẫn đưa đến mức hoàn chỉnh lúc Ngài ngự đến (x. 1Ga 3:2; 2Pr 3:13; Rm 8:19-24.29).

Bàn về ơn cứu độ, tất phải sẵn sàng để đối diện với cách biểu đạt nghịch lý: ơn cứu độ vừa là ơn Chúa ban mà cũng vừa là việc con người thực hiện, đã hoàn tất nhưng vẫn còn tiếp diễn, đang diễn ra trong lịch sử nhưng chỉ được hoàn chỉnh sau hồi lịch sử chấm dứt, đòi phải sẵn sàng “bỏ mình” nhưng là để nắm giữ cho chắc hơn vận mệnh của chính con người mình, v.v. Tóm lại, con người được cứu độ là con người đã trở thành người ở một mức độ cao hơn (x. VMHV 41). Để hiểu về ơn cứu độ – theo phương diện chủ quan – thì nên lưu ý đến hai điểm: một là phải dựa theo phạm trù “dự phần” (*participation*) mà suy luận: con người chỉ dự phần vào bản tính Thiên Chúa trong một mức độ “cao” hay “thấp”: thấp nhất là thoát được hỏa ngục, cao nhất là

sống trong thái trạng ngôi hiệp; kẻ hơn người kém, những ai được cứu độ đều ở giữa hai mức độ ấy; hai là cần ý thức rằng việc “dự phần” ấy xảy ra “trong Đức Kitô,” cho những chi thể của Ngài, tức là những người kết hiệp với Ngài; vì dự phần vào bản tính Thiên Chúa là dự phần vào ơn ngôi hiệp của Đức Kitô.

Cuối cùng, ý niệm cứu độ kitô giáo là tiêu chí để nhận định mọi dạng cứu độ khác. Bất cứ dạng cứu độ nào – nếu thực sự có sức mang lại được một hiệu quả nào – thì cũng chỉ ở bình diện thuần túy tự nhiên – của mỗi cá nhân hay của toàn bộ xã hội loài người – và chỉ ở đời này, không đáp ứng đủ được khát vọng sâu thẳm của con người, khát vọng vô biên, vượt quá khả năng hạn hẹp của nó; đúng thế, hy vọng của con người vượt quá sự chết, xuyên qua tận thế giới bên kia. Duy chỉ ơn cứu độ kitô giáo mới bao gồm cả chiều kích siêu việt, thần thiêng, tức là được sống thông hiệp với chính Thiên Chúa Ba Ngôi, ngay ở đời này và trong đời sống vĩnh cửu.

VAI TRÒ CỦA ĐỨC KITÔ

Đức Giêsu Kitô là tâm điểm của công trình cứu độ, cả như là biến cố cứu độ lẫn như là thực tại được cứu độ; Ngài vừa là tác nhân vừa là thụ nhân của ơn cứu độ.

1. ĐỨC GIÊSU, NGƯỜI ĐƯỢC CỨU ĐỘ.

Chúa Phục sinh là nguyên mẫu của con người đã được cứu độ. Thần học nhất trí xác quyết rằng Ngài là nguyên nhân mô phạm của công trình cứu độ loài người. Trong thực tế, Đức Giêsu đã sống qua kinh nghiệm của một người cần được cứu độ: “Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này...” (Ga 12:27), “Xin tha cho

con khỏi uổng chén này” (Mc 14:36). Thư Do thái cho biết rằng “Đức Giêsu đã phải lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Thiên Chúa” thì mới được cứu (x. Dt 5:7). Bước vào con đường cứu độ, “Ngài đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục” (Dt 5:8); Ngài bị xếp vào hàng tội nhân, bị kết án, bị Thiên Chúa làm như bỏ rơi... phải chịu chết để mang lại và đón lấy ơn cứu độ (x. Pl 2:8-9). Trong thân phận người phạm, Ngài là mẫu mực của người được hòa giải; duy chỉ Ngài mới làm cho Chúa Cha hài lòng (x. Mc 1:11), vì biết đã bỏ mình để làm đẹp lòng Người trong mọi sự (x. Ga 8:28-29). Ngài sống một đời người vô tội và vì thế hoàn toàn tự do trong chính mình và trọn vẹn dành thân cho tha nhân. Ơn cứu độ cốt ở việc Thiên Chúa tự trao ban chính mình cho con người; nơi Đức Giêsu, chúng ta thấy Thiên Chúa tự trao ban trọn vẹn chính mình cho Ngài, đến nỗi nơi Đức Kitô, Thiên Chúa và con người chỉ là một. Đức Kitô phục sinh là con người hoàn hảo và là Thiên Chúa toàn diện, toàn vẹn. Toàn bộ ơn cứu độ tích tụ trọn vẹn ở nơi Ngài.

2. ĐỨC KITÔ, TRUNG GIAN CỨU ĐỘ

Danh từ “trung gian” dịch từ *mesites* trong tiếng Hylạp và *mediator* trong tiếng Latinh, là những từ thoát đầu chỉ mang ý nghĩa thuần túy thế tục (trong tiếng Việt, “làm mối” có thể được coi như là từ tương đương). Trong Cựu Ước, có nhiều trung gian với những chức năng khác nhau: Môsê là vị trung gian đặc thù của giao ước, các tiên tri là trung gian của lời Chúa, còn các lãnh

tụ là trung gian của việc cứu thoát. Trong Dt 8:6; 9:15 và 1Tim 2:5-6, Tân Ước gọi Đức Kitô là “trung gian.”²⁵

Lúc đầu, vì chịu ảnh hưởng của thuyết ngộ đạo, các kitô hữu suy nghĩ theo cách kiểu văn hóa Hylạp và các tôn giáo lương dân; các giới này tin là giữa Tạo hóa tối cao và các tạo vật bậc cuối, có nhiều phẩm trật trung gian, như tiểu thần, thiên thần, hóa công...). Vì thế, nhiều người đã quan niệm Đức Kitô như một vị “ở giữa,” đặc biệt là như các thiên thần. Do vậy, các tác giả Tân Ước đã mạnh mẽ phản ứng và đánh đổ quan niệm sai lầm này (x. chẳng hạn Cl 2:18tt; Dt 1:4-14; Kh 19:10). Đức Kitô, Trung gian, Đầu của “cửa mọi quyền lực thần thiêng” (Cl 2:10), và của các kitô hữu, chi thể của Đức Kitô, sẽ xét xử các thiên thần (x. 1Cr 6:3). Các thiên thần là tôi tớ của Thiên Chúa, “được sai đi phục vụ để mưu ích cho những ai sẽ được thừa hưởng ơn cứu độ” (Dt 1:14), và các vị đều thuộc về Đức Kitô, Con Người (x. Mt 24:30tt). Đức Kitô là Trung gian trên một bình diện độc đáo và theo một nghĩa độc nhất.

Mạc khải cho biết: “Chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng Trung gian giữa Thiên Chúa và loài người: đó là một con người, Đức Kitô Giêsu” (1Tim 2:5).²⁶ Phúc âm Gioan viết: “Từ nguồn sung mãn của Ngài, tất cả chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác” (Ga 1:16; x. Dt 5:9). Thần học minh giải như sau: Ân huệ ban cho Ngài (*gratia unionis*, “ơn ngôi hiệp”) đã trở nên nguồn ơn cho chúng ta (*gratia capitis*, “ơn của Đầu”). Bởi bản tính, Ngài là “thần-nhân,” và vì thế là “Đấng liên kết” hai bên,

²⁵ Largement, R., “Médiation,” trong *Dict. Bibl. Suppl.* V, 1957, 983-1083.

²⁶ Tác phẩm cơ bản: Emil Brunner, *The Mediator*, London: Lutterworth 1934 (Philadelphia: Westminster 1947); Rahner, K., “One Mediator and many mediations,” *Theol. Invest.* IX, 1972, 169-184.

Thiên Chúa và loài người. Sức sống từ Đấng tuôn chảy xuống các chi thể; không một ai được cứu rỗi nếu không sống nhờ sự sống này. Đó là tầm trọng yếu đối với cứu độ học của tín điều công đồng Canxêđôn minh định.²⁷

Tân Ước trình bày chân lý ấy dưới nhiều dạng; thí dụ qua việc: trình tả Đức Kitô phục sinh được nâng lên bên hữu Thiên Chúa, và được hưởng toàn quyền trên trời dưới đất (x. Mt 28:18; Ph 2:9, v.v.); hưởng mắt nhìn lên Đức Kitô hằng sống trên trời để chuyển cầu cho chúng ta (x. Dt 7:25; 1Ga 2:1); giới thiệu Đức Giêsu trong tư thế là quan tòa phán xét trong ngày cánh chung, là Đấng quyết định số phận vĩnh cửu của mọi người (x. Mt 25:31tt; Cv 10:42); áp dụng cho Ngài những tước hiệu như “cửa,” “đường” duy nhất dẫn tới Chúa Cha (x. Ga 10:7tt; 14:6), và những ẩn dụ tương tự.

Phạm vi của vai trò trung gian cũng rộng lớn như kế hoạch của Thiên Chúa. Vũ trụ được dựng nên nhờ, qua và cho Đức Kitô (x. 1Cr 8:6; Cl 1:15-17; Dt 1:1-3; Ga 1:3). Đặc biệt Ngài là trung gian của giao ước mới Thiên Chúa thiết lập với loài người (Mt 26:28tt; Dt 7:22; 8:6; 9:15). Phaolô nêu bật sự việc Đức Kitô là trung gian của việc công chính hóa, qua Ngài, Thiên Chúa hòa giải các tội nhân (x. 2Cr 5:21; Rm 5:18; 8:10, v.v.). Gioan khai triển chủ đề ‘Đức Kitô trung gian mạc khải’: “Lê Luật đã được Thiên Chúa ban qua Môsê, còn ân sủng và sự thật, thì nhờ Đức Giêsu Kitô mà có. Chưa có ai bao giờ thấy Thiên Chúa, nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa, chính Ngài đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1:17-18).

²⁷ Học thuyết điển hình trình bày trong thông điệp của Đức Piô XII: *Mediator Dei*, AAS 39 (1947) 547-572, và của Đức Gioan-Phaolô II: *Redemptor hominis*, 4-III-1979, AAS 71(1979) 257-324.

Các tiên tri trong Cựu Ước đã loan báo ơn cứu độ, đặc biệt là qua sự việc Thần Khí được tuôn đổ xuống trên mọi người phàm (x. Ge 3:1-2=Cv 2:17-8). Thần Khí sẽ ban sự sống mới (x. Ed 37) và sẽ làm cho toàn dân sống trong một thể cách mới (x. Ed 36:25-27; 39:29; Gr 31:31-34; 32:38-40; Is 59:21, v.v.). Mà, Thần Khí là sức sống của các trung gian. Đấng Mêsia được Thần Khí “xức dầu” (x. Is 11:12; Lc 4:18tt), là người mang Thần Khí (x. Cv 10:37-38) và trao ban Thần Khí cho loài người (x. Ga 7:39; 14:26, v.v.).²⁸ Vì thế, Đức Kitô là trung gian ban Thần Khí, ban sức sống mới, là nguồn sống đem ơn cứu độ đến cho mọi người, và sức đổi mới đến cho mọi thể chế. Thần Khí là hiện thân của ơn cứu độ nơi mọi người nhận được ơn ấy.²⁹

Phụ lục

MỘT TRUNG GIAN VÀ NHIỀU TRUNG GIAN

ITm 2:5 khẳng định rõ: chỉ có một Đấng Trung gian duy nhất là Đức Kitô. Mặt khác, Giáo hội cũng thường nói đến vai trò trung gian của Đức Maria, các Thánh, các Thiên thần, v.v. Công đồng Vaticanô II đã giải thích về điểm này ở trong ASMD 62, như sau:

²⁸ Ladaria, L. F., “La unción de Jesús y el don del Espíritu,” *Gregorianum* 71 (1990) 547-571; Dunn, James D.G., *Jesus and the Spirit*, (new ed.) Grand Rapids, Eerdmans 1997.

²⁹ Xin xem Chevallier, M. A., *Souffle de Dieu. Le Sainte-Esprit dans le Nouveau Testament*, I, Paris 1978; Durken, D. (ed), *Sin, Salvation and the Spirit*, Collegeville: Liturgical Pr. 1979; Bouyer, L., *Le Consolateur*, Paris 1980

“Không bao giờ có thể đặt một thụ tạo nào ngang hàng với Ngôi Lời nhập thể và Cầu chuộc. Nhưng cũng như chức tư tế của Chúa Kitô được thông ban dưới nhiều hình thức khác nhau cho các thừa tác viên và giáo dân, và cũng như sự tối lành duy nhất của Thiên Chúa được ban phát nhiều cách cho các thụ tạo, thì sự trung gian duy nhất của Đấng Cầu thể không những không loại bỏ mà còn khuyến khích các thụ tạo cộng tác dưới nhiều hình thức khác nhau, trong sự tùy thuộc vào nguồn mạch duy nhất.”³⁰

Hình ảnh “trung gian” hiện rõ ở trong Kinh Thánh: Môsê là trung gian của Giao ước, thượng tế là trung gian giữa Giavê và dân Ítraen, các tiên tri là trung gian của Lời Chúa, v.v. Trong sách Gióp, Thiên Chúa bảo: “Gióp, tôi tớ của Ta, sẽ chuyển cầu cho các người. Ta sẽ đoái nhìn nó và sẽ không xử với các người xứng với sự ngu xuẩn của các người...” (G 42:8). Trong sách Tô-bia, Raphaen nói với ông: “Khi ông và Sara cầu nguyện, chính tôi đã dâng những lời cầu nguyện đó lên trước tôn nhan vinh hiển Thiên Chúa...” (Tb 12:12). Đó chính là vai trò của các thiên thần theo Kh 8:3-4. Kinh Thánh còn cho thấy nhiều trường hợp khác của vai trò “trung gian,” đặc biệt là khi nói đến việc cầu nguyện cho một người khác (x. 2Cr 13:7; Cv 8:15; Gc 5:14.16, v.v.).

Sau công đồng Êphêso (n. 431), thánh Xyryllô Alêxândria đã dùng tước hiệu “trung gian” cho Đức Maria. Thật vậy, kinh *Sub tuum praesidium...* đã có trong Giáo hội từ thế kỷ 3 hoặc 4, bắt đầu bên Đông phương, và từ đó được đưa sang Tây phương, tức là từ thời bấy giờ các tín hữu đã biết dâng lên Đức Mẹ những lời nguyện cầu. Sau này, các ngày lễ tôn kính Đức Maria, các đền kính Thánh Mẫu và rất nhiều nơi hành hương ở khắp nơi

³⁰ Xin xem *Giáo lý...* 970.

trong các Giáo hội Đông Tây, đã cho thấy rõ vai trò can thiệp, phù hộ, tức vai trò làm trung gian của Mẹ Đức Giêsu. “Cảm thức đức tin” của dân Thiên Chúa, đã không mảy may sai lầm trong việc làm này.³¹

Những ai liên kết đặc biệt mật thiết với Đức Kitô, Trung gian duy nhất, thì cũng được dự phần vào vai trò trung gian của Ngài qua việc chuyển cầu; đó là trường hợp của các Thánh.³² Hơn thế nữa, bởi hiệp thông với Đầu là Đức Kitô, toàn thể Dân Chúa cũng được thông dự vào vai trò chuyển cầu của Ngài.³³ Vì vậy, mỗi khi Giáo hội chuyển cầu hoặc chúng ta “cầu nguyện cho nhau,” đều là những khi thi hành – trong Đấng Trung gian độc nhất – sứ mạng làm trung gian trước nhan Thiên Chúa. Đó là lý do tại sao các kinh nguyện phụng vụ đều kết thúc với công thức: “Nhờ Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con...” *Per Dominum nostrum Jesum Christum...*

ĐỨC GIÊSU, Đấng CỨU TINH

Tước hiệu “Cứu tinh” (*Sôtêr*) không xuất hiện trong các văn bản cổ xưa thời đầu; và nói chung, so với các tước hiệu khác, Tần Ước ít khi dùng đến tước hiệu này: tất cả vốn vẹn chỉ có 4 lần trong các thư mục vụ, 5 lần trong 2Pr và 2 lần trong Ga (x.

³¹ Xin xem ASMD 12; xin xem thêm thông điệp *Redemptoris Mater* của Đức Gioan Phaolô II, 25-III-1987, AAS 79 (1987) 361-433, đặc biệt các số 38tt; De la Potterie, Ig., *Marie dans le mustère de l'Alliance*, Desclée 1988; Escudero, A., *La cuestión de la mediación mariana en la preparación del Vaticano II*, Roma 1992.

³² Xin xem ASMD 49; Rahner, K., “One Mediator and many mediations,” *Theol. Invest.* IX, 1972, 169-184.

³³ Xin xem *Giáo lý...* 1369, 1546.

Ga 4:42; 1Ga 4:14). Lý do là vì trong văn hóa Hylạp, “cứu tinh” là tước hiệu của các thần linh, của các vị anh hùng và các vua chúa. Kitô giáo muốn tránh sự hiểu lầm và không chịu đặt Đức Kitô trong cùng một bình diện với thần Apôllô hay hoàng đế Caligula! Đức Kitô đâu phải là vị “cứu tinh” theo kiểu ấy.³⁴

Tuy nhiên, khi đã có được những hiểu biết rõ ràng và vững chắc đủ về Đức Kitô, Giáo hội mới vững tâm áp dụng tước hiệu ấy cho Đức Kitô. Có lẽ vì đang trong thời bút chiến chống quan niệm của lương dân lúc bấy giờ, Tt 2:13 đã gọi “Đức Kitô Giêsu là Thiên Chúa vĩ đại và là Đấng Cứu độ chúng ta.” Ba thư mục vụ dùng danh tước “Đấng cứu tinh” khi nói về Thiên Chúa (x. 1Tm 1:1; 2:3; 4:10; Tt 1:3; 2:10) cũng như về Đức Kitô (x. 2Tm 1:10; Tt 1:4; 2:13; 3:6; x. 2Pr 1:11; 2:20; 3:2.18).

Thời Cựu Ước, không có nguy hiểm ngộ nhận nói trên; vì thế “cứu tinh” là tước hiệu của Giavê (x. 1Sm 10:19; Is 45:1,v.v.), và đôi khi, cũng của cả các đại diện Người chọn, như các Quan án (x. Lc 3:9.15). Nhưng tước hiệu này không bao giờ được quy áp cho Đấng Thiên sai.³⁵

Luca giới thiệu hài nhi Giêsu trong cương vị “Đấng Cứu độ” và giải thích qua hai tước hiệu khác là “Đấng Kitô và Đức Chúa” (Lc 2:11). Theo thần học của sách Công vụ, “cứu độ” là tước hiệu của Đấng Phục sinh (x. Cv 5:31), như Kinh Thánh đã tiên báo: “Từ dòng dõi Đavít, theo lời hứa, Thiên Chúa đã đưa đến cho Ítraen một Đấng Cứu độ là Đức Giêsu” (Cv 13:23). Đức Ki-

³⁴ Haight, R., *Jesus, Symbol of God*, N.Y.: Orbis Books 1999, “Jesus as Savior” tt. 335-362.

³⁵ Xin xem Farris, T. V., *Mighty to Save. A Study in Old Testament Soteriology*, Broadman & Holman Pub. 1994.

tô đã được nâng lên, nhưng Giáo hội còn trông chờ Ngài trở lại với tư cách là Đấng Cứu độ trong ngày quang lâm (x. Pl 3:20). Vì là Đầu của Hội thánh và là Đấng Cứu độ của hết thảy các chi thể, nên Đức Kitô là Vị Cứu tinh của toàn bộ thân thể (x. Ep 5:23). Theo thần học chung của Tân Ước, Ngài đã chịu khổ hình vì chúng ta, và như thế, đã “trở nên nguồn ơn cứu độ cho tất cả những ai từng phục Ngài” (Dt 5:9).

Sau thời các tông đồ, bởi văn hóa Hy Lạp vẫn còn mơ hồ về tước hiệu “cứu tinh,” nên các Giáo phụ ít khi gọi Đức Kitô là “Đấng Cứu độ.” Inhaxiô Antiokia chỉ dùng đến tước hiệu này có 4 lần; chẳng hạn như khi tố giác các “thầy giáo giả” vì họ “không tuyên xưng Thánh thể là thịt, máu của Đức Giêsu Kitô, Đấng Cứu độ chúng ta” (Smirna 7. 1). Dù sao, tước hiệu *Sôtêr*, “Cứu độ” đã không được phổ biến rộng rãi cho bằng các tước hiệu “Chúa” hoặc “Lời” v.v., lý do là vì còn mang ý nghĩa nước đôi, tựa như từ ngữ “Giải phóng” hiện nay.

Tuy nhiên, Giáo hội hằng tin vững rằng Ngài là Đấng Cứu độ. Các Giáo phụ nêu rõ giáo lý này khi bàn về “ơn cứu độ,” coi đó là ân huệ của Đức Kitô, cũng như khi lưu ý về nghĩa của Tên gọi “Giêsu” là “Giavê giải cứu”: “bởi Ngài sẽ cứu dân Ngài khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1:21). Gioan mở rộng chân trời: Ngài không những xóa tội của Ítraen mà còn của cả trần gian nữa (x. Ga 1:29); Ngài quả là “Đấng Cứu độ trần gian” (Ga 4:42). Vì niềm tin này, thánh Luca đã dứt khoát khẳng quyết rằng ngoài thánh Danh Ngài ra, chẳng có ơn cứu độ ở một ai, một nơi nào khác (x. Cv 4:12).

Là sự sống (x. Ga 14:6), là ánh sáng (x. Ga 1:9; 8:12, v.v.), và là sự sống lại (x. Ga 11:25), Đức Kitô là ơn cứu độ, là nguồn cứu độ cho muôn dân. Cùng với Chúa Cha, Ngài “nhiệm xuy”

Thần Khí,³⁶ là Đấng thánh hóa, là tác động cứu độ nơi các tâm hồn; nếu Đức Kitô không phải là “nguồn xuất phát” của Thần Khí, thì cũng chẳng phải là Đấng Cứu độ. Đã hẳn là nguồn cội tuyệt đối của mọi ơn cứu độ là Chúa Cha, vì thế 1Tm 4:10 gọi Người là “Đấng Cứu độ mọi người,” nhưng Người cứu độ qua Đức Kitô và trong Thần Khí. Tuy nhiên, trong kế hoạch cứu độ, Đức Kitô là “anpha và ômêga,” là nguyên thủy và chung cục, vì thế, không thể ‘qua mặt’ Đức Kitô để trực tiếp đi đến với Chúa Cha (x. Ga 14:6) hoặc nhận lãnh Thần Khí: không qua Đức Kitô thì không thể đến được với ơn cứu độ.

CÔNG TRÌNH CỦA Đấng TRUNG GIAN

Như đã thấy, đời sống và công cuộc rao giảng của Đức Kitô được trình thuật trong nhiều cách, với nhiều từ ngữ, ẩn dụ khác nhau. Muốn hiểu về công trình này, thì cần phải xếp các ẩn dụ theo hệ thống và nghiên cứu ý nghĩa của từng từ ngữ. Mọi sự đều phát sinh từ lòng nhân hậu của Chúa Cha; vì thế, suy tư thần học nên bắt đầu tiến hành từ trên xuống, rồi sau đó mới dồn chú tâm vào Đức Giêsu để, làm như đi từ dưới lên, mà tìm hiểu về cách thức đại diện loài người đáp ứng lòng thương của Thiên Chúa.³⁷

1. ĐỨC KITÔ, TRUNG GIAN MẠC KHẢI

³⁶ Ở đây, vấn đề quan trọng là vấn đề liên quan đến từ *Filioque*, tức là về nguồn xuất phát của Thánh Thần; xin xem Lukas Vischer (ed), *Spirit of God, Spirit of Christ: Ecumenical Reflections on the Filioque Controversy*, 1981.

³⁷ Chúng tôi theo Bernard Sesboüé, *Jésus-Christ, l'unique Médiateur*, Paris: Desclée 1988.

So sánh Môsê, trung gian của Cựu Ước, với Đức Kitô, trung gian của Tân Ước, Gioan viết rằng Thiên Chúa đã ban Lề Luật qua Môsê, còn ân sủng và sự thật thì ban qua Đức Giêsu Kitô (x. Ga 1:17). Ôn cứu độ và sự thật mật thiết liên quan với nhau (x. 1Tm 2:4). Ngài vốn là Lời, là ánh sáng, xuống thế gian để mạc khải Thiên Chúa cho chúng ta (x. Ga 1:18); mà biết Thiên Chúa (và biết Đức Giêsu Kitô) chính là sự sống đời đời (x. Ga 17:3). Sở dĩ Đức Kitô đã đến là để “soi sáng những ai ngồi nơi tăm tối và trong bóng tối tử thần” (Lc 1:79).³⁸

Cần phải biết như thế nào về Thiên Chúa để được cứu độ? Nếu biết như thầy giáo biết về môn học mình dạy, thì không đủ; nếu biết như người đi du lịch biết các nơi, các miền mình đã tới, hoặc biết các người trong hình chụp, thì cũng vẫn chưa đủ; nếu biết như sĩ quan biết lính, như chủ nhân và cộng nhân biết nhau, như thầy trò biết nhau, cũng vẫn chưa đủ. Hành động “biết” có sức cứu độ thì tựa như vợ chồng biết nhau, cha mẹ con cái biết nhau; đó là cách Đức Giêsu mạc khải về Chúa Cha (x. Mt 11:27). Đức Giêsu làm cho chúng ta biết Cha để dẫn chúng ta tới với Người như con cái.

Đức Kitô mạc khải Thiên Chúa không chỉ qua lời nói và việc làm, mà nhất là qua chính bản thân Ngài: Ngài là Lời, là hình ảnh của Thiên Chúa, nên thấy Ngài là thấy Cha, gặp Ngài là gặp Thiên Chúa, là gặp chính ơn cứu độ. Vì thế đường cứu độ là đường của môn đồ: không những học bài Thầy dạy, mà nhất là rập khuôn lối sống của Ngài, đúng như những gì Phaolô (x. Pl 2:5) và Phêrô (x. 1Pr 2:21) khuyên nhủ. Ý của Chúa Cha là môn đồ chuyên chú vâng nghe lời Thầy (x. Lc 9:35), và tất cả những

³⁸ Xin xem Fisichella, R., (ed), *Gesù rivelatore*, Casale Monferrato 1988.

ai giữ lời ấy đều sẽ được thánh hiến trong sự thật (x. Ga 17:14-18), sẽ biết Chúa Cha như con biết cha, và sẽ được yêu thương như Cha yêu Con (x. Ga 17:26): đó là được cứu độ đến một mức tuyệt diệu.

Kế hoạch cứu độ được trình bày như là cuộc giao chiến giữa ánh sáng và bóng tối. Lời tựa của Ga đã nói rõ: Ngôi Lời là ánh sáng chiếu soi mọi người; nhưng tối tăm không chịu đón nhận ánh sáng, tức “người ta đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng” (Ga 3:19): đó là biểu tượng của tội lỗi trần gian; còn theo gót Đức Giêsu là bước đi trong ánh sáng (x. Ga 8:12); chính nhờ ánh sáng ấy mà con người được ơn trở nên con Thiên Chúa (x. Ga 1:12).

Nếu Đức Kitô là ánh sáng, thì kẻ thù là “quyền lực tối tăm” (x. Lc 22:53). Vì thế, Phaolô miêu tả việc cứu độ như sau: “Anh em, hãy vui mừng... vì Chúa Cha đã giải thoát chúng ta khỏi quyền lực tối tăm, và đưa vào vương quốc Thánh Tử chí ái... trong cõi đầy ánh sáng” (x. Cl 1:12-3; 1Pr 2:9). Cuộc đời cứu độ ở dưới đất này chính là “ăn ở như con cái ánh sáng” (Ep 5:8-9), sống như Chúa đã sống, trong một cộng đoàn huynh đệ tương ái (x. 1Ga 1:7).

Ơn cứu độ là được biết Chúa như Chúa biết ta (x. 1Cr 13:12). Việc nhận biết này khởi sự với đức tin. Thánh Phaolô ghi ra một số danh sách những nhân đức tiêu biểu của lối sống kitô giáo; nhân đức đầu tiên là đức tin, và cuối cùng là bác ái (x. 1Cr 13:13; 2Cr 8:7) hoặc sự hiểu biết (x. Rm 15:13-4). Sự hiểu biết này không phải là trí thức, nhưng là kinh nghiệm cùng sống trong tình yêu: “mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi” (Pl 3:8); đó là lý tưởng của vị tông đồ. “Có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Đức Kitô” (Rm 10:17), vì thế Phaolô coi việc giảng Tin mừng là như ánh sáng

bừng lên (x. 2Cr 4:4-6). Cuối cùng, trong bí tích Thánh tẩy, đức tin được cụ thể hiện thực hóa: thư Do thái gọi là “được chiếu sáng” (Dt 6:4; 10:32).

Truyền thống của Giáo hội đã từng nêu bật cho thấy sự hiểu biết kia là một yếu tố cấu thành của ơn cứu độ. Trung gian của sự hiểu biết này là Đức Kitô. Khoảng năm 98, Clémentê Rômanô đã viết: “Qua Ngài chúng ta nhìn lên trời cao; qua Ngài chúng ta ngắm nhìn như trong một tấm gương sáng, tôn nhan tinh tuyền vô song của Thiên Chúa; qua Ngài con mắt của tâm địa chúng ta mở ra; qua Ngài trí tuệ ngu dại và mờ đục của chúng ta bừng sáng lên; qua Ngài Thiên Chúa muốn chúng ta nếm thử sự hiểu biết bất diệt...”³⁹ Hồi thế kỷ thứ hai, Giustinô tử đạo so sánh việc mình trở lại theo Đức Kitô như là việc đón nhận ánh sáng, và coi Kitô giáo như một “nền triết lý” hoặc một lối sống khôn ngoan (*philosophia*) độc đáo; ngài gọi phép Rửa là *phôtismós* tức thiên khai sáng soi, một tên gọi đã được các Giáo phụ sử dụng: “Chúng tôi gọi Phép Rửa là sự soi sáng, vì những ai đón nhận giáo lý này thì được (Thần Khí) chiếu soi tâm hồn.”⁴⁰ Còn Irênêô, tác giả cuốn sách *Chống các lạc giáo*, coi các lạc giáo là những tri thức giả, còn Kitô giáo là “tri thức thật.” Ngài xác tín ơn cứu độ phát sinh từ Đức Kitô, Đấng mạc khải: “Cuộc thương khó của Chúa làm cho chúng ta hiểu biết Chúa Cha, và vì thế là nguồn ơn cứu độ.”⁴¹ Yếu tố tri thức của ơn cứu độ được nêu bật nhiều nhất trong trường phái Alêxândria, từ Clémentê, Ôrigênê

³⁹ *Epist. ad Corinth.* 36.2; PG 1. 280.

⁴⁰ Giustinô, *Apologia I*, 61, PG 6. 420; hồi thế kỷ VIII, Kitô giáo ở Trung Hoa được gọi là “Cảnh Giáo” (“Cảnh” là “có vẻ ánh sáng”).

⁴¹ *Adv. Haer.* 2. 20. 3.

cho đến Xyrillô; bên phía Tây phương, yếu tố này cũng hiện diện, nhưng không nổi bật bằng.

Xưa nay, các tôn giáo vẫn không quên lưu ý đến yếu tố này. Ngộ đạo và Phật giáo nêu bật giá trị tối cao của việc giác ngộ. Thần học cũng đã từng có khuynh hướng nhấn mạnh quá đáng đến giá trị và sức mạnh cứu độ của mạc khải, như thấy qua lập trường của Abêlácđô hồi thời Trung cổ, hoặc qua chủ trương của phái Tin lành Tự do gần đây: Thầy Giêsu đã chỉ đường đi, bây giờ cứ theo đó mà đi là đủ. Không; không những chỉ đường mà thôi, Đức Giêsu còn làm nhiều điều khác nữa. Dĩ nhiên, sự hiểu biết là chiều kích cơ bản của ơn cứu độ kitô; do đó, bao giờ Giáo hội cũng nêu cao giá trị và tầm trọng yếu của sự thật, của việc ngẫm đọc, học hỏi và rao giảng Lời Chúa, của giáo lý, v.v. Vì vô tri thì bất mộ, và con người chỉ yêu theo mức hiểu biết của mình: hiểu biết Thiên Chúa thế nào qua kinh nghiệm, thì yêu mến Người thế ấy trong cuộc sống; mà đã yêu thì càng muốn hiểu biết thêm. Lịch sử cứu độ là lịch sử mạc khải, là quá trình Thiên Chúa tự trút bỏ, tự bóc lột, tức tự trao ban chính mình cho loài người.

2. CỨU CHUỘC

Phạm trù cứu chuộc – *redemptio* trong tiếng Latinh – đóng giữ vai trò trọng yếu bậc nhất trong Kinh Thánh cũng như trong thần học. Biến cố cơ bản là cuộc tử nạn thập giá; nhưng toàn bộ cuộc đời Đức Giêsu đã diễn tiến theo kế hoạch “cứu chuộc,” và Ngài xuất hiện trong dung mạo của Đấng Toàn thắng. Trong truyền thống, từ “cứu chuộc” đồng nghĩa với “cứu độ,” dù theo

nghĩa hẹp, thì từ này đơn thuần mang ý nghĩa chỉ về một cách (ẩn dụ) tiến hành của công cuộc cứu độ.⁴²

NGÔN NGỮ

Danh từ cứu chuộc có nghĩa là mua lại và trả cái giá phải trả để nhận lại. “Giá chuộc” dịch từ *lytron* trong tiếng Hylạp, và đã được Đức Giê-su dùng đến trong Phúc âm (x. Mc 10:45tt).⁴³ Trong ngôn ngữ thông thường thời trước, đó là giá mua một nô lệ, giá phải trả để người nô lệ được tự do; trong ngôn ngữ tôn giáo, đó là giá tìn hữu trả để được giải thoát khỏi sự dữ, nhất là khỏi tội ác. Một từ khác, từ trừu tượng *lytrosis* (giải thoát), cũng đã được dùng ở trong Lc 1:68; 2:38 và Dt 9:12, với ý nghĩa chung là “giải phóng” những ai thiếu tự do. Nhưng được dùng nhiều hơn cả là từ ghép *apolytrosis* (giải thoát, mua chuộc, trả tự do, v.v.), có nghĩa là cứu chuộc (x. Lc 21:28; Rm 3:34; Dt 9:17, v.v.).

Cũng còn những từ tương tự khác được dùng, như từ *agorazein* (mua ở chợ): “Thiên Chúa đã trả giá đất mà chuộc lấy anh em” (1Cr 6:20), hoặc: “Đức Kitô đã chuộc chúng ta cho khỏi bị nguyên rủa vì Lề Luật...” (Gl 3:13; x. 4:5). Giá phải trả là máu (x. Kh 5:9-10), như thấy trong cách Phaolô dùng động từ *peripoieo* (mua) để nói về: “Hội thánh Thiên Chúa đã mua bằng

⁴² Về những vấn đề mới, xin xem Ủy Ban Thần Học Quốc Tế, “Quaestiones selectae de Deo Redemptore” *Gregorianum* 78 (1997) 421-476; bằng Anh ngữ trong *Communio*, Spring 1977, 160-214.

⁴³ Xin xem Schenker, A., “Substitution du châtime-nt ou prix de la paix? Le don de la vie du Fils de l’homme en Mc 10:45 et par. à la lumière de l’Ancien Testament,” trong *La Pâque du Christ, mystère de salut*, Mélanges F.-X. Durrwell, Lect. Div. 112, 75-90; xem Beaucamp, E., “Aux origines du mot ‘rédemption’: le rachat dans l’Ancien Testament,” *Laval Théol. et Philos.* 34 (1978) 49-56.

máu của chính mình” (Cv 20:28); vì thế, Phêrô gọi cộng đoàn kitô là “dân Thiên Chúa đã mua cho mình...” (1Pr 2:9).

Ý NGHĨA

Xuất xứ chủ yếu của ý nghĩa các từ nói trên đây là Cựu Ước. Ítraen luôn luôn coi Giavê là Đấng Cứu chuộc dân Người (G 19:25; Tv 78:35, v.v.), đặc biệt là vì Người đã giải thoát họ khỏi cảnh nô lệ Ai cập (x. Đnl 13:6). Sở dĩ Ítraen đã trở thành “Dân Thiên Chúa” thì chính là vì Giavê đã “mua” họ cho mình (x. Tv 78:42; Is 43:1; 44:22), và đã dẫn họ vào lãnh thổ của Người là thánh địa, một lãnh thổ không phải là phàm tục.⁴⁴ Thật vậy, Thiên Chúa đã tạo cho mình một dân tộc mới: “Nhưng bây giờ, đây là lời Giavê phán, lời của Đấng tạo thành người, hỡi Giacóp, lời của Đấng nắn ra người, hỡi Ítraren: Đừng sợ, vì Ta đã chuộc người về, đã gọi người bằng chính tên người: người là của riêng Ta” (Is 43:1).⁴⁵ Thiên Chúa trở nên *go'el* của Ítraen, tức như người huyết tộc có bổn phận chuộc lấy gia tài hoặc gia nhân đã bị mất (x. Is 41:14; 43:1.14; 44:6. v.v.), vì thế mà khi Thiên Chúa “mua” họ, Người không ở trong tư thế là chủ, mà là Cha của dân mình.

Những ý nghĩa trên đây đều đã được ứng nghiệm trọn vẹn trong Đức Kitô: “Vì chúng ta, Ngài đã tự hiến để cứu chuộc chúng ta cho thoát khỏi mọi điều bất chính, và để thanh luyện chúng ta, khiến chúng ta thành Dân riêng của Ngài, một dân hằng say làm việc thiện” (Tt 3:14). Tàn Ước lấy biến cố Xuất hành làm tiên trưng cho công trình cứu chuộc của Đức Kitô.

⁴⁴ Muốn nói là “phàm tục” (*profane*) trái với “thánh thiêng” (*sacred*).

⁴⁵ Xin xem Stuhlmueller, C., *Creative Redemption in Deutero-Isaiah*, Roma 1970.

Những gì Chúa Giê-su đã làm cho Ít-ra-en, thì Đức Ki-tô cũng đã thực hiện cho Giáo hội (x. 1Cr 5:7; 1Pr 1:9; Kh 5:6). Ngài đã thực hiện bằng cách nào?

Dù suốt cả cuộc đời, Đức Giê-su “cứu chuộc” chúng ta, nhưng Tân Ước dồn cả chú ý vào trọng điểm là thập giá. Trên thập giá “Ngài đã xóa sổ nợ bất lợi cho chúng ta... đã trút phế các quyền lực thần thiêng, đã công khai bêu xấu chúng...” (Cl 2:14-15). Nhưng cuộc toàn thắng ấy đã phải trả một giá cao, là chết trên thập giá: Đức Giê-su đã “hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mt 20:28tt; x. 1Tm 2:5-6). Hoặc nói theo cách ẩn dụ “mua,” thì Ngài đã phải trả bằng giá máu Ngài. Dùng hậu cảnh phụng vụ, thư Do thái đã viết: “Ngài đã vào cung thánh không phải với máu các con dê, con bò, nhưng với chính máu của mình, Ngài vào chỉ một lần thôi, và đã lãnh được ơn cứu chuộc (*lýtrôsis*) vĩnh viễn cho chúng ta” (Dt 9:12). Và rõ hơn nữa, 1Pr ghi: “Không phải nhờ những của chóng hư nát như vàng hay bạc mà anh em đã được cứu chuộc... nhưng là... nhờ bửu huyết của Con Chiên vẹn toàn, vô tội tích, là Đức Ki-tô” (1Pr 1:18-9).

Những cách nói này muốn nêu bật tính cách trang trọng của việc cứu độ. Vì là hành động của tình yêu và tình yêu tuyệt đối thì có thể đòi hỏi tất cả, cả đến sự sống (x. Ga 15:13), nên Đức Ki-tô đã ý thức rõ về sự việc mình sẽ phải chịu khổ nhiều (x. Mc 8:31; Lc 24:26): đó là nỗ lực của ngôn ngữ loài người trong việc trình bày mầu nhiệm khôn tả, làm sao để khỏi rơi vào thế giới thần thoại. Nguy hiểm là khi thần học quên đi đó chỉ là ẩn dụ để đem dùng như là ý niệm chính xác, vào trong tiến trình suy luận về việc cứu độ. Thí dụ điển hình là câu hỏi: Đức Giê-su đã trả giá chuộc vào tay ai?

Trả lời không khéo là rơi vào thế giới thần thoại. Ôrigênê đã trả lời: cho Satan là chủ của chúng ta...⁴⁶ Một số Giáo phụ đã theo Ôrigênê, nhưng hiểu câu trả lời ấy theo những cách khác nhau. Thế kỷ bốn, Grêgôriô Nissa nhận là quý có quyền sở hữu trên các kẻ chết, và đòi một giá cao nhất là Đức Kitô để trả tự do cho chúng; nhưng Chúa “khôn” hơn: trong nhân tính có tiềm ẩn thiên tính, thế nên lúc quý dữ “nuốt” Đức Giêsu, như cá nuốt mồi, thì nó bị bắt giữ và chúng ta được giải phóng.⁴⁷ Sau đó Gio-an Kim Khẩu, Âugutinô, v.v. nghĩ Satan đã lạm quyền khi giết Đức Giêsu, vì Ngài vô tội; vì thế đã mất hết quyền trên chúng ta.⁴⁸ Tuy nhiên, cũng có nhiều Giáo phụ như Grêgôriô Nazian-zô⁴⁹ chẳng hạn, phủ nhận điều đó, tin là quý chẳng có quyền gì hết. Từ thế kỷ 11 về sau, có người nghĩ giá chuộc được trả cho Chúa Cha. Thánh Tôma chấp nhận giả thuyết này,⁵⁰ được phụng vụ nhắc lại trong bài hát *Exultet*: “Đức Kitô đã thay chúng ta trả nợ Adam cho Chúa Cha vĩnh cửu.” Thật ra, ẩn dụ “giá chuộc” chẳng mang ý nghĩa “buôn bán” gì hết, cũng chẳng ám chỉ đến việc trả giá vào tay ai cả, nhưng chỉ muốn nhấn mạnh đến các điểm này: 1) kết quả là bây giờ chúng ta được tự do và “thuộc về” Chúa như con cái của Người; 2) tình yêu của Chúa Cha và Đức Kitô, sẵn sàng trả bất cứ giá nào để cứu chúng ta, như bài *Exultet* hát lên trong phụng vụ Canh thức Vượt qua: “Để chuộc dân lầm than nô lệ, Cha đã trao Con Một quý yêu.”

⁴⁶ Xin xem *In Epist. ad Romanos* 2, 13; PG 14. 911c.

⁴⁷ *Oratio catechetica*, 22, PG 45. 60.

⁴⁸ *De Trinitate* XIII, 12, 16; 13, 17; 14, 18; PL 42.1027.

⁴⁹ *Sermo* 45, PG 36.653ab.

⁵⁰ *Tổng luận* III, 48.4 ad 3.

THẦN HỌC

“Cứu chuộc” đã từng là phạm trù cơ bản trong Cứu độ học, nhưng đã biến hóa của tư tưởng đã làm cho từ ấy một đàng, trở thành đồng nghĩa với “cứu độ,” và đàng khác, được hiểu như là “đền tội.” Thánh Tôma Aquinô đã phân biệt bốn thể cách trong phương thức cứu độ của Đức Kitô: công đức, thực tội, hy tế và cứu chuộc.⁵¹ Ngài nêu ra ba thể cách đầu kể “từ dưới lên”; ngoài ra, còn giải thích rằng tội nhân không chỉ là nô lệ của quỷ dữ mà còn cả của tội nữa; vì thế, Đức Kitô đã phải trả giá chuộc loài người cho hai chủ: “Đức Kitô đã đền bù không phải bằng tiền hoặc một bảo vật nào khác, song là bằng một điều quý giá nhất là chính mình Ngài trao hiến vì chúng ta. Do đó cuộc tử nạn của Ngài được gọi là giá chuộc chúng ta.”⁵² Từ đấy phát xuất một phạm trù căn bản khác là “thực tội” (*satisfactio*). Thần học kinh viện đã khai triển rộng các khía cạnh của phạm trù này.

Từ giữa thế kỷ 20, thần học đã lại trở về với những phạm trù dùng trong Kinh Thánh, hăm hở đến độ đôi lúc đã bỏ quên đi những quan điểm chính xác của thần học kinh viện. Nói rằng Đức Kitô đã thắng cuộc nhưng đã phải chịu khổ nhục cho đến chết, là điều rất hợp thời đối với thần học ngày nay. Thập giá và phục sinh là hai mặt của cùng một biến cố; Đấng Phục sinh sẽ mãi mãi là “Đấng bị đóng đinh” (Mt 28:5). Điều này có nghĩa là, trước hết, không được quên đi giá chuộc lớn lao Ngài đã phải trả để cứu thoát loài người; và thứ đến, “thập giá” vẫn còn là trở ngại cho trí khôn trong việc đón nhận đức tin, bởi vẫn tiếp tục làm đối tượng của không biết bao nhiêu vấn nạn: tại sao lại đau

⁵¹ *Ibid.* III, q 48, a 1-4.

⁵² *Ibid.* a. 4, corpus.

khổ, tại sao lại bất công, tại sao kẻ gian ác lại thành công, tại sao Thiên Chúa vẫn lặng thinh không can thiệp... Nhìn lên thập giá, tất sẽ thấy tội ác trong lòng con người đã làm gì, và đang làm gì cho anh chị em của Ngài:⁵³ công trình cứu chuộc vẫn còn tiếp tục ở giữa dòng lịch sử. Đức Kitô toàn vẹn (Đầu và Thân thể, tức Giáo hội) vẫn còn chịu khổ để chuộc lại anh chị em của mình. Tuy nhiên, không nên quên rằng trong nỗi khổ đau bao la ấy, lộ rõ tình yêu của Chúa đối với chúng ta (x. Rm 8:32). Tình yêu ấy đã biến đổi hẳn ý nghĩa của thập giá: từ một khí cụ giết chết, thập giá đã trở thành công cụ cứu độ, nguồn sự sống; trên thập giá tình yêu tự do đã thắng ác ý tự do. Bây giờ, tín hữu không còn lý do để thất vọng, bởi xác tín rằng trong mọi hoàn cảnh, nếu đã có Thiên Chúa bên đỡ, thì ai có thể chống lại...? (x. Rm 8:31).

3. ĐỨC KITÔ, Đấng GIẢI PHÓNG

“Giải phóng” và “cứu chuộc” có nghĩa giống nhau; cả hai đều ám chỉ đến một quá khứ nô lệ; nhưng “cứu chuộc” hàm ý về giá khá cao phải trả, còn “giải phóng” thì gọi lên viễn cảnh của một tương lai hạnh phúc an toàn hơn, rồi đồng thời cũng để lộ rõ hơn tính chất thiên sai. Bởi đã gây được âm hưởng sâu rộng về mặt xã hội và chính trị, từ “giải phóng” hiện đang được coi là rất hợp thời.⁵⁴

“Giải phóng” giả thiết một tình trạng tùy thuộc, thiếu tự do trong nhiều lãnh vực khác nhau. Tân Ước chỉ nói đến lãnh vực thiêng liêng, dù không phủ nhận hậu quả hay ảnh hưởng đối với

⁵³ Xin xem Jon Sobrino, *Jesus the Liberator*, tt. 233-253.

⁵⁴ Brennan, H., *Jesus the Christ, "The Liberator"* tt. 252-274.

cuộc sống thường nhật. Những kẻ thù, những chủ nô Đức Kitô phải đánh bại là tội lỗi, là ác quỷ, là sự chết, không ngừng giả dạng ẩn mình dưới nhiều hình nhiều dạng thể khác nhau.⁵⁵

Cuộc đời Đức Giêsu là cả một chiến dịch đánh chống kẻ thù. Ngài đánh thắng ác quỷ ngoài hoang địa, diệt trừ quỷ dữ ở khắp nơi. Ngài là “người mạnh hơn... đã thắng được... tước lấy vũ khí và mọi sự của nó...” (Lc 11:22). Thế gian “nằm dưới ách thống trị của Ác thần” (1Ga 5:19), nhưng Đức Giêsu khẳng định rõ Ngài đã thắng thế gian (x. Ga 16:32; x. 12:31; 16:11): Ngài là Đấng Thắng trận. Chiến trận quyết liệt là thập giá; ở đó Ngài đã chiến thắng mọi quyền lực thần thiêng (x. Cl 2:14-5) và bây giờ “hằng cho chúng ta tham dự vào cuộc khải hoàn” của Ngài (x. 2Cr 2:14).

Khi Đức Giêsu chữa lành bệnh tật, cho người cùi được sạch, cho kẻ chết sống lại, là Ngài chiến đấu chống thần chết, thần chết mà sau này sẽ thảm bại, sẽ bị tận diệt trong cuộc phục sinh. Sách Khải huyền giới thiệu Đức Kitô đang nắm giữ chìa khóa của Tử thân và Âm phủ (x. Kh 1:18; 20:13-4). Cuộc toàn thắng cuối cùng đã bắt đầu, và sẽ chung tất hồi quang lâm, “khi Ngài đã tiêu diệt mọi quân thần, mọi quyền thần và mọi dũng thần... Thù địch cuối cùng sẽ bị tiêu diệt là sự chết” (1Cr 15:24-26). Nhưng ngay từ bây giờ, tín hữu đã có thể nói như Phaolô: “Sống là Đức Kitô và chết là một mối lợi” (Pl 1:21).⁵⁶

⁵⁵ Xem Wink, W., *Unmasking the Powers: The Invisible Forces That Determine Human Existence*, Philadelphia: Fortress 1986.

⁵⁶ Vanni, U., “Dalla morte ‘nemico’ alla morte ‘guadagno’ Lo sviluppo della concezione della morte in Paolo,” *Studia missionalia*, 31 (1982) 37-60.

Tội là chủ nô gian trá nhất, khó nhận ra nhất, đến nỗi chẳng những người ta không sợ, không ghét mà còn ưa thích, cảm thấy thoải mái với nó. Thế mà tội lại là kẻ thù số một của ơn cứu độ. Không tội nhân nào sẽ được vào thiên đàng (x. Kh 21:8.27; 22:15). Đức Kitô vô tội (x. Ga 8:46), đến trần gian để xóa bỏ tội lỗi (x. Ga 1:29). Vì thế, Ngài đã tha tội (x. Mc 2:5tt) và quả quyết là tội nào cũng đều có thể được tha (x. Mc 3:28). Rồi, Ngài còn chia sẻ quyền tha tội cho các tông đồ (x. Ga 20:23). Từ nay, bất cứ ai theo Ngài, đều sẽ “được giải thoát khỏi ách tội lỗi,” khỏi vòng nô lệ của nó (x. Rm 8:12-23). Và dù kinh nghiệm vẫn cho thấy rõ ảnh hưởng kinh hồn và khốc liệt của tội, thì luôn luôn cũng sẵn có ơn toàn thắng của Đức Kitô để phản công hữu hiệu (x. Rm 7:24-25).

Vì vậy, Đức Kitô xuất hiện như Đấng Toàn thắng (x. Kh 5:5; 6:2; 19:11tt), và chia sẻ vinh quang ấy cho chúng ta (x. 1Ga 2:13-4) nhờ lòng tin (x. Ga 5:4). Điều đó, thánh Irênêô đã hiểu rõ: “Như chúng tôi đã nói, Ngài đã gắn liền con người với Thiên Chúa. Bởi vì nếu một con người đã không thắng kẻ thù của con người, thì theo lẽ công bằng, kẻ thù sẽ không chịu thua... Vì vậy, Đấng sẽ tiêu diệt tội lỗi và chuộc lại con người đáng chết, phải trở nên như con người bị tội lỗi biến thành nô lệ và bị giam giữ dưới quyền tử thần, ngõ hầu một con người giết chết tội lỗi để con người được giải thoát khỏi sự chết.”⁵⁷ Phụng vụ canh thức Vượt qua hát qua bài *Exultet* rằng: “Chính đêm nay, Đức Kitô toàn thắng hiển vinh, diệt tử thần, từ âm phủ chỗi dậy,” và Ca tiếp liền ngày Lễ Phục sinh cho biết: “Sống và chết hai bên song đấu cách diệu kỳ, tướng lãnh sự sống đã chết đi, nhưng vẫn sống

⁵⁷ *Ad. Haer.* 3. 23. 1, PG 7: 936.

mà cai trị.” Công trình cứu chuộc là một cuộc chiến đấu và chiến thắng.

Đức Giêsu là con người tự do⁵⁸ và vì thế, Ngài có thể chia sẻ tự do cho người khác. Ngài có cung cách xử thế hoàn toàn độc lập đối với bất cứ hạng quyền thế nào ở trong xã hội (x. Mc 12: 14), giữ lập trường hoàn toàn tự do để làm theo ý Cha Ngài cho đến chết (x. Ga 9: 18). Tự do như người Con (x. Mt 17:26), Đức Giêsu có thể giải phóng người khác, thực sự và trọn vẹn (x. Ga 8:36). Sứ điệp của Ngài là Tin mừng về sự việc kẻ bị giam cầm sẽ được tha, người bị áp bức sẽ được trả lại tự do... (x. Lc 4:18). Hoạt động của Ngài là giải phóng: bệnh nhân khỏi xiềng xích tật nguyền và xã hội; kẻ bị quỷ ám khỏi ách ác thần; “người tội lỗi” khỏi cảnh bị loại ra khỏi cộng đoàn; kẻ chết khỏi tình trạng hư nát trong mồ; các môn đồ khỏi những thành kiến cổ truyền, v.v. Nhưng để được tự do như thế, thì cần phải sống trọn giáo huấn của Ngài và sống kết liên bền chặt với Ngài: “Nếu các bạn ở lại trong lời của tôi, thì các bạn thật là môn đồ tôi; các bạn và sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các bạn” (Ga 8:31-32).

Người tự do – vì là công dân Rôma – Phaolô đã xử thế theo cung cách tự do đối với mọi người (x. 1Cr 9:1.19,v.v.), và giảng Tin mừng tự do, là ơn cao quý của Đức Kitô: “Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta... Có điều là đừng lợi dụng tự do để sống theo tính xác thịt, nhưng hãy lấy đức mến mà phục vụ lẫn nhau” (Gl 5:1.13). Khác với tự do dân sự, tự do này là tự do siêu nghiệm (x. 1Cr 7:22; 12:13; Gl 3:28;

⁵⁸ Nhan đề của cuốn Kitô học của Duquoc, Ch., *Jésus, homme libre*, Paris: Cerf 1973; Guillet, J., “Liberté-Libération” trong *Dict. de Spirit.* Vol. 9, 1976, đặc biệt là các cột 799-802.

Cl 3:11), đắm rẫy sâu vào trong lãnh vực tâm lý và siêu nhiên. Vốn là tạo vật, con người không có khả năng tự do tuyệt đối (đó là đặc tính của Thiên Chúa); vì thế, chỉ hưởng được tự do tương đối, ở dưới quyền bảo trợ của một “chủ.” Vấn đề chủ yếu của tự do loài người là vấn đề chọn “chủ”: hoặc là tội lỗi (tham vọng, tiền của, khoái lạc, chủ nghĩa... x. Mt 6:24) hay là Thiên Chúa, như Phaolô lưu ý: “Anh em đã được giải thoát khỏi ách tội lỗi mà trở thành nô lệ sự công chính. Ấy là tôi nói theo kiểu người phàm, hợp với tầm hiểu biết yếu kém của anh em...” (Rm 6:18-19). Cũng tương tự, con người cần phải vâng phục một lề luật; Phaolô chia sẻ kinh nghiệm: “Luật của Thần Khí ban sự sống trong Đức Kitô, đã giải thoát tôi khỏi luật của tội và sự chết” (Rm 8:2). Vì thế, Giacôbê gọi luật của Chúa là “luật hoàn hảo mang lại tự do và hạnh phúc” (x. Gc 1:25). Sự tự do của con cái Thiên Chúa sẽ làm cho các cơ cấu của xã hội được giải phóng thật sự (x. Rm 8:21).

Các Giáo phụ, các công đồng và các nhà tư tưởng đã suy tư về thể cách Đức Kitô giải phóng cho tự do của người tội lỗi. Qua nhập thể, Ngôi Lời đã mặc lấy nhân tính của tình trạng “sa đọa” với những hậu quả kèm theo, nhưng không vướng mắc tội lỗi; và vì đã trả giá chuộc trên thập giá, Ngài giải phóng nhân loại khỏi ách của tội lỗi.

Hiện nay, có một vấn đề được đặt ra: nếu người kitô đã được giải phóng như thế, thì dấu hiệu nào sẽ giúp nhận ra điều đó? Một người đã được rửa tội, một xã hội kitô, sẽ có những gì tốt hơn, và tốt hơn như thế nào? Xem ra ảnh hưởng của đức tin kitô tác dụng quá chậm: dù Tân Ước có dạy rõ là mọi người đều như nhau, dù trong Giáo hội (nhà thờ) tôi tớ hay chủ nhân, nam hay nữ... đều nhận những bí tích như nhau, dù họ chia sẻ cùng một

Lời Chúa, cùng một bàn thánh, dù nhiều Giáo phụ (như Gioan Kim Khẩu, Âugutinô, v.v.) kết án chế độ nô lệ, thì cũng vẫn còn kỳ thị, nô lệ, giai cấp... trong các xã hội kitô. Về mặt công bằng xã hội, Tân Ước nêu bật bốn phạm tương thân tương ái, các Giáo phụ (đặc biệt là Badiliô và Âugutinô) đã giảng dạy và dẫn thân giúp đỡ người nghèo, Giáo hội đã thiết lập bệnh viện, cô nhi viện, và các tổ chức từ thiện, v.v., luật lệ đã có phần nhân đạo hơn, phong tục cũng đã thuần hậu hơn. Và hơn nữa, người ta còn lấy Phúc Âm làm cảm hứng, làm lý tưởng, làm tiêu chuẩn và khí giới để đối cọi với sự ác nhằm đổi mới xã hội... Dù vậy, xã hội vẫn còn đầy dẫy bất công, áp chế, bóc lột, v.v. Tội của chúng ta vẫn còn nhan nhản, nặng nề.

Hiện giờ, thần học ý thức rõ hơn về những chiều kích quảng trường của ơn cứu độ: không chỉ đơn thuần có tính cách cá nhân, ơn cứu độ còn mang cả tính cách xã hội và vũ trụ nữa; vì nếu Đức Kitô đã giải phóng ta khỏi tội lỗi, thì cùng lúc, cũng giải phóng ta khỏi mọi trung gian và hậu quả của tội lỗi, là tình trạng khốn khổ, là những cơ cấu bất công, những hệ thống áp bức bóc lột trong các quốc gia, trong các tổ chức quốc tế và trong thế giới. Có thể nói đó là chủ đề đặc thù trong nỗ lực nghiên cứu của “Thần học Giải Phóng.”⁵⁹ Dù khởi đầu từ Châu Mỹ Latinh, thì hiện nay dạng thần học này cũng đã được phổ cập hầu như khắp nơi trong thế giới, với những suy tư cá biệt khởi sinh từ

⁵⁹ Xin xem Ricardo Plannas, *Liberation Theology: The Political Expression of Religion*, Kansas City: Sheed & Ward 1986; Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Huấn thị về Tự do Kitô Giáo và Giải phóng*, Vaticanô 1986; Pemia, A. M., *God's Kingdom and Human Liberation*, Manila: Divine Word 1990; Ellacuria, I. and Sobrino, J., (eds), *Mysterium Liberationis. Fundamental Concepts of Liberation Theology*, Orbis Books 1993; Sobrino, J., *The Principle of Mercy. Taking the Crucified People from Cross*, Orbis Books 1994.

nhiều vùng – như Châu Á, Châu Phi, Hoa kỳ – nhiều giới – như giới dân da màu, tiện dân, nữ giới – và nhiều lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, v.v. khác nhau.⁶⁰ Và đây là điểm đáng lưu ý: một khi đã có những vấn đề quan trọng đến như thế làm cho xã hội phải nghiêm chỉnh lưu tâm, ắt đức tin kitô cũng phải nhận ra được nơi Đấng Cứu tinh phổ quát, một sức giải thoát tương ứng, có khả năng động viên hàng triệu con người thiện chí dẫn thân hoạt động làm sao để tha nhân có được một đời sống tự do và công bằng hơn. Dĩ nhiên là phải biết phối hòa cho tốt đẹp giữa “chính thống” và “chính hành”; có thể thì Cứu độ học mới thực sự kiện toàn cho Đạo đức học; quả thế, như Phaolô nhận định: “Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta” (Gl 5:1). Chân lý ấy phải được sống thực, một cách cụ thể, trong hết mọi lãnh vực: thiêng liêng, tâm lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v.

4. ĐỨC KITÔ, Đấng THẦN HÓA

Ôn cứu độ có hai mặt: tiêu cực là xóa tội, tích cực là làm cho nên “tạo vật mới” hay là “thần hóa” theo cách nói của các Giáo phụ. Nếu Đức Kitô đã ban cho ơn trở thành nghĩa tử của Thiên Chúa, tất phải cố gắng trở nên giống – bao nhiêu có thể – như Người, tức là đặt toàn bộ con người mình vào trong sức năng thần hóa. Đó là ước mong lộ rõ trong dòng lịch sử các tôn giáo, vì tự bản chất, con người hướng quy về với Hữu thể Tuyệt đối.

⁶⁰ Fem, D. W. (ed), *Third World Liberation Theologies. A Reader*, Orbis Books 1986.

Trong Kitô giáo, thiên hướng này đã được các Giáo phụ Đông phương khai triển sâu rộng.⁶¹

KINH THÁNH

Thiên Chúa tạo thành con người “giống hình ảnh Người” (St 1:26), nghĩa là muốn chia sẻ sự sống thần thiêng cho con người. Tội đã xảy đến vì Adam cố tự sức mình chiếm lấy điều Thiên Chúa muốn ban nhưng không. Nhưng khả năng đón nhận ân huệ ấy thì bản tính loài người vẫn còn được giữ nguyên.

Đức Giêsu đã dạy cho các môn đệ biết đối xử với Thiên Chúa như con cái với Cha ở trên trời (Mt 6:1; 7:11, v.v.); cách xưng hô căn bản trong các lời cầu là “Lạy Cha” (Mt 6:9; Lc 11:2). Đức Kitô phục sinh là “trưởng tử giữa một đàn em đông đúc” (Rm 8:29), vì trong Đức Giêsu Kitô, các tín hữu đều là con cái của Thiên Chúa (x. Gl 3:26): “Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: ‘Abba!’ Cha ơi” (Gl 4:6; x. Rm 8:14-7). Thế là Kitô hữu đã trở nên đền thờ của Thiên Chúa (x. 1Cr 3:16-7; 2Cr 6:16) hoặc của Thánh Thần (x. 1Cr 6:19). Mà đã sống nhờ Thần Khí, tất được thần hóa. Dĩ nhiên, việc này xảy ra theo khả năng hữu hạn của con người, do vậy, chúng ta chỉ là nghĩa tử. Đó chính là mục đích kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa nhắm tới: “Theo ý định, Thiên Chúa đã tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giêsu Kitô.” (Ep 1:5). Gioan cũng xác định như vậy: Thiên Chúa ban cho những ai tin, khả năng trở nên con cái Người (x.

⁶¹ Gross, J., *La divinisation du chrétien d'après les Pères grecs*, Paris: Gabalda 1938; Nellas, P., *Deification in Christ: Orthodox Perspectives on the Nature of the Human Person*, New York 1987; Larchet, J.-C., *La divinisation de l'homme selon saint Maxime le Confesseur*, Paris: Cerf 1996.

Ga 1:12); ngay từ bây giờ chúng ta là con cái Thiên Chúa! (x. 1Ga 3:1-2.10).⁶² Đó là ân huệ của tình thương bao la Chúa Cha dành cho con người.

Thật vậy, ân huệ ấy là hậu quả cao siêu nhất của cuộc “trao đổi kỳ diệu” thư Do thái đã nói đến: “Đấng thánh hóa – Đức Giêsu – và những ai được thánh hóa đều do một nguồn gốc... vì con cái đều chung một huyết nhục” (Dt 2:11-14), tức đều cùng có chung một bản tính, một thân phận: Ngài nhận lấy nhân tính để chia sẻ cho chúng ta thiên tính.

Tân Ước dùng một ẩn dụ táo bạo để biểu đạt mầu nhiệm này. Đức Giêsu nói với Nicôđêmô: Ông phải sinh ra một lần nữa... Dĩ nhiên là ông hết sức ngạc nhiên, vì thế Đức Giêsu nói tiếp: không ai có thể được cứu rỗi “nếu không sinh bởi nước và Thần Khí” (Ga 3:5). Thế nên, Phép Rửa được hiểu như là cuộc tái sinh (x. 1Pr 1:3; 2:2; Tt 3:5), cũng như Lời Chúa là “mầm mông bất diệt” (1Pr 1:23; Gc 1:18) hoặc hạt giống (x. Mt 13:3tt), nghĩa là nguyên nhân của hữu thể mới. Bởi “tạo vật mới” (Gl 6:15) này là hoa quả của mầu nhiệm phục sinh, nên Phaolô so sánh Phép Rửa với việc chìm vào trong cái chết của Đức Giêsu để được cùng sống với Ngài trong đời sống mới (x. Rm 6:4-8).

Nếu sống nhờ Thần Khí, thì kitô hữu thông phần sự sống của chính Thiên Chúa; vì thế, thánh Phaolô gọi đó là “sự sống đời đời trong Đức Kitô” (Rm 8:23). Còn đang “ẩn giấu trong Thiên Chúa” (Cl 1:3), sự sống này sẽ xuất hiện trong ngày sống lại với một “thân thể thiêng liêng bất hoại” (x. 1Cr 15:42-55). Theo cung cách riêng của ngài, thánh Gioan cũng trình bày cùng một

⁶² Vellanickal, M., *The Divine Sonship of Christians in the Johannine Writings*, Roma 1977.

giáo lý như thế. Chính Đức Kitô là sự sống và là sự sống lại (x. Ga 11:25; 14:6); Ngài chia sẻ cho chúng ta chính mình – “bánh hằng sống” (Ga 6:35.48) – và máu Ngài (x. Ga 6:55). Đó là cách diễn tả mẫu nhiệm về thực trạng tương tại giữa Đức Kitô và các kitô hữu (x. Ga 15:4tt). Một cách khác, Phêrô đã dám quả quyết: “Anh em được thông phần bản tính Thiên Chúa” (2Pr 1: 4); thực tại này các Giáo phụ gọi là cuộc sống “thần hóa.”

Truyền thống giữ lại nhiều dữ liệu rất phong phú về chủ đề này.⁶³ Các Giáo phụ đi từ những tín quy Giáo hội dùng trong phụng vụ Thánh Tẩy: trong bí tích đức tin, kitô hữu nhận được Thần Khí và trở nên con Thiên Chúa. Nguyên tắc chung đã được thánh Irênêô trình bày như sau: “Ngôi Lời Thiên Chúa, Đức Giê-su Kitô Chúa chúng ta, đã trở thành như chúng ta, để làm cho chúng ta trở nên như Ngài.”⁶⁴ “Như Ngài” thường được giải thích là “con cái Thiên Chúa,” “Ngài là gì, thì chúng ta cũng trở thành như vậy”: “bất tử” (nhất là các tác giả Hylạp), “thông phần thần tính,” “bất tử,” v.v. Các ngài quan niệm việc “trao đổi kỳ diệu” theo nghĩa hữu thể. Việc thần hóa là chân lý vững chắc đến độ các ngài đã dựa vào thực tại này mà chứng minh Thánh Thần là Thiên Chúa: “Nếu Thần Khí là một tạo vật, thì không làm sao chúng ta có thể thông phần bản tính Thiên Chúa được.”⁶⁵

Các Giáo phụ đã đặc biệt nhấn mạnh đến ảnh hưởng của mẫu nhiệm nhập thể, đến độ có thể gây ngộ nhận, coi như các ngài

⁶³ Xin xem “Divinisation” trong *Dict. de Spirit.*, XXII-XXIII. 1956, 1370-1459.

⁶⁴ *Adv. Haer. V. praef.* P.G. 7. 1120; xin xem de Andia, Y., *Homo vivens. Incorruptibilité et divinisation de l'homme selon Irénée de Lyon*, Paris: Études augustiniennes 1986.

⁶⁵ Athanasiô, *Epistula IV ad Serapionem* I. 24, PG 26. 585.

cho rằng Ngôi Lời đã mặc lấy nhân tính toàn thể và, vì thế, đã thần hóa hết mọi cá nhân trong loài người; nhưng không, các ngài đã không chủ trương như thế, và cũng không tách biệt nhập thể khỏi phục sinh, hữu thể khỏi hoạt động, v.v. “Nhập thể” chỉ đơn thuần liên hệ đến “toàn bộ cuộc đời và sứ mệnh” của một mình bản thân Đức Kitô.⁶⁶

Nhờ ngôi hiệp, các hành động trong cuộc đời của Đức Kitô, như: sinh ra, sống, rao giảng, chết và sống lại, mới có được giá trị cứu độ: Inhaxiô Antiôkia nói rằng máu ấy là “máu của Thiên Chúa”; các Giáo phụ nhấn mạnh nhiều lần đến sự việc “Thiên Chúa chết vì chúng ta,” Thiên Chúa chia sẻ cho chúng ta chính mình Người. Khi nhập thể, Ngôi Lời đã một phần nào mặc lấy nhân tính toàn thể, và vì thế toàn thể nhân loại được thông phần “sinh khí” của Ngài; nhưng không phải một cách máy móc hay phù phép, mà cần phải trở lại, đón nhận đức tin và chịu Phép Rửa, tức tự do lãnh nhận Thần Khí, thì mới được “tái sinh,” mới được “ghép” vào thân thể Đức Kitô, trở thành chi thể của Ngài. Đã từng tác động để Đức Kitô sinh ra, bây giờ Thần Khí cũng không ngừng hoạt động để làm cho chúng ta được tái sinh: sự sung mãn của Đức Kitô (thần tính) được tuôn đổ vào lòng chúng ta (x. Ga 1:16).

Nói thế có vẻ như là quá đáng, có vẻ như chúng ta không còn là con người... Không. Trước hết, cần lưu ý đó là cách nói theo ngôn ngữ loại suy; thứ đến, không thể nào con người triệt tiêu đi được những giới hạn của thân phận tạo vật. Ủy ban thần học quốc tế giải thích rõ rằng: “Hiểu cho đúng, ‘thần hóa’ là làm cho con người thành con người toàn vẹn: ‘thần hóa’ là ‘nhân hóa’

⁶⁶ Xin xem Jossua, J. P., *Le salut, incarnation ou mystère pascal*, Paris: Cerf 1968.

chính thực và đến mức độ tuyệt vời.”⁶⁷ Thần học hiện đại trình bày học thuyết này bằng một dạng ngôn ngữ mới. Thay vì “thần hóa,” thì P. Tillich, một thần học gia tin lành, đã dùng cách nói “thông phần Hữu thể Mới,”⁶⁸ mà “hữu-thể-mới” chính là con người được cứu độ giống như Đức Kitô. K. Rahner thường dùng cách nói về “Thiên Chúa tự trao ban chính mình” cho chúng ta, coi đó như là cùng đích của kế hoạch cứu độ; tác giả hiểu việc “tự trao ban” của Thiên Chúa “một cách hữu thể theo nghĩa hẹp,” “nói cách khác, cái được chuyển thông là chính hữu thể của Thiên Chúa”; nhờ Thần Khí hiện diện và tác động trong chúng ta, “hữu thể của con người được thần hóa thật sự.”⁶⁹ Bất lực với khả năng tự nhiên của mình, nhưng nhờ ơn cứu độ của Đức Kitô, con người, hình ảnh của Thiên Chúa, “hoàn tất” được kế hoạch Đấng Tạo hóa đã đề ra cho mình.

“Thần hóa” là chuyển thông “bản tính Thiên Chúa” cho con người, với kết quả là “con cái Thiên Chúa” được sinh ra, con cái mà Phaolô gọi là nghĩa tử: con cái thụ tạo của Thiên Chúa chỉ có thể là “con nuôi.” Được cứu độ là được sống trong tương quan mới lạ với Thiên Chúa, như chủ thể với chủ thể: đối với Cha là con, đối với Con là em, đối với Thánh Thần là... “người yêu.” Như thế, ơn cứu độ không chỉ ảnh hưởng đến bản tính, mà nhất

⁶⁷ Commission théologique internationale, “Théologie, christologie, anthropologie,” *Doc. Cathol.* 1844 (1983) 123.

⁶⁸ Paul Tillich, *L'existence et le Christ. Théologie systématique*, III, Lausanne 1980, tr. 208.

⁶⁹ Xin xem Rahner, K., *Foundations of Christian Faith*, N.Y.: Crossroad 1978, tt. 117-118.

là đến cả bản ngã nữa. Nghiên cứu về những chi tiết của mẫu nhiệm này là phận vụ của thần học về ân sủng (Ân sủng học).⁷⁰

5. ĐỨC KITÔ, ĐẮNG CÔNG CHÍNH HÓA

“Công chính hóa” là phạm trù cơ bản của Tân Ước, đặc biệt là của Phaolô. Trong lịch sử, khái niệm này được khai triển rộng ở Tây phương, do ảnh hưởng phổ bác của Augustinô; rồi về sau đã trở thành trọng điểm trong cuộc tranh luận tin lành-công giáo hồi thế kỷ 16; để cuối cùng đưa tới việc công đồng Trentô công bố văn kiện bàn về chủ đề (n. 1547, x. DS 1520tt).⁷¹

Kinh Thánh gọi Thiên Chúa là “công chính” vì Người trung thành với lời hứa, với kế hoạch của Người đối với dân Ítraen; sự công chính của Thiên Chúa luôn luôn có tính cách cứu độ.⁷² Lúc bắt đầu sứ vụ công khai, Đức Giêsu nói là mình “phải giữ trọn đức công chính” (Mt 3:15), tức là phải sống và hành động theo ý Thiên Chúa để các lời hứa được ứng nghiệm. Chẳng thế mà khi Ngài chết trên thập giá, viên sĩ quan Rôma đã lớn tiếng nhìn nhận: “Người này đích thực là người công chính” (Lc 23:47). Chính vì đã chịu chết như người công chính (x. Cv 3:14), Đức Kitô nhận được năng quyền công chính hóa người khác.

Là một phạm trù pháp lý, “công chính hóa” có nghĩa là thẩm phán tuyên bố bị cáo trắng án, vô tội. Phaolô cho biết mọi người

⁷⁰ Ladaria, L. F., *Teología del pecado original y de la gracia*, Madrid: BAC 1993, tt. 231-266.

⁷¹ McGrath, A. E., *Justitia Dei: A History of the Christian Doctrine of Justification*, (2 cuốn) Cambridge U.P., 1986.

⁷² Cambier, J., “Justice de Dieu, salut de tous les hommes et foi,” *Rev. Bibl.* 71 (1964) 537-583; Grelot, P., “Justice-Foi-Loi” trong *La vie de la Parole. De l'Ancien au Nouveau Testament*, Inst.Cath. de Paris, 1987, 345-353.

sẽ phải ra trước tòa của Thiên Chúa hoặc của Đức Kitô (x. Rm 14:10; 2Cr 5:10); đó là cuộc phán xét cuối cùng (x. Mt 25:31tt). Mà ngay ở đời này, “mọi người... đều bị tội lỗi thống trị, như có lời chép rằng: ‘Không ai là người công chính’” (Rm 3:9-10); bởi thế, Thiên Chúa tỏ lộ “con thịnh nộ của Người chống lại mọi thứ vô luân và bất chính” (x. Rm 1:18; 2:5.8; 3:5,v.v.). Giữa trạng huống ấy, Đấng Công chính sẽ can thiệp để mọi người “được trở nên công chính do ân huệ Thiên Chúa ban nhưng không, nhờ công trình cứu chuộc thực hiện trong Đức Kitô Giêsu.”⁷³ Thiên Chúa đã định cho Đức Kitô Giêsu phải đổ máu mình ra, làm hy lễ đem lại ơn tha tội cho những ai tin. Như vậy, Thiên Chúa cho thấy Người là Đấng Công Chính” (Rm 3:24-25). Ấy là tóm gọn giáo lý của Phaolô về việc công chính hóa.

Theo Phaolô, Thiên Chúa công chính hóa tội nhân chỉ vì có lòng tin. Tổng đồ đặt thí dụ: “Ông Abraham đã tin Thiên Chúa và, vì thế, được kể là người công chính” (Rm 4:4); cũng vậy, “chúng ta sẽ được kể là công chính, vì tin vào Đấng đã làm cho Đức Giêsu, Chúa chúng ta, sống lại từ cõi chết, [bởi vì] Ngài đã bị trao nộp vì tội lỗi chúng ta và được Thiên Chúa làm cho sống lại để chúng ta được nên công chính” (Rm 4:24-25). Phaolô quả quyết “không người phàm nào được nhìn nhận là công chính vì đã làm những gì Luật dạy” (Rm 3:20); ý nói là tự mình, con người bất lực, dù có làm gì đi nữa thì cũng không thể nên công chính được. Đó là ơn nhưng không Thiên Chúa ban, nhưng lại nhờ và qua Đức Kitô.

Tóm lại, “công chính hóa” nói lên ba điều:

⁷³ Xin xem Aletti, J.N., *Comment Dieu est-il juste? Clefs pour interpréter l'épître aux Romains*, Paris 1991.

1) Thiên Chúa tuyên bố trắng án cho tội nhân;

2) Thiên Chúa biến tội nhân thành công chính, 'xứng đáng' đứng trước nhan Người;

3) Như thế là nhờ Đức Kitô đã vâng phục Chúa Cha để chấp nhận: sống, chết và sống lại vì tội nhân.

Dù con người không có công đức gì, nhưng Thiên Chúa đã chấp nhận công nghiệp của Đức Kitô mà tách "tội" khỏi "nhân" (chứ không tách tội nhân khỏi người công chính). Cuộc trao đổi kỳ diệu cốt ở việc Đức Kitô nhận lấy tội lỗi của nhân loại và ban cho nhân loại sự công chính của Ngài.

Giáo lý này trở nên trọng tâm trong cuộc tranh luận thời cải cách tin lành. Luther đã đả kích nhiều hoạt động sai lệch trong Giáo hội, đồng thời đã đưa ra lập trường quá khích cho rằng con người được công chính hóa chỉ nhờ bởi ân sủng, chỉ nhờ bởi đức tin, chỉ nhờ bởi Đức Kitô mà thôi, chứ không cần đến sự hợp tác từ phía con người, và còn cho rằng chỉ nhờ Kinh Thánh mà biết được chân lý ấy. Vì vậy, ông và phong trào tin lành phủ nhận mọi thứ "trung gian" khác, như thiên nhiên hay Giáo hội, quyết định của tự do hay các bí tích, các Thánh, v.v. Giáo hội đã triệu tập công đồng Trentô (n. 1545- 1563) và, ngoài một số sắc lệnh cải cách, các nghị phụ đã soạn nhiều văn kiện giáo lý, đặc biệt là sắc lệnh về việc công chính hóa. Giáo lý công giáo gồm có những điểm sau đây:

1) tất cả những gì Thiên Chúa làm cho tội nhân là nhờ công đức của Đức Kitô;

2) khi được công chính hóa, tội nhân trở nên công chính thật sự, tức trong họ không còn có gì "đáng ghét" trước mặt Thiên Chúa;

3) nhờ đức tin, con người được Thiên Chúa đón nhận;

4) đức tin phải đi đôi với đức cậy và đức mến thì mới hữu hiệu;

5) khi lớn lên có trí khôn, con người phải “hợp tác” với ân sủng của phép Thánh tẩy;

6) đời sống vĩnh cửu ở trên trời không chỉ là ơn Thiên Chúa mà còn là phần thưởng của công việc tốt lành con người đã làm nhờ ơn Chúa.

Việc công chính hóa là do ân sủng thực hiện kể từ lúc con người bắt đầu mở lòng chuẩn bị, đang khi được tha tội, và sau đó khi làm các việc tốt lành; tự do được ân sủng giải phóng để có thể hợp tác với ân sủng trong bất cứ công việc tốt lành nào. Phải tẩy trừ mọi ảnh hưởng của lạc giáo Pêlagiô, cho rằng con người có thể tự cứu độ lấy mình, tự mình có thể làm việc thiện, ít là có thể hoàn toàn tự mình, tiếp nhận hay từ chối ân sủng. Không! Chúng ta cần ơn trợ giúp của Thiên Chúa.

Hiện nay, cuộc đối thoại đại kết đã cho thấy sự khác biệt giữa Luther và Giáo hội công giáo không phải là to lớn cho lắm.⁷⁴ “Công chính hóa” là một tên gọi khác của “thần hóa.”⁷⁵ Vấn đề

⁷⁴ Xin xem Anderson H. G., Murphy T. A. và Burges J. A. (eds), *Justification by Faith: Lutherans and Catholics in Dialogue VII*, Minneapolis: Augsburg 1985; Birmelé, A., *Le salut en Jésus Christ dans les dialogues oecuméniques*, Paris: Cerf 1987; Braaten, C. E., *Justification. The Article by Which the Church Stands or Falls*, Minneapolis: Fortress 1990; Sanguinis, R.A., *Not by Faith Alone: A Biblical Study of the Catholic Doctrine of Justification*, Queenship Publ. 1997. Lutheran-Catholic “Joint Declaration on Doctrine of Justification (June 1998), *Catholic Internat.* 10 (April 1999) 179-196.

⁷⁵ Hinlicky, P., “Theological Anthropology: toward integrating theosis and justification by faith,” *Journ. of Ecum. Stud.* 34 (1997) 38-73.

bây giờ là làm sao cho sự công chính của từng tín hữu có được tác dụng xây dựng công bằng xã hội qua những ai đã được Thiên Chúa công chính hóa.

* * *

Trên đây đã bàn về những thể thức của hoạt động trung gian “từ trên xuống”; vậy, xin được tiếp tục với việc trình bày về cách tiến hành của hoạt động trung gian “từ dưới lên.” Cách thứ nhất nhấn mạnh đến tác dụng của Thiên Chúa; cách thứ hai nói về phần đóng góp của loài người, mà Đức Kitô là đại diện.

* * *

6. HY LỄ CỦA ĐỨC KITÔ

Như vẫn thường làm, Tân Ước cũng đã dùng những phạm trù phụng tự mà giải thích về công trình của Đức Kitô. Thư Do thái gọi Đức Giêsu là Thượng tế, còn các văn kiện khác thì ám chỉ nhiều lần đến lễ tế Đức Kitô đã dâng hiến để cứu độ chúng ta.⁷⁶

Phần lớn các tôn giáo đều cử hành những nghi thức tế hiến.⁷⁷ Quan niệm thế nào về Thiên Chúa, thì con người gán cho hành

⁷⁶ Xin xem “Sacrifice”, trong X. Léon-Dufour, *Vocabulaire de Théologie Biblique*; Saburin L. “Sacrifice” trong *Dict. Bibl. Suppl.* X, 1985, 1483-1545; Schenker, A., “Interprétations récentes et dimensions spécifiques du sacrifice hattat,” *Bibblica* 75 (1993) 59-70.

⁷⁷ Gisel, P., “Du sacrifice: l'avènement de la personne face à la peur de la vie et à la fascination de la mort,” *Foi et Vie* 83/4 (1984) 1-45; Henninger, J., “Sacrifice” trong *Encyclopedia of Religions*, N.Y.: Macmillan 1987, vol. 12, 544-557.

động hy tế hay lễ vật, ý nghĩa tương ứng thể ấy. Nếu thần linh dữ tợn, hay ghen tị, và nếu tín đồ nghĩ là phải dâng điều quý nhất mình có, v.v. thì có thể dâng mạng sống của mình hoặc của con cái làm lễ vật; như các tín đồ thờ thần Môléc đã làm (x. Lv 18:21; 20:2) hoặc như tôn giáo Azteca (Mêhicô) đem hàng ngàn tù binh làm lễ vật hy tế.⁷⁸ Trong Cựu Ước, lễ tế hàm ngụ bốn ý nghĩa:

- 1) thông hiệp với Giavê và với nhau;
- 2) cống hiến lên Giavê hoặc theo tư thế là vua, hoặc theo tư thế là ân nhân;
- 3) nguồn sống và sức mạnh, vì máu tượng trưng cho sự sống;
- 4) kỷ niệm, không chỉ là hồi niệm mà còn hiện tại hóa biến cố (đặc biệt là biến cố xuất hành: Xh 12:14).

Các khía cạnh này đều có mặt trong lễ tế của Đức Kitô.

Thần học hậu Trentô đã hiểu lễ tế theo quan niệm chung của các tôn giáo, và nêu bật một số yếu tố là sát tế (đổ máu), tiêu hủy lễ vật (toàn thiêu), hy sinh của lễ dâng lên Thiên Chúa, v.v. tất cả được tiến hành theo nghi thức tôn giáo. Dần dần các tác giả đã rơi vào lối quan niệm: Thiên Chúa nổi giận cần phải làm nguôi, Cha giết Con vì chúng ta, phải đổ máu để tội được tha, Thiên Chúa có quyền đòi hỏi dùng con người làm lễ vật, v.v. và như thế làm cho nhiều người ngộ nhận, không còn chịu nổi một

⁷⁸ Bergmann, M., *In the Shadow of Moloch: The Sacrifice of Children and Its Impact on Western Religions*, New York: Colombia U.P. 1992.

Thiên Chúa khát khe đến mức đó.⁷⁹ Nếu lễ tế là như vậy, hoặc đơn thuần mang ý nghĩa của lễ tế dâng qua nghi thức cử hành trong Đền thờ Giêrusalem, thì thập giá (và Lễ Misa) hẳn không phải lễ tế. Thần học hiện giờ coi lễ tế là một thực tại phức tạp và có tính cách loại suy, nhưng thực tại loại suy chủ yếu (*analogatum princeps*) chính là lễ tế của Đức Kitô.

Trong Cựu Ước, Chúa Giavê nhân từ chấp nhận nhiều thứ hy lễ với những ý nghĩa khác nhau.⁸⁰ Ở đây, chỉ xin tập trung chú tâm vào những trường hợp liên quan đến kitô học.

Lễ Vượt qua mang một ý nghĩa đặc biệt. Sách Xuất hành (Xh 2) miêu tả rất rõ về nghi thức: hy sinh một con chiên hoặc một con dê để kỷ niệm biến cố Thiên Chúa giải phóng Ítraen khỏi Ai cập. Đó là hy lễ quan trọng nhất trong Cựu Ước. Tân Ước gọi Đức Giêsu là “Chiên Thiên Chúa” (Ga 1:29) và Gioan lưu ý là trên thập giá, Đức Giêsu đã không bị gãy một xương nào, hệt như con chiên vượt qua (x. Ga 19:36); thực vậy, như Phaolô viết, Đức Kitô là Con Chiên vượt qua của chúng ta (x. 1Cr 5:7-8); nói cách khác, Ngài được hiến tế làm lễ vật để giải thoát chúng ta.

Ítraen còn có nhiều loại tế lễ khác, như lễ toàn thiêu, lễ thực tội, lễ hiệp thông, v.v. (x. Lv 1-7), cử hành bằng cách sát tế một con vật hoặc dâng thực phẩm, đốt hương, v.v. với mục đích làm đẹp lòng Chúa, đền tội, hòa giải, tạ ơn, v.v.; thật vậy, dâng lễ là

⁷⁹ Nổi tiếng là tác phẩm của Girard, R., *Des choses cachées depuis la fondation du monde*, Paris: Grasset 1978; tác giả phủ nhận mọi thứ lễ tế trong Kitô giáo.

⁸⁰ De Vaux, R., *Les sacrifices de l'Ancien Testament*, Paris: Gabalda 1964; “Sacrifices and Offerings,” *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, Suppl., N.Y.: Abingdon Press 1982.

một cách cầu nguyện và hiệp thông với Thiên Chúa cũng như với nhau, là công khai nhìn nhận Thiên Chúa là Chủ tể càn khôn và mình là tôi tớ của Người. Các tiên tri đã công nhận những nghi thức này là chính thực, nhưng phê bình thái độ lạm dụng, bỏ quên tinh thần tôn giáo chân thật (x. 1Sm 15:22; Is 1:10tt; Hs 6:6).

Chắc hẳn Đức Giêsu đã tham dự phụng vụ của Đền thờ Giêrusalem; tuy nhiên, Phúc âm đã không lưu ý đến việc này, bởi trọng tâm nằm ở nơi khác. Đức Giêsu “hy sinh” trọn cả cuộc đời và toàn thân mình vì người khác, nhưng theo thể cách hiện sinh chứ không phải là trong phạm vi phụng vụ. Tuy nhiên, khi sắp “vượt qua” từ trần gian đi về với Chúa Cha (x. Ga 13:1), Đức Giêsu đã cử hành bữa tiệc ly trong bối cảnh tôn giáo của Lễ Vượt qua (x. Mt 26:2), trong thời gian chiêm vượt qua được sát tế, và lấy lại lời Môsê nói lúc dâng lễ tế (x. Xh 24:8), Ngài gọi máu mình đổ ra trong cuộc tử nạn (chịu chết) là “máu Giao ước” (Mc 14:24tt).⁸¹

Các tác giả Tân Ước đã minh nhiên dùng ngôn ngữ phụng vụ để giải thích về cái chết của Đức Giêsu.⁸² Ep 5:2 khuyên: “Hãy sống trong tình bác ái như Đức Kitô đã yêu thương chúng ta và, vì chúng ta, đã tự nộp mình làm hiến lễ (*prophora*), và hy lễ (*thysia*) dâng lên Thiên Chúa, tựa hương thơm ngào ngạt.” Như

⁸¹ Leenhardt, F. J., *La mort et le testament de Jésus*, Genève: Labor et Fides 1983, đặc biệt là chương “La mort de Jésus est-elle sacrificielle?” tt. 116-127; Kraus, W., *Der Tod Jesu als Heiligtumsweihe*, Neukirchen 1991.

⁸² Daly, R. J., *The Origins of the Christian Doctrine of Sacrifice*, Philadelphia: Fortress 1978; Horwath, T., *The Sacrificial Interpretation of Jesus' Achievement in the New Testament*, New York: Philos.Lib. 1979; Clark, S. B., *Redeemer*, Ann Arbor: Servant Publ. 1992, “Given as Sacrifice” tt. 119-142.

thế, thập giá được coi như là bàn thờ. Do vậy, Phaolô đối chiếu bữa tiệc Tạ ơn với những bữa tế lễ của dân ngoại (x. 1Cr 10-11), bởi vì Đức Kitô là “lễ Vượt qua” (1Cr 5:7), tức “Con Chiên vẹn toàn, vô tội tích” (1Pr 1:19); đã “bị giết” (Kh 5:6). Mục đích của hy lễ này là chuộc lại đàn chiên (x. Cv 20:28), đem lại ơn tha tội (x. Rm 3:25) và hòa giải loài người với Thiên Chúa (x. 2Cr 5:19tt; Cl 2:14). Đó là “chức năng” của máu trong phụng vụ Cựu Ước (x. Xh 24:3tt; Lv 4:6tt; 17:11, v.v.), chức năng được Tân Ước thừa nhận (x. Rm 5:9; Cl 1:20; Ep 1:7; 2:13; 1Pr 1:2.18t; 1Ga 1:7; 5:6t; Kh 1:5; 5:9).

Thư Do thái giới thiệu Đức Kitô trong tư cách là Thượng tế, và còn hơn nữa, là Thượng tế chung quyết, Đấng đã dâng một lễ tế duy nhất và quyết định.⁸³ “Đức Kitô đã đến làm Thượng tế đem phúc lộc của thế giới tương lai... Ngài đã vào cung thánh không phải với máu các con dê, con bò, nhưng với chính máu của mình. Ngài vào chỉ một lần mà thôi, và đã lãnh được ơn cứu chuộc vĩnh viễn cho chúng ta” (Dt 9:11-12). Nguyên nhân của sự hữu hiệu là Thần Khí: “Nhờ Thánh Thần hằng hữu thúc đẩy, Đức Kitô đã tự hiến tế như lễ vật vẹn toàn dâng lên Thiên Chúa. Máu của Ngài thanh tẩy lương tâm chúng ta khỏi những việc đưa tới sự chết, để chúng ta xứng đáng phụng thờ Thiên Chúa hằng sống” (Dt 9:14). Đức Kitô và các tư tế Do thái đều dâng lễ dâng máu, nhưng Đức Kitô không theo nghi thức của phụng vụ Đền thờ, nhưng là dâng hy lễ theo cách hiện sinh. Sở dĩ có được tác dụng hữu hiệu tuyệt vời như vậy, là vì hy lễ này không dâng máu của các con vật, nhưng là máu của chính mình Ngài (x. Dt 9:12) một cách tự do (x. Dt 10:5t); không phải dâng để trước hết, cho

⁸³ Vanoye, A. *Prêtres anciens, prêtre nouveau selon le Nouveau Testament*, Paris: Seuil 1980.

chính mình được nên tinh sạch khỏi tội, vì vị tư tế này không có tội (x. Dt 7:27), và nhất là vì Vị Thượng tế này là Người Con (x. Dt 5:5; 6:6,v.v.). Hy lễ của Đức Kitô là hy lễ thực tội và là hy lễ hiệp thông, thiết lập giao ước mới (x. Dt 8:6tt; 9:15) và trường tồn bất tận (x. Dt 10:12; 13:20). Tóm lại, Đức Kitô đã dâng lễ hy sinh theo nghĩa đen; còn các hy lễ khác (trong Cựu Ước hoặc trong các tôn giáo khác) thì đều phải được hiểu theo nghĩa bóng hoặc theo cách loại suy. Trong Kitô giáo duy chỉ có một tư tế là Đức Kitô, một lễ vật cũng chính là Ngài, và chỉ có một hy lễ do chính Ngài dâng tiến.

Cuối cùng, nhờ Đức Kitô và vì sáp nhập vào Ngài, chúng ta có thể dâng cuộc đời mình làm lễ hy sinh cho Thiên Chúa (x. Rm 12:1; Dt 13:15-6), bởi chúng ta cũng là “hàng tư tế thánh, dâng những lễ tế thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa”(1Pr 2:5).

THẦN HỌC VỀ LỄ TẾ

Những văn kiện xưa nhất nêu rõ Thiên Chúa không cần gì hết, không đòi hỏi một lễ vật nào và, nếu muốn Giáo hội dâng Lễ, thì chỉ là để mưu cầu lợi ích cho con người;⁸⁴ quả vậy, chính Thiên Chúa đã trao hiến Con Chí ái làm lễ vật để cứu chuộc loài người.⁸⁵ Thánh Augustinô, thần học gia về hy lễ, đã định nghĩa như sau về hy lễ: “Mọi hành vi con người thực hiện để được kết hiệp với Thiên Chúa và được vinh phúc đều đích thực là lễ tế.”⁸⁶ Nếu sống và hoạt động vì mến Chúa yêu người, thì toàn bộ cuộc đời hữu hình cũng như vô hình, tức là cả phần xác lẫn phần hồn, tất cả đều là hy lễ. Như vậy, toàn thể cộng đồng thánh, “được Thượng

⁸⁴ Irênêô, *Ad. Haer.* 4.17.5, 18.1, vv.

⁸⁵ *Ibid.* 4.5.4.

⁸⁶ *De Civitate Dei*, X, 6, PL 41.283; *Giáo lý...* số 2099.

tế dâng lên Thiên Chúa như là lễ tế phổ quát; trong thân phận tôi đòi, Ngài đã tự hiến vì chúng ta qua cuộc tử nạn, để biến tất cả thành thân thể của Đầu vĩ đại ấy. Quả thế, Ngài đã dâng hiến thân phận [người phạm] ấy, và qua thân phận này Ngài tự hiến mình, bởi vì trong chính thân phận này Ngài là trung gian, và là tư tế cùng là lễ vật... Hội thánh không ngừng cử hành hy lễ này qua bí tích bàn thánh, bí tích mà các tín hữu thường xuyên tham dự, và rõ ràng là qua đó, Hội thánh cũng tự hiến mình trong lễ vật chính mình hiến dâng.”⁸⁷

Thánh Augustinô tổng hợp giáo lý của Tân Ước: tư tế (linh mục) chỉ có một, là Đức Kitô; lễ tế và lễ vật chỉ có một là Đức Kitô; Ngài là tư tế nhờ máu nhiệm nhập thể: vì là Con Thiên Chúa làm người. Ngài dâng lễ suốt cả cuộc đời, nhưng đặc biệt là trên thập giá, và tiếp tục dâng lễ ở trên trời trong tư thế là Đầu của Giáo hội. Vì thế, Giáo hội cũng dâng lễ và được dâng hiến như lễ vật trong mọi việc lành làm vì Thiên Chúa, nhưng đặc biệt là trong Lễ Tạ Ơn, bí tích của lễ tế duy nhất.

Về sau, thần học đã quảng triển ý niệm ấy và đã để ý đến một chiều kích khác là đền tội.⁸⁸ Thánh Tôma Aquinô giải thích: “Tế lễ, theo nghĩa đen, là việc chúng ta thực hiện để làm chứng cho vinh dự độc hữu của Thiên Chúa, hầu làm Người nguôi giận.” Rồi thánh tiến sĩ diễn nghĩa là Thiên Chúa hài lòng với việc Đức Kitô đã tự hiến mình với tất cả tự do và yêu mến; “vì vậy, hiển nhiên, cuộc tử nạn của Đức Kitô quả là lễ tế đích thực.”⁸⁹ Sau đó, thánh Tôma lý giải cho thấy cuộc tử nạn của Đức Kitô hữu

⁸⁷ *Ibid.* PL 41. 298.

⁸⁸ Về điểm thần học này, xin xem Gardeil, A., “Sacrifice” trong Vacant A., *Dict. de Théol. Cath.* XIV, 1939, 662-692.

⁸⁹ *Summa Theologica* III, q. 48, a. 3 corp.

hiệu trong hai cách: “Thứ nhất, vì có sức năng tẩy xóa tội lỗi đã từng làm cho con người trở thành kẻ thù của Thiên Chúa. Thứ hai, vì là lễ tế hết sức đẹp lòng Thiên Chúa... Khổ đau của Đức Kitô quý giá đến nỗi làm cho Thiên Chúa, mỗi khi gặp thấy một điều quý giá như thế nơi nhân tính, thì phải hạ cơn giận trước những hành động xúc phạm của loài người, miễn là con người biết kết hiệp với Đức Kitô chịu khổ nạn.”⁹⁰

Công đồng Trentô đã nêu rõ giáo lý này trong khóa 22 (n. 1562), nhân dịp bàn về Thánh Lễ (x. DS 1738-1759). So với các lễ tế trong Cựu Ước, lễ tế Đức Kitô dâng trời vượt tất cả, là lễ tế hoàn hảo, cử hành trên “bàn thờ (theo nghĩa loại suy) thập giá. Đó là tế lễ “đẫm máu” mà Thánh Lễ hằng hiện tại hóa theo cách “không đổ máu.” Như vậy, vai trò trung gian của tư tế duy nhất là Đức Kitô, vẫn tiếp tục cách hữu hình, cách bí tích, giữa dòng lịch sử nhân loại. Dĩ nhiên, không thực hiện hẳn lại, Thánh Lễ chỉ tái diễn lễ tế duy nhất của Đức Kitô (x. ASMD 28).⁹¹

Vì đã hiểu việc tế lễ theo quan niệm của các tôn giáo khác (giết lễ vật), thần học thời các thế kỷ 17 và 20 đã nhấn mạnh quá đáng đến khía cạnh “sát tế” (*immolatio*) của Lễ Misa, làm như thể Đức Kitô bị “giết chết” trên bàn thờ, cho dù thực ra chỉ là “sát tế huyền nhiệm.”⁹² Mặt khác, thần học đã dùng lối biểu đạt quá loài người để nói về những lợi ích tế lễ này mang lại “cho

⁹⁰ *Ibid.* q. 49, a. 4 corp.

⁹¹ Power, D. N., *The Sacrifice We Offer. The Tridentine Dogma and its Reinterpretations*, Edinburgh: T&T Clark 1987.

⁹² Tillard, J. M. R., “Vocabulaire sacrificiel et eucharistique” trong *Irenikon* 53 (1980) 160.

người sống và kẻ chết,” làm như thần học đọc được sổ ‘kế toán’ của đời sau (!); kể ra cũng hơi lố bịch.⁹³

Trong Kitô giáo, lễ tế của Đức Kitô trên thập giá và trong Lễ Tạ Ơn, và lễ tế của Giáo hội cũng như của mỗi Kitô hữu thì không thể tách biệt khỏi nhau. Nhưng cần hiểu rõ Thiên Chúa là Cha, một người Cha hằng yêu mến loài người vô điều kiện, không muốn con cái mình phải chịu khổ, và coi thái độ nội tâm trọng hơn những nghi thức bên ngoài. Vậy, khi vì một lý do nào đó mà phải chịu khổ đau, thì, nếu biết kết hiệp với Đức Kitô, sự đau khổ ấy sẽ trở nên lễ tế mưu ích cho việc cứu độ chính mình và đồng loại (x. Cl 1:24).

* * *

Ý NGHĨA CỦA “MÁU” TRONG CỨU ĐỘ HỌC

Thánh thi *Pange lingua* hát:

“Dâng máu đào làm lễ tế hy sinh
làm giá chuộc muôn người trên thế giới...”

Trong Kinh Thánh, “máu” giữ một chỗ đứng quan trọng. Như thế không chỉ vì được quan niệm như là “nhựa sống,” mà nhất là vì đóng giữ vai trò chủ chốt trong các lễ tế.⁹⁴ Tóm tắt tư tưởng của Kinh Thánh, thư Do thái viết: “Chiếu theo Lễ Luật, hầu hết mọi sự đều được thanh tẩy bằng máu. Không có máu đổ ra, thì không có ơn tha thứ” (Dt 9:22). Tác giả so sánh vai trò của Đức Kitô tư tế với phụng vụ Do thái về *Yom kippur*, “ngày thực tội,”

⁹³ Xin xem Chiffolleau, J., *La comptabilité de l'au-delà*, Roma 1980.

⁹⁴ Xin xem “Blood” trong Colin Brown, *The New Internat. Dict. of N.T. Theology*, Grand Rapids: Zondervan 1975.

(x. Lv 16), và cho thấy máu Đức Kitô vô ngần quý giá hơn máu của các lễ vật thời xưa.⁹⁵ Trước hết, cần phải hiểu ý nghĩa đa diện của máu về mặt phụng tự. Trong cứu độ học, nguồn gốc của cách hiểu này là chính hành động của Đức Giêsu trong bữa tiệc ly (x. Lc 22:20) mà Giáo hội hằng lặp lại để tái diễn lễ tế của Ngài. Từ đó, máu được quan niệm như là phương tiện cứu chuộc (x. Ep 1:7; Dt 9:12), hoặc xá tội (x. Rm 3:25): máu thanh tẩy lương tâm (x. Dt 9:14), rửa sạch hết mọi tội lỗi (x. 1Ga 1:7); như xưa thượng tế tưới rảy máu của các lễ vật để “thánh hóa” (làm cho trở thành của dành riêng cho Thiên Chúa), thì cũng thế, bây giờ tín hữu được máu Đức Kitô tưới rảy (x. 1Pr 1:2) để trở thành dân thánh (x. Dt 13:12); nói cách khác, “bầu huyết của Con Chiên” là giá chuộc họ “khỏi lối sống phù phiếm” (Dt 1:18-9; x. Cv 20: 18; Kh 5:4) để sống hòa giải với Thiên Chúa (x. Ep 2:13) và với đồng loại: “Nhờ máu Ngài đổ ra trên thập giá, Thiên Chúa đã đem lại bình an cho mọi loài dưới đất và muôn vật trên trời” (x. Cl 1:19). Hình như toàn bộ công trình cứu độ của Đức Kitô được tập trung ở nơi máu: “bây giờ chúng ta đã được nên công chính nhờ máu Đức Kitô đổ ra...” (Rm 5:9).⁹⁶

Mặt khác, máu cũng được hiểu theo ý nghĩa thiết lập giao ước: như xưa Môsê lấy máu mà tưới rảy dân để ký kết giao ước (x. Xh 24:8), thì máu Đức Kitô cũng đã đổ ra để ký kết Tân Ước (x. 1Pr 1:2). Ý nghĩa này cũng hiện rõ qua lời nói và việc làm của Đức Giêsu trong bữa tiệc ly: “Đây là máu Thầy, máu giao ước, đổ ra vì muôn người” (Mc 14:24; Mt 26:28), và được Dt 9:

⁹⁵ Về phụng vụ và về ý nghĩa của ngày xá tội, xin xem Deiana, G., *Il giorno dell'espiazione: Il kippur nella tradizione biblica*, Bologna: Dehoniane 1994.

⁹⁶ Xin xem Lefebvre, G., *La Rédemption par le sang de Jésus*, Bruges 1942.

14tt minh xác: máu Đức Kitô thiết lập giao ước mới, tốt hơn, với những trách nhiệm to lớn hơn (x. Dt 10:29).

Cần phải đặt ngôn ngữ này vào trong bối cảnh văn hóa và tôn giáo Do thái thời xưa. Nếu hiểu lầm thì có thể nghĩ là Thiên Chúa khát máu! Cách nói kia được dùng để giải thích một biến cố lịch sử, biến cố Đức Giêsu đã thật sự đổ máu để cứu chuộc loài người, tức đã thí mạng sống mình vì yêu mến Chúa Cha và chúng ta. Đó là phép ẩn dụ: dùng “máu” để chỉ về “mạng sống,” nói “đổ máu” để cho hiểu là “thí mạng,” v.v. Trong lịch sử, Kitô giáo luôn nhắc đến ‘máu’ để linh động hóa lòng biết ơn đối với Đấng Cứu tinh, để cho hiểu rằng ơn cứu độ không phải là thứ “rẻ” giá. Hơn nữa, máu này là nguồn sống hằng mãi tuôn trào xuống cho chúng ta từ Lễ Tạ Ơn (x. Ga 6:53tt) và từ các phương pháp tu đức trong Giáo hội.⁹⁷

7. ĐÈN TỘI VÀ XÁ TỘI

Ý niệm này gợi lên một ấn tượng tiêu cực, bởi vì muốn nói là phải hy sinh chịu khổ để đền bù, để xóa tội, xóa vạ v.v. qua một hình phạt tương xứng với tội mình đã phạm. Có kẻ còn ngộ nhận coi đó là một thứ tố tụng hình sự từ phía Thiên Chúa để chống lại Đức Kitô, buộc phải chịu một hình phạt cân xứng. Vì vậy, cần phải đặt việc xá tội, đền tội vào trong khuôn khổ của Kinh Thánh để mà tìm hiểu.

Để biểu đạt ý niệm nói trên, Cựu Ước dùng động từ *kipper*, mà bản LXX dịch ra là *hilaskesthai*, nghĩa là “che phủ,” “thanh tẩy,” vốn có ý chỉ về việc cử hành một nghi thức để được Thiên

⁹⁷ Xin xem Grégoire, R., “Sang” trong *Dict. de Spiritualité*, XCI, 1988, 319-333.

Chúa thứ tha, xá tội, nguôi giận (x. Lv 9:7; 16:16; Tv 65:4, v.v.). Nếu cần, thì phải nộp tiền phạt (*kôper*) để được an toàn (x. Xh 21:30). Những nghi thức ấy có thể là việc rửa giặt (x. Ds 19:1-10), nhưng nhất là tưới rẫy máu như Lv 16 trình tả. Cuối cùng, còn có các lễ tạ tội (x. Lv 4:1tt) và đền tội (x. Lv 5:14-26). Máu đóng giữ một vai trò hết sức quyết định, vì được quan niệm như là chất lưu chứa đựng sự sống (x. Lv 17:11); máu của con vật thay thế cho máu con người, và có khả năng đem lại sức khỏe, sự sống, cũng như xóa sạch vết nhơ của tội, v.v. Cách thiêng liêng hơn, Thiên Chúa xóa tội của dân vì đấng trung gian (Môsê) can thiệp cầu khẩn (Xh 32:30tt), hoặc (Aaron) dâng “hương trầm xá tội” thay cho (Kh 18:21).⁹⁸ Lễ dĩ nhiên, tín hữu phải có lòng sám hối và cam kết giữ giao ước.

Trong văn mạch này, Sách thánh đề cập đến cơn giận của Thiên Chúa mà những lễ xá tội sẽ làm nguôi... (x. Is 30:27-33; Ed 20:33; Gr 25:15-38), làm như Thiên Chúa nhất định sẽ trả thù, đặc biệt là trong “ngày báo oán trị tội” (Gr 46:10)... Cách nói này có nghĩa, trước hết, Thiên Chúa không nhắm mắt làm ngơ trước hành động tội lỗi, trái lại coi đó quan trọng, vì gây hại cho con cái của Người; thứ đến là để cảnh cáo cho con người biết sợ mà xa tránh tội lỗi; và cuối cùng, phải “làm nguôi lòng Người,” tức tạ tội.

Một hình bóng nhiệm mầu xuất hiện trong phần hai của sách tiên tri Isaia, hình bóng của *Tôi tớ Giavê*. Tiên tri trình tả nhân vật này qua bốn bài ca (Is 42:1-9; 49:1-6; 50:4-9; 52:13-53:12). Tôi tớ phải chịu khổ nhục nhiều “vì đã mang lấy tội muôn người”

⁹⁸ Xin xem Lyonnet, S., “De notionne expiationis,” *Verbum Domini* 37 (1959) 336-352; 38 (1960) 65-85; 241-261; *id.* “Expiation et intercession,” *Biblica* 40 (1959) 885-901.

(Is 53:12), thậm chí “Đức Chúa đã muốn người phải bị nghiền nát vì đau khổ; nếu người hiến thân làm lễ vật đền tội, người sẽ được thấy kẻ nối dõi... và sẽ làm cho muôn người nên công chính” (Is 53:10-11). Điều nghịch lý là một người công chính đã “bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm, đã chịu sửa trị để chúng ta được bình an” (Is 53:5). Làm sao sự đau khổ xem ra bất công ấy lại có thể công chính hóa người khác? Vì tình liên đới, Tội trung tự hiến mình, và Thiên Chúa đã chấp nhận thái độ hy sinh vì yêu mến ấy như là lễ xá tội cử hành một cách hiện sinh.

Tân Ước quy áp hình bóng “Tội trung” cho Đức Kitô. Khi viên thái giám Êthiôp hỏi: “Vị ngôn sứ nói thế về ai?” Philipê đã “loan báo Đức Giêsu cho ông” (Cv 8:26tt). Nơi Đức Giêsu, lời tiên tri ấy và ý nghĩa của các lễ xá tội được ứng nghiệm. Thánh Phaolô viết: “Thiên Chúa đã đặt Ngài làm nơi xá tội (*hilasterion*) nhờ máu của Ngài cho những ai có lòng tin” (Rm 3:25). Tổng đồ ám chỉ tới nghi thức thượng tế rảy máu trên nắp hòm bia giao ước để xá tội toàn dân (x. Lv 16). Ý nghĩa là Đức Kitô đã đổ máu ra vì ta và đã trở nên “khí cụ” xá tội: nhìn đến Đức Kitô trên thập giá, Thiên Chúa đủ lòng xót thương các tội nhân. Đức Kitô vừa là lễ vật mà cũng vừa là bàn thờ, hoặc nơi Thiên Chúa cư ngụ với dân Người: Thiên Chúa đề xuất sáng kiến, Đức Kitô làm trung gian, và con người đáp ứng bằng đức tin.

Thư thứ nhất của Gioan gọi Đức Giêsu Kitô là “của lễ xá tội (*hylasmós*) chúng ta, chẳng những tội lỗi chúng ta không thôi, nhưng còn tội lỗi cả thế gian nữa” (1Ga 2:2; x. 4:10), và hiện là “Đấng Bảo trợ trước mặt Chúa Cha” (1Ga 2:1) cho chúng ta, vì Ngài làm cho Chúa Cha hài lòng hầu đủ lòng thương chúng ta. Thế mới rõ lễ xá tội Đức Kitô đang tiến vẫn còn tiếp diễn ở trên trời (x. Kh 5:6).

Thư Do thái khai triển rộng chủ đề: Đức Kitô con người, “đã phải nên giống anh em mình về mọi phương diện, để trở thành một vị Thượng tế nhân từ và trung tín trong việc thờ phượng Thiên Chúa, hầu xá tội (*hilaskesthai*) cho dân” (Dt 2:17), qua việc “dâng lễ phẩm cũng như tế vật đền tội” (Dt 5:1). Tác giả lưu ý rằng những gì thượng tế phải làm hằng năm, ở trong Đền thờ Giêrusalem, vào ngày xá tội, thì Đức Kitô đã làm một lần trong Đền thờ vĩnh viễn trên trời (x. Dt 9). Chỉ khác là Đức Kitô lấy máu mình, chứ không lấy máu loài vật.⁹⁹ Đức Kitô vô tội đã cử hành phụng vụ “bên kia bức màn” (Dt 10:20), tức sau khi phục sinh, trong cảnh vực vĩnh cửu, “do đó, Ngài có thể đem ơn cứu độ vĩnh viễn cho những ai nhờ Ngài mà tiến lại gần Thiên Chúa, vì Ngài hằng sống để chuyển cầu cho họ” (Dt 7:25): lễ xá tội và việc chuyển cầu đi đôi với nhau. Tác giả nhấn mạnh nói rằng đó là một lễ tế đẫm máu, không phải vì Đức Giêsu đã tự giết mình, nhưng vì đã yêu cho đến cùng và đã chịu “những kẻ tội lỗi chống đối mình như thế” (Dt 12:3). Tất một lời, biến cố Canvê mang ý nghĩa phụng vụ: đó là lễ tế xá tội và tạ ơn, mà hoa quả tồn tại cho đến muôn muôn đời.

TRUYỀN THỐNG

Bao giờ Kitô giáo cũng coi sự chết của Đức Kitô là tâm điểm, là cốt tủy của biến cố cứu độ; nhưng thường khi lại lẫn lộn về các ý niệm “xá tội,” “đền tội,” “cứu chuộc,” “chết vì hoặc chết để...” v.v. Nói về việc mình chịu chết vì đạo (*martyr* có nghĩa là “chứng nhân”) Inhaxiô Antiôkia viết như sau: “Tôi là tế vật xá tội của anh em và tự hiến mình làm lễ tế vì Giáo hội của anh

⁹⁹ Hughes, Ph. E., “The Blood of Jesus and His Heavenly Priesthood in Hebrews,” *Bibliotheca Sacra* 130 (1973) 99-109; 195-212; 305-314.

em.”¹⁰⁰ Chú giải Rm 3:25, Ôrigênê nói rằng: “Vì tự hiến thân mình, Đức Kitô làm cho Thiên Chúa đối xử khoan hồng với loài người, và điều đó tỏ cho thấy Ngài công chính... Là công chính, Thiên Chúa không thể lấy công bằng mà công chính hóa kẻ bất lương; vì thế Người đã muốn nhờ đến Đấng Xá tội để qua Ngài, những kẻ không thể được công chính hóa do việc làm của chính họ, thì nhờ lòng tin vào Ngài mà được công chính hóa.”¹⁰¹ Các Giáo phụ thường khai triển tư tưởng trong cách thức tương tự như vậy, và chưa nghĩ gì đến giả thuyết xuất hiện về sau, gọi là “thay thế hình sự” (*penal substitution*), giả thuyết nhấn mạnh đến khía cạnh “đau đớn” như là phương tiện để làm “người giận” Thiên Chúa. Và như thế, phải hiểu việc chịu khổ như là một thứ “chuyển cầu hiện sinh” (*existential intercession*) nằm trong hậu cảnh phụng vụ của lễ tế xá tội. Ở điểm này, thần học và tu đức gặp nhau: đau khổ tự nó là xấu, nhưng nhờ Đức Kitô mà đã trở nên “giá cứu chuộc.” Không ai ưa gì đau khổ, nhưng nếu phải chịu khổ (vì không tránh được) và biết kết hiệp với Đức Kitô trên thập giá mà đón nhận đau khổ và dâng lên Thiên Chúa, thì khổ đau ấy của người kitô sẽ nên lễ tế xá tội. Nếu phải xá tội hoặc đền tội thì không phải là vì Thiên Chúa cần, song là vì tội nhân cần; đền tội không phải là điều kiện để được Thiên Chúa tha thứ, song là hậu quả: bởi nó làm cho tội nhân biết mở lòng để đón nhận ơn Chúa, và tỏ lòng biết ơn cùng quyết chí tự hậu không phạm tội nữa. Vì tình yêu của Đấng Cứu chuộc, hết những ai đền tội thì đều được “góp phần” với Đức Kitô vào việc xá tội trần gian. Nếu ơn Đức Kitô ban đã đòi Ngài phải “trả giá cao,” thì tội nhân há từ chối “góp phần” vào ơn mình nhận lãnh?

¹⁰⁰ *Ad Ephesios* 8. 1.

¹⁰¹ *Comment. in Rom.* III. 8; PG 14. 946ac.

Suốt dòng lịch sử, Giáo hội hằng tiếp tục cử hành lễ tế của Đức Kitô như ý Ngài muốn, qua Thánh Lễ hầu mưu ích “cho người sống và kẻ chết.”¹⁰²

8. THỰC TỘI

Từ *satisfactio*, “thực tội” không gặp thấy ở trong Kinh Thánh, nhưng đã được truyền thống dùng để giải thích việc cứu chuộc. Ở Tây phương, từ thời Trung cổ cho đến gần đây, khái niệm này đã trở thành nền tảng của Cúu độ học.¹⁰³ Nó có nghĩa tương tự như “xá tội,” nhưng phát xuất từ môi trường pháp luật. Những nhầm lẫn học thuyết về thực tội gặp phải đều phát xuất từ việc lấy những phạm trù của “công bằng giao hoán” mà áp dụng vào việc đền tội.

Trong luật Rôma, *satisfacere* có nghĩa là “làm đủ” để đền bù cho chủ nợ. Luật gia Tectullianô đã đem ý niệm ấy áp dụng cho tội nhân: đương sự có bốn phạm phải “đền” bao nhiêu có thể, lỗi tội đã phạm. Sau đó, thánh Ambrôsiô đã nêu ý kiến nói rằng dù vô tội, nhưng Đức Kitô đã chịu khổ như “hối nhân” để đền tội cho người khác.¹⁰⁴

Thánh Anxenmô Canterbury († 1109), “ông tổ của thần học kinh viện,” tác giả cuốn *Cur Deus homo*, “Tại sao Thiên Chúa làm người?” là người đã có công khai triển sâu rộng học thuyết về thực tội. Cho đến thế kỷ 20, đó vẫn là học thuyết chung về

¹⁰² Xin xem *Giáo lý...* các số 1365tt.

¹⁰³ Cessario, R., *The Godly Image. Christian Salvation in Catholic Thought from Anselm to Aquinas*, Petersham: St. Bede Publ. 1990.

¹⁰⁴ *In Ps xxxvii enarratio*, 53, PL 14. 1036c; *Epistola* 72, 8, PL 16. 1245c-1246a.

Cứu độ học ở Tây phương, cho cả công giáo lẫn tin lành; hiện giờ, vụ tranh luận về cuốn sách nói trên vẫn còn tiếp diễn.¹⁰⁵ Câu hỏi căn bản là: Nếu Thiên Chúa có thể cứu rỗi loài người cách dễ dàng (chỉ muốn là được), thì tại sao lại đòi hỏi Đức Kitô phải chịu khổ đến như thế? Làm sao Thiên Chúa công bình lại đi kết án người vô tội thay vì các tội nhân? — Anxenmô trả lời: Thiên Chúa không kết án, không giết Đức Giêsu, nhưng các kẻ thù đã làm; Thiên Chúa không ưa thích, nhưng chịu đựng sự đau khổ; và khi thấy Đức Kitô tự do thí mạng sống vì các tội nhân thì Người đánh giá việc hy sinh ấy cao đến nỗi tha thứ cho tất cả. Ngài quan niệm tội lỗi như là hành động lạm cướp vinh dự của Thiên Chúa; vì thế, tội nhân phải trả lại điều đã ăn cắp, cộng thêm một điều gì đó để đền bù việc đã xúc phạm đến Người. Nhưng vinh dự ấy lại vô cùng, con người không thể nào trả lại đầy đủ được. Đàng khác, Thiên Chúa cũng không thể nào tha thứ nhưng không, vì làm vậy là trái với trật tự công bằng chính Người đã lập. Vậy thì phải làm như thế nào? Duy chỉ Thiên Chúa mới có khả năng trả món nợ vô cùng; nhưng nếu con người đã cướp thì con người phải đích thân trả lại; thế nên, cần phải có một đấng thần-nhân hội đủ điều kiện để có khả năng đại diện loài người trả món nợ cho cân xứng đúng với trật tự công bằng. Thế nên, vì yêu thương, Thiên Chúa chọn giải pháp làm người. Vô tội, Đức Kitô không mắc nợ phải chết; nhưng nếu tự nguyện thí mạng sống vì các tội nhân, thì Ngài đã dâng hiến một điều ngoại trạch (*supererogatory*: bổn phận không buộc) quý nhất mình có: là con người, Ngài thay mặt cho loài người để trả nợ;

¹⁰⁵ Corbin, M., *Anselme de Cantorbéry: Lettre sur l'incarnation du Verbe. Pourquoi un Dieu-homme*, intr. Trad. Et notes, Paris: Cerf 1988; Eckardt, B. F., *Anselm and Luther on the Atonement: Was it Necessary?* 1992.

là Thiên Chúa, của Ngài cống hiến có giá trị vô cùng đủ để trả món nợ vô cùng; thế nên, sự chết của Đức Kitô là việc đền bù có khả năng đền tội thích đáng, khiến Thiên Chúa vui lòng tha thứ.

Nhưng phải nói là học thuyết xem ra quá duy lý, giới trình – qua cách luận giải – Thiên Chúa như là một quan tòa loài người. Dù sao thì Anxenmô cũng thừa biết là các ý niệm ấy đều cần phải hiểu theo kiểu loại suy; thêm nữa, ngài cũng đã cố điều hợp sao cho hài hòa giữa lòng thương xót và sự công bằng của Thiên Chúa; nhưng rốt cuộc lòng thương xót đã thắng cuộc và Thiên Chúa đã ban cho con người vinh dự được góp phần vào việc cứu độ chính mình và người khác.

Khuyết điểm lớn của tác phẩm trên đây là đã “hội nhập văn hóa” một cách quá đáng qua việc lấy phạm trù “vinh dự” của chế độ phong kiến và ý niệm công bằng giao hoán – cả về mặt số lượng – mà áp dụng cho Thiên Chúa; bởi nếu quả là thế thì hình như ân sủng không còn chỗ đứng. Hơn nữa, cuốn sách tập trung toàn bộ công trình đa dạng của Đức Kitô vào trong một chiều kích duy nhất là thực tội; do vậy, nhiều kết luận đã bị thiên lệch; sự chết xem ra quý hơn sự sống, còn sự sống lại thì không đóng giữ được một vai trò nào trong Cứu độ học của Anxenmô.

Tư tưởng của Anxenmô đã dần dần ảnh hưởng sâu rộng trên thần học Trung cổ.¹⁰⁶ Phủ nhận ý niệm đền tội, Abeladô († 1142) chỉ chấp nhận gương mẫu tình yêu biểu hiện qua cuộc khổ nạn của Đức Kitô; thánh Bênadô († 1153) phản kháng. Không có học thuyết riêng về Cứu độ học, thánh Tôma Aquinô chấp nhận

¹⁰⁶ Xin xem Rivière, J., *Le dogme de la rédemption au début du Moyen-Âge*, Paris; Vrin 1934.

ý kiến của Abêladrô mà cũng vừa lấy lại ý niệm thực tội của Anxenmô, nhưng vẫn giữ nguyên các phạm trù truyền thống.¹⁰⁷ Tôma coi việc nhập thể không phải là *cần thiết* – chỉ rất thích đáng mà thôi – để cứu độ loài người. Dực theo tư tưởng của Anxenmô, Tôma nhận định rằng việc đền tội cân xứng phải là việc làm của một thần-nhân;¹⁰⁸ bởi hành động của một *Thần-nhân* thì mới có giá trị vô cùng: “Chỉ một giọt máu cũng đủ sức tẩy sạch trọn cả thế gian” (*Adoro te devote*). Khi bàn về cuộc tử nạn, Tôma nêu bật lý do tại sao những khổ nhục và cái chết Đức Kitô chịu đã nên ơn cứu độ cho loài người; trước hết là vì công đức, rồi vì giá trị thực tội, xá tội, cứu chuộc loài người, v.v.; nhưng yếu tố quyết định và lý do chủ yếu là tình yêu:

“Khi chịu khổ vì yêu mến và vâng phục, Đức Kitô đã hiến dâng lên Thiên Chúa giá chuộc cao hơn những gì cần phải trả để đền bù hết mọi tội lỗi của nhân loại. Trước hết, vì tình yêu bao la đã thôi thúc Ngài chịu khổ như thế; thứ hai, vì phẩm cách mạng sống Ngài, mạng sống của một Đấng vừa là Thiên Chúa vừa là con người, mà chính Ngài đã dâng hiến làm giá đền bù; thứ ba, vì cuộc khổ nạn kéo dài dằng và rất đau khổ. Vậy, cuộc khổ nạn của Đức Kitô đền bù hết mọi tội của loài người không những cân xứng, mà còn dư thừa nữa.”¹⁰⁹

Tư tưởng của thánh tiến sĩ khúc chiết và quân bình; nhưng vì đã dành ưu tiên quá cao cho khía cạnh thực tội và đã nói nhiều về giá (*pretium*) phải trả cho Thiên Chúa,¹¹⁰ nên thần học sau

¹⁰⁷ Catão, B., *Salut et rédemption chez S. Thomas d'Aquin. L'acte sauveur du Christ*, Paris: Aubier 1965; Weber, E. H., *Le Christ selon saint Thomas d'Aquin*, Paris: Desclée 1988.

¹⁰⁸ *Summa* III, q 1, a. 2 corp.

¹⁰⁹ *Ibid.* III, q. 48, a. 2.

¹¹⁰ *Ibid.* III, q. 48, a. 4.

này sẽ thẳng tay mổ xẻ hai điểm này, với kết quả phải nói là bi đát. Công đồng Trentô thừa nhận từ *satisfactio* (thực tội), coi đó là thuật ngữ nói lên “nguyên nhân công đức” trong việc công chính hóa, nhưng lại không giải thích gì thêm.¹¹¹ Sau đó, *Giáo Lý công đồng Trentô* định nghĩa “đền bù” là “trả nợ đầy đủ”: Đức Kitô đã trả nợ đầy đủ cho chúng ta.¹¹²

Cho đến thế kỷ 20, thần học vẫn nhấn mạnh quá đáng đến ý niệm đền tội theo kiểu đòi hỏi của đức công bằng giao hoán, từ một Thiên Chúa “tức giận.” Tin lành và Công giáo đua nhau đưa ra những công thức quá khích. Sau đây là một vài thí dụ: Bossuet hùng biện nói: “Trong lễ tế này, mọi sự đều phải là thần linh cả: phải trả giá đền bù xứng đáng lên Thiên Chúa, và chính Thiên Chúa phải thực hiện điều đó; phải trả thù xứng đáng cho Thiên Chúa, và chính Thiên Chúa phải thực hiện điều đó... Đích thân, Chúa Cha đã phải lấy hết mọi thứ sấm sét mà đánh xuống trên Con, và vì chính Người đã đổ vào nơi Con mọi tội lỗi của chúng ta, thì cũng chính Người phải trả thù cho thoả đáng công bằng...”¹¹³ Thế là vô tình biến Chúa Cha thành đao phủ. Thuyết giảng tại nhà thờ *Notre-Dame* (Paris), M. L. Monsabré trình tả: “Thiên Chúa nhìn thấy Đức Kitô là hiện thân của tội lỗi... Đổ bị nguyên rửa... Vì thế, quên đi đoàn thể đông đảo những người phạm khác, Người chỉ đưa mắt công bằng nhìn chòng chọc vào cái hiện tượng ghê tởm ấy cho thoả lòng giận ghét. Chúa ơi, xin tha thứ, đây là Con Chúa! — Không! Nó là tội, phải bị phạt.”¹¹⁴

¹¹¹ Khóa 6, Sắc lệnh về công chính hóa, chương 7, DS 1529.

¹¹² *Catechismus Romanus* (1566), chương 24. 1.

¹¹³ Bossuet, J., *Oeuvres oratoires*, (ed. J. Lebarq), Paris: DDB 1916, tr. 385.

¹¹⁴ Monsabré, M. L., *Conférences de Notre-Dame de Paris. Carême 1991*. 49^e Conférence.

Cách nói như thế đã một thời trở thành bình thường, đến nỗi cả các sách giáo khoa, cả các luận án thần học cũng suy luận và biểu đạt theo đà ấy.¹¹⁵ Thế thì làm sao tránh được ngộ nhận cho rằng việc hành quyết bất công hoặc tội sát hại Đức Giêsu chính là nguồn ơn cứu độ!¹¹⁶

Thần học ngày nay cảm thấy có bốn phạm phải thanh lọc ngôn ngữ. Không một tài liệu chính thức nào của Giáo hội dạy rằng sự công chính của Thiên Chúa đòi hỏi phải đền bù tội lỗi như thế. Nhưng, phạm từ “đền tội, thực tội” thường gợi ý cho nghĩ ngay là vì liên đới với anh em nhân loại tội lỗi, Đức Kitô sống thân phận hối nhân¹¹⁷ và phải tạ tội qua việc làm; bởi việc hy sinh cần thiết để phục hồi sức mạnh thiêng liêng cho ý chí loài người tội lỗi, và đồng thời phục hồi (đền bù) vinh dự Thiên Chúa giữa loài người, vinh dự đã bị tội lỗi làm cho sút mẻ đi. Vì yêu thương, Thiên Chúa đã hạ mình xuống đến nỗi chấp nhận chịu ảnh hưởng do hoạt động loài người. Đó là ý nghĩa của lễ lối “nhân cách hóa” Thiên Chúa ở trong Kinh Thánh, khi nói là Người vui, buồn, giận... Thay mặt để đền tội cho nhân loại là Đức Kitô đã làm Thiên Chúa hài lòng để hòa giải loài người với Người.

VẤN ĐỀ THAY MẶT

Thần học đã khai triển rộng học thuyết “đền bù thay” (*satisfactio vicaria*), và hiện nay đang dùng đến một vài từ ngữ tương

¹¹⁵ Xin xem chẳng hạn, Hugon, E., *Le mystère de la Rédemption*, Paris: Téqui 1922.

¹¹⁶ Xin xem Leites, N., *Le meurtre de Jésus, moyen de salut?*, Paris 1982.

¹¹⁷ Guillet, J., “Jésus Christ pénitent” trong *Jésus Christ dans notre monde*, Paris: DDB và Montréal: Bellarmin, tt. 65-77.

tự, như “đại diện,” “xá tội thay,” “liên đới,” v.v. để biểu đạt ý niệm ấy. Trong Kinh Thánh, ý niệm này xuất hiện nơi một số văn bản, chẳng hạn như: Is 53 (Tội tở), Gl 3:13, 2Cr 5:21, và được rút ra từ những thành ngữ đi kèm với giới từ *hyper* (nghĩa là “thay vì”).¹¹⁸ Đã có người quy áp cho Đức Giêsu hình bóng “oan dương,” tức con dê mang tội của dân và dành cho quý [A-dêden]! (x. Lv 16:8tt).¹¹⁹

Trong nhiều thế kỷ, thần học nêu bật sự kiện Đức Kitô đã chịu những hình phạt mà đáng ra chúng ta phải chịu. Tin lành cũng như công giáo đều nhấn mạnh đến sự việc Đức Kitô “trở thành tội” và bị phạt thay cho chúng ta là những tội nhân.¹²⁰ Calvin nghĩ là có một cuộc tố tụng hình sự chống chúng ta, nhưng Đức Kitô đã thay mặt gánh lấy tội lỗi loài người và đã bị kết án.¹²¹ Đó là cuộc trao đổi kỳ diệu: Đức Kitô bị kết án, loài người được trắng án. Giả thuyết này được gọi là “thay mặt hình sự” (*substitutio poenalis*), tức bị phạt thay. Gần đây, thần học gia tin lành W. Pannenberg đã lại đề xuất luận đề ấy, nhưng là dưới ánh sáng phục sinh.¹²²

¹¹⁸ Clark, S. B., o.c. “Punished instead of us” tt. 93-118; Placher, W. C., “Christ takes our place,” *Interpretation* 53 (1999) 5-20.

¹¹⁹ McLean, B. H., *The Cursed Christ*, CUP 1996; tác giả cho rằng học thuyết của Thánh Phaolô về thực tội dựa vào hình bóng ấy. Xin xem thêm Giraud, R., *Le bouc émissaire*, Paris 1982.

¹²⁰ Xin xem nhiều thí dụ trong Sabourin, L., *Rédemption sacrificielle. Une enquête exégétique*, Paris: DDB 1961.

¹²¹ Xin xem Karl Barth, *Dogmatique*, vol 4: “La doctrine de la réconciliation” t. 1, I, Genève: Labor et Fides 1966, cuốn 17, tr. 222.

¹²² Pannenberg, W., *Jesus - God and Man*, Philadelphia: Westminster 1977, “Jesus’ Death as Substitution” 258-274; xin xem phê bình của Duquoc, Ch., *Christologie. Essai dogmatique, II*, “Le Messie,” Paris: Cerf 1972, 181-190.

Nếu đã thay mặt tội nhân như là “kẻ bị kết án,” thì Đức Kitô cũng phải chịu “hình phạt thay.” Luther cho rằng trên thập giá, Đức Kitô đã phải chịu đọa hình (*poena damni*) của hỏa ngục. Trong đà hướng ấy, Calvin đã giải thích việc “xuống ngục” như là “xuống hoả ngục.” H.U.von Balthasar nhận định rằng Đức Kitô đã hạ mình xuống đến nỗi Ngài chịu nếm nỗi cay đắng bị Thiên Chúa bỏ rơi, tựa như phải chịu “cái chết thứ hai.”¹²³ Ý của các tác giả là giải thích mâu nhiệm thập giá, và việc “trao đổi kỳ diệu” giữa Đấng Vô tội phải gánh chịu án chết và những tội nhân được công chính hóa. Nhưng nói như thế thì quá đáng. Ủy ban Thần học Quốc tế đã lên tiếng cảnh cáo: “Nếu hiểu theo nghĩa đen và xét về mặt thuần túy lý tính, thì khó mà gọi là “xả tội thay” hoặc “đền tội thay,” hành động Thiên Chúa đã thực hiện để dứt khoát mang lại ơn cứu độ qua cuộc sống và cái chết của Đức Chúa cánh chung, cũng như qua sự sống lại của Ngài... Không thể nghĩ rằng Thiên Chúa đã trừng phạt hoặc kết án Đức Kitô thay vì chúng ta.”¹²⁴

Hồi thế kỷ 19, giả thuyết “đền bù thay,” “làm đủ thay” (*satisfactio vicaria*) được trình bày dưới một dạng khác với quan niệm “chịu hình phạt thay.” Đức Kitô không bị phạt, nhưng, vì yêu mến Cha và mến thương anh em, Ngài đã làm cho Thiên Chúa hài lòng thay cho chúng ta.¹²⁵ Chỉ phải tránh hai điều: một là nghĩ rằng Thiên Chúa đòi hỏi phải “đền bù” một điều gì đó; hai là cho rằng Đức Kitô đã làm tất cả rồi, cho nên chúng ta không

¹²³ Balthasar, H. U. v., *La Gloire et la Croix, III: Théologie, 2: “Nouvelle Alliance”* Paris: Aubier 1975, 197-202.

¹²⁴ *Doc. Cath.* số 1803 (1981) 228, 230.

¹²⁵ Điển hình là Rivière, J., xin xem “Rédemption” *Dict. Théol. Cathol.* XIII/2, 1937, 1912-2004.

cần làm gì hết. Tại sao Đức Kitô có thể thay mặt loài người? Có kẻ nói: vì Thiên Chúa quyết định như vậy, Người muốn Đức Kitô làm Adam mới, tức cội gốc của nhân loại mới; người thì bảo: vì nhập thể, Ngôi Lời đã nhận lấy trọn vẹn nhân tính và, vì là nhân vật quý nhất, là “trưởng tử,” nên dĩ nhiên Ngài là đại diện của đàn em; hoặc cách khác: Ngài là Đầu của nhân loại, thì cũng là đại diện của toàn thân. Không thể hoàn toàn bỏ rơi ý niệm “thay mặt” hoặc “thay vì,” bởi nó phát nguyên từ trong Kinh Thánh và truyền thống, và nhất là bởi một khía cạnh của mẫu nhiệm thật sự là như vậy.¹²⁶

Hiện giờ, thần học dùng đến tính liên đới – vừa tự nhiên mà cũng vừa do quyết định tự do của Đức Giêsu – với loài người. Một khi đã liên đới với một người một nhóm, thì cũng gánh nhận số phận của họ (x. 1Cr 9:20-21). Đức Kitô đã chia sẻ thân phận với loài người: Ngài được ‘nhân hóa’ để ‘thần hóa’ nhân loại. Ngài là trung gian giữa Thiên Chúa và loài người; vì liên đới với hai bên, Ngài là đại diện của Thiên Chúa ở giữa loài người, và là đại diện của nhân loại trước nhan Chúa Cha. Như thế, Đức Kitô mới có thể tự do thay mặt loài người trong trách nhiệm về tội lỗi, gánh nhận hậu quả là sự chết, và kéo loài người lên cùng Thiên Chúa.

Khoa chú giải hiện đại đọc thấy trong nhiều bản văn Kinh Thánh, tính liên đới giữa Đức Kitô và loài người: bắt đầu là Is 53, rồi đến Ph 2:6-7; 2Cr 5:14.21; 8:9; Gl 3:13, v.v., và đặc biệt là Rm 5:12-21; 1Cr 15:21-22 nói đến trường hợp liên đới giữa Adam và Đức Kitô, cũng như Ep 1:23; 5:23-30; Cl 1:18; 2:19; 3:15 cho thấy cùng với Ngài chúng ta đã trở nên một thân thể; thư

¹²⁶ Xin xem Thompson, W. M., *The Struggle for Theology's Soul*, N.Y. : Crossroad 1996, “The Debate over ‘Substitution’”, tt. 186-193.

Do thái cũng đã nêu bật dây liên đới đặc thù ấy của Đức Kitô (x. Dt 2:17; 4:15; 5:2...). Chính Đức Giêsu đã cảm thấy liên đới với mọi người trong số phận đời đời (x. Mt 25:40.45). Tình trạng liên đới này là hậu quả của kế hoạch cứu độ Thiên Chúa đã an bài, bởi Người “đã chọn ta trong Đức Kitô, trước khi tạo thành vũ trụ để... ta trở nên tinh tuyền thánh thiện nhờ tình thương của Người” (Ep 1:4); bao quát hơn nữa, Đấng tạo hóa đã dựng nên muôn vật liên đới với nhau (x. Rm 8:19-22).

Vấn nạn vẫn là: tại sao một người có thể thay mặt để cứu độ mọi người? Dựa vào tính liên đới ấy thì dễ trả lời hơn: Vì ‘người ấy’ là Thiên Chúa, nên tính liên đới ấy mang chiều kích phổ quát, vượt quá giới hạn không và thời gian. Chủ thể của biến cố chết và sống lại là Ngôi Lời, vì thế có sức năng ảnh hưởng trên tất cả; là Ngôi Lời mà cũng là “Con Người” đã tự do nhận lấy phận mệnh của anh em và liên kết họ vào trong phận mệnh của mình. Dù biết hay không biết, mỗi người đều có Đức Giêsu làm anh mình, làm Đầu của mình: phận mệnh của Ngài quyết định phận mệnh của tất cả: “Khi nhập thể, Con Thiên Chúa đã, một cách nào đó, kết hợp với tất cả mọi người” (VMHV 22b). Thể cách cứu độ này đã được dự kiến từ lúc tạo dựng, trong cấu trúc liên đới giữa loài người (người đại diện của gia đình, của bộ lạc, của quốc gia, v.v.); nhưng vẫn còn có nhân tố cá nhân, là tự do đón nhận hay từ chối dây liên đới ấy. Nói cho cùng, đây là phạm vi mâu nhiệm: không một từ ngữ hay ý niệm nào có thể biểu đạt cho đầy đủ được. Gần đây, H. U. von Balthasar lấy ý niệm “phổ niệm cụ thể” (*universal concrete*) của triết gia Hegel mà áp dụng cho trường hợp Đức Kitô: Ngài là cá nhân phổ quát,

bởi vì, do thần tính, Ngài vô cùng vô tận.¹²⁷ Suốt dòng lịch sử, vai trò cứu độ của Đức Kitô vẫn mãi tiếp tục cách hữu hình qua Giáo hội, là khí cụ (bí tích) cứu độ phổ quát (x. ASMD 1).

9. TỔNG HỢP: HÒA GIẢI

Hòa giải (*katallagê*) là phục hồi tình thân, tình bạn, bằng cách khắc phục tình trạng mâu thuẫn, bội nghịch, thù hằn, v.v. Trong công cuộc cứu độ, đó là việc làm của Thiên Chúa, là sứ vụ của Giáo hội. Trước hết là sáng kiến của Thiên Chúa, nhưng cũng là thái độ đáp ứng của con người; là mục đích của cuộc tạo dựng mới, tức là nhiệm vụ của Đức Kitô: hòa giải là tái lập mối hiệp thông giữa Thiên Chúa và loài người, như thánh Phaolô viết: “Thiên Chúa đã nhờ Đức Kitô mà cho chúng ta được hòa giải với Người, và trao cho chúng ta chức vụ hòa giải” (2Cr 5:18-19). Lòng quảng đại và tình thương vô biên của Thiên Chúa đã hòa giải chúng ta là tội nhân, cách nhưng không, nhờ Đức Kitô chịu chết vì chúng ta (x. Rm 5:8-11). Việc hòa giải này không chỉ giới hạn ở trong phạm vi siêu nhiên vô hình, mà còn trải rộng hiệu năng ra giữa xã hội loài người (x. Ep 2:4tt). Con người cần phải đáp ứng với tất cả tự do; vì thế, Phaolô khẩn khoản nài xin: “Hãy làm hòa với Thiên Chúa!” (2Cr 5:20).¹²⁸

¹²⁷ Marchesi, G., *La cristologia di Hans Urs von Balthasar. La figura di Gesù Cristo espressione visibile di Dio*, Roma: Gregoriana 1977; Loser, W., “*Universale concretum* come legge fondamentale dell’*oconomia revelationis*,” trong W. Kern-H. J., Potmeyer-M. Seckler (eds), *Corso di Teologia Fondamentale, 2. Trattato sulla rivelazione*, Brescia 1990, tt. 123-138.

¹²⁸ Dupont, J., *La réconciliation dans la théologie de saint Paul*, Bruges-Paris: DDB 1953; Banks, R. J. (ed), *Reconciliation and Hope: New Testament Essays on Atonement and Eschatology*, Exeter 1974; Sacchi, A., “La riconcilia-

Kế hoạch hòa giải cũng tương tự như việc tái lập giao ước. Các ngôn sứ đã loan báo Chúa Giavê sẽ lập một giao ước mới (x. Gr 31:33tt; 33:20tt; Ed 16:60, v.v.), nghĩa là sẽ tái lập quan hệ hòa giải với dân. Đức Kitô đã làm việc ấy trong bữa tiệc ly (cách bí tích) như Phúc âm và Phaolô trình thuật (x. Mt 26: 28tt; 1Cr 11:25), và trên thập giá (cách đổ máu) như thư Do thái nói rõ (x. Dt 7:22; 8:6.8).

Nơi hòa giải là thập giá (x. Ep 2:14tt): bởi nơi đó hội tụ tất cả hận thù, căm hờn (là mặt trái của tình thương, tức là tội lỗi) Đức Kitô đã phải mang trên mình. Ngài bị giết, thì tội lỗi, là căm thù, cũng bị giết chết. Không còn căm thù, hờn ghét, thì hết chia rẽ: “Thiên Chúa muốn nhờ Ngài mà làm cho muôn vật được hòa giải với mình; nhờ máu Ngài đổ ra trên thập giá, Thiên Chúa đem lại bình an cho mọi loài dưới đất và muôn vật trên trời” (Cl 1:20). Tất cả đều đồng tâm nhất trí, vì cùng có chung một Đầu là Đức Kitô (x. Ep 1:10).

Nhưng, những gì Đức Kitô đã hoàn thành “chỉ một lần là đủ” (Dt 10:10), đều cần phải được từng bước thực hiện ở giữa lịch sử loài người; Đức Kitô đã hoàn tất công việc, con người cần phải thông hiệp bằng cách đáp ứng thích đáng. Nếu Thiên Chúa tha thứ ‘như’ chúng ta tha thứ cho nhau (x. Mt 6:12) thì việc hòa giải với Thiên Chúa cũng đi qua lối ngã hòa giải với anh chị em đồng loại (x. Mt 5:23-24). Có hối cải (x. 2Cr 5:20) thì lòng người mới rộng mở để đón nhận ân huệ của Đức Kitô (x. 2Cr 5:21).

Thực ra, kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa là kế hoạch hòa giải. Những khái niệm khác, như chuộc lại, xá tội, đền tội, công

chính hóa v.v., chỉ là những hình thức biểu đạt những phương cách hay khía cạnh của công trình duy nhất ấy. Vấn đề là đôi lúc thần học chú tâm quá nhiều đến chi tiết mà bỏ quên toàn bộ: cho đến gần đây, trong các bộ từ điển và sách giáo khoa thần học vẫn không đọc thấy mục “Hòa Giải.” Hiện giờ, thần học và huấn quyền đang ra sức nêu bật ý nghĩa đặc thù của chủ đề này: hòa giải là “mẫu nhiệm trung tâm của kế hoạch cứu độ.”¹²⁹ Văn hóa thời nay không muốn nghe nói tới những phạm trù kể trên; vì vậy, Giáo hội đã lấy lại từ ngữ “hòa giải,” rất thích hợp với thời đại này, đúng như *Sách Giáo lý của các Giám mục Pháp* nhận định: “Thật ra, ít có một từ nào thích hợp hơn [từ này] để nói lên những gì Đức Kitô đã làm cho con người tội phạm và cho loài người sống xa cách Thiên Chúa, lại còn bị phân hóa vì chia rẽ cùng hận thù gây chết chóc, và nhiều lúc còn đi đến chỗ phá vỡ quan hệ cả với thiên nhiên.”¹³⁰

Đức Giêsu, Đấng Cứu tinh, trước hết, là con người được hoà giải với Thiên Chúa, với vũ trụ, với chính mình. Ngài sinh vào một thế giới chia rẽ vì hận thù. Sứ mệnh của Ngài là hòa giải cha ông với con cháu (x. Lc 1:17), và phá hủy những bức tường phân cách giữa các thành phần trong xã hội. Khi trừ quỷ là Ngài xua đuổi nguyên nhân chia rẽ (x. Gc 3:15tt); trình thuật về người bị quỷ ám ở Ghêrasa (Mc 5:1tt) là một dụ ngôn về việc hòa giải một người với chính bản thân người ấy, với xã hội và với thiên nhiên. Khi tha tội là Ngài đưa tội nhân về với Cha trong niềm hân hoan, an hòa (x. Lc 15). Trường hợp Dakêu (x. Lc 19:1tt),

¹²⁹ Đức Gioan Phaolô II, *Reconciliatio et Poenitentia*, 2-XII-1984, số 7: *Doc. Catho.* số 1877 (1985) 1-31.

¹³⁰ *Catéchisme pour adultes des évêques de France*, 1991, số 269, xem các số 270-272.

chẳng hạn, cho thấy cần phải làm thế nào để một “tội nhân” hòa giải với tôn giáo và xã hội; trình thuật về người phụ nữ Samari (x. Ga 4) cũng nêu rõ bầu khí hòa giải ấy. Thí dụ cụ thể và sống động nhất là nhóm tông đồ Đức Giêsu quy tụ quanh mình và muốn biến thành một công đoàn tiêu biểu của xã hội được hòa giải, dù có gồm nhiều thành phần rất khác biệt nhau: có kẻ xuất thân từ phái Nhiệt thành (Zêlót), có người thuộc giới thu thuế, có người chăm lo tuân giữ Lễ Luật như Nathanaen, cũng có cả dân chài ăn không rửa tay, v.v.; còn nhóm các môn đồ đông hơn, thì gồm người Nam và người Bắc, giới quý phái (Nicôđê-mô, Arimathêa, bà Gioanna: Lc 8:2-3) và lớp thường dân, nam và nữ, v.v. Sứ điệp của Ngài nhấn mạnh đến việc hòa giải với nhau, coi đó có khi quan trọng hơn cả phụng vụ (x. Mt 5:23tt), và trong “vương quốc” của Ngài, việc tha thứ cho nhau là điều kiện thiết yếu, không thể thiếu được (x. Mt 6:14-5; 18:15tt, v.v.).

Cuộc sống và sứ điệp của Đức Giêsu thì ngược hẳn với lối suy tư và hành động của một xã hội bất hòa; vì thế, Ngài đã trở thành nạn nhân của quyền bính tôn giáo (Caipha) và nhà nước (Philatô). Họ giết Ngài vì những lý do riêng của họ; nhưng Ngài chết “để quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối” (Ga 11:52). Thần học thập giá của thánh Phaolô đã giải nghĩa sự kiện này.

Mục đích của kế hoạch cứu độ không chỉ là tái lập giao ước, giải phóng dân Chúa, thực hiện cuộc sáng tạo mới v.v., nhưng còn là quy tụ con cái Thiên Chúa thành một gia đình có Người làm *Cha*, tức là một xã hội huynh đệ, không những về mặt hữu thể siêu nghiệm (x. Ga 1:12), mà còn về cả mặt lịch sử, xã hội và tâm lý nữa: đó là kinh nghiệm của Giáo hội sơ khai, bởi “tất cả đều là anh chị em của nhau” (Mt 23:8). Trong gia đình ấy

không có xung đột xã hội (x. Cv 4:32-5); nếu có và chắc hẳn sẽ có vấn đề bất đồng thì biết giải hòa trong tình huynh đệ (x. Cv 15:23), như giữa anh em một nhà (x. 1Cr 1:10; 3:1; 5:11; 2Cr 2:5tt), theo lời dạy của Đức Giêsu (Lc 17:4). Ở đây, Cứu độ học bắt gặp Giáo hội học.

Tóm lại, chức năng hòa giải của Đức Kitô vẫn mãi tiếp tục trong sứ mệnh của Giáo hội; Đức Kitô là hiện thân của hòa giải: phải làm thế nào để Ngài có thể tỏ hiện ở trong Giáo hội như là ở giữa một xã hội hòa giải, v.v. Hòa giải nêu rõ những chiều kích của ơn cứu độ: cá nhân cũng như xã hội, tôn giáo cũng như dân sự, nhân loại cũng như vũ trụ. Đức Kitô là Trung gian duy nhất của công trình này.

TRONG SỐ NÀY

Lời Nói Đầu i

Kitô Học: hành trình trỗi trở

Canxêđôn - Cônxtăntinốp 367

Đức Giêsu chịu chết

Biến cố lịch sử - Ý nghĩa - Kenosis 408

Công trình Đức Giêsu

Cứu độ học - Vai trò của Đức Kitô 472

Đấng Cứu Độ duy nhất

Vấn đề - Quan điểm 565

Emmanuel

Thể cách hiện diện 591

Thư mục l

29&30, Năm XI (2001)

Với phép Bề Trên có thẩm quyền